

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Đồ dùng điện *không* có bộ phận cách điện bằng:

- A. Chất dẻo B. Kim loại C. Thủy tinh D. Cao su

Câu 2. Ống cách điện có chiều dài là:

- A. 2 – 5m B. 2 – 3mm C. 2 – 3m D. 2 – 3cm

Câu 3. Để kiểm tra rò điện của các dụng cụ điện bằng kim loại ta dùng dụng cụ nào sau đây?

- A. Bút thử điện B. Công tơ điện C. Kìm D. Tua vít

Câu 4. Ống cách điện có đường kính thông dụng là:

- A. 25cm B. 25m C. 25 mm D. 10mm

Câu 5. Đối với lắp đặt mạng điện kiểu ngầm thì dây dẫn được đặt ở:

- A. Cột nhà. B. Trong các rãnh của tường.
C. Trên trần nhà. D. Dầm xà.

Câu 6. Mạng điện trong lớp em dây dẫn được lắp đặt kiểu nào?

- A. Lắp đặt trên cao.
B. Vừa lắp đặt kiểu ngầm, vừa lắp đặt kiểu nổi.
C. Chỉ lắp đặt kiểu ngầm.
D. Chỉ lắp đặt kiểu nổi.

Câu 7. Yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

- A. Đường dây đi qua vật kiến trúc B. Đường dây song song vật kiến trúc
C. Đường dây cắt vật kiến trúc D. Đường dây vuông góc vật kiến trúc

Câu 8. Để đóng ngắt mạch điện cầu thang thuận tiện ta cần lắp đặt:

- A. 1 công tắc 2 cực. B. 2 công tắc 2 cực.
C. 2 công tắc 3 cực. D. 1 công tắc 3 cực.

Câu 9. Ống nào dưới đây được sử dụng để nối phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ?

- A. Kẹp ống. B. Ống nối thẳng. C. Ống nối L. D. Ống nối T.

Câu 10. Khi kiểm tra các thiết bị của mạng điện trong nhà em phát hiện dây chảy cầu chì bị đứt thì nên thay bằng:

- A. Dây đồng. B. Dây nhôm. C. Dây chì. D. Dây thiếc.

Câu 11. Đối với mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi, các đường dây khác cấp điện áp:

- A. Phải đặt cạnh nhau B. Phải luôn chung một ống
C. Không luôn chung một ống D. Được luôn chung một ống

Câu 12. Nên đặt ổ cắm điện ở vị trí nào?

- A. Nơi ẩm ướt B. Nơi nhiều bụi C. Nơi khô ráo D. Nơi quá nóng

Câu 13. Vỏ công tắc nếu bị nứt hoặc vỡ thì phải:

- A. Dùng băng keo dán lại. B. Dùng ốc vít vặn lại.
C. Buộc lại bằng dây thun. D. Thay vỏ mới.

Câu 14. Điều *không* phải là việc làm của kiểm tra đồ dùng điện?

- A. Kiểm tra cách điện đồ dùng điện
B. Dây dẫn không bị hở cách điện, rạn nứt
C. Nối các dây dẫn điện
D. Kiểm tra định kì các đồ dùng điện

Câu 15. Trước khi sửa chữa mạng điện trong nhà em cần phải làm gì?

- A. Rửa tay. B. Cắt các công tắc. C. Cắt nguồn điện. D. Bật tắt cả đèn.

Câu 16. Thiết bị điện nào dưới đây là thiết bị đóng cắt của mạng điện trong nhà?

- A. Phích cắm điện B. Cầu dao C. Ổ cắm điện D. Cầu chì

Câu 17. Yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

- A. Đường dây thấp hơn mặt đất 2,5 m
B. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 m trở lên
C. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 m
D. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 cm trở lên

Câu 18. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Không đặt ổ cắm điện ở nơi ẩm ướt
B. Không đặt ổ cắm ở nơi nhiều bụi
C. Không phải thay ổ cắm điện khi bị hỏng
D. Không đặt ổ cắm ở nơi quá nóng

Câu 19. Tại sao dây dẫn điện trong nhà không được dùng dây dẫn trần?

- A. Để đảm bảo an toàn điện
B. Không đạt yêu cầu về mỹ thuật
C. Dây dẫn trần không bền bằng dây dẫn có vỏ bọc
D. Không thuận tiện khi sử dụng

Câu 20. Cách nối dây của hai công tắc ba cực trong mạch điện cầu thang là:

- A. Một cực động nối với một cực tĩnh. B. Cực động nối với cực động.
C. Một cực động nối với hai cực tĩnh. D. Cực tĩnh nối với cực tĩnh.

Câu 21. Công dụng ống nối chữ T:

- A. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.
B. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
C. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.
D. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.

Câu 22. Trong lắp đặt mạng điện kiểu nổi, có mấy loại phụ kiện đi kèm ống?

- A. 4 B. 1 C. 2 D. 3

Câu 23. Công tắc 2 cực của mạch điện một công tắc 3 cực điều khiển 2 đèn dùng để:

- A. Điều khiển hai đèn B. Nối với đèn 2
C. Nối với đèn 1 D. Đóng hoặc ngắt nguồn điện

Câu 24. Bước 1 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

- A. Khoan lỗ B. Nối dây bộ đèn
C. Vạch dấu D. Lắp thiết bị điện của bảng điện

Câu 25. Khi lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn cần vẽ sơ đồ nào?

- A. Sơ đồ nguyên lí B. Sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt
C. Sơ đồ lắp đặt D. Không cần vẽ sơ đồ

Câu 26. Điều không phải là ưu điểm của lắp đặt mạng điện kiểu ngầm?

- A. Đảm bảo tính thẩm mỹ B. Tránh được tác động của môi trường
C. Tiết kiệm không gian lắp đặt D. Thuận tiện cho việc sửa chữa.

Câu 27. Quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn gồm mấy bước?

- A. 8 B. 5 C. 2 D. 4

Câu 28. Khi lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cầu chì được mắc trên dây nào?

A. Dây pha và dây trung hòa.

B. Dây cháy.

C. Dây pha.

D. Dây trung hòa.

Câu 29. Khi lắp đặt mạng điện kiểu nổi bằng điện phải cách mặt đất tối thiểu :

A. 1,3 – 1,5m

B. 1,3 – 1,7m.

C. 1,4 – 1,5m

D. 1,3 – 1,6m

Câu 30. Công dụng ống nối nối tiếp:

A. Sử dụng khi nối hai ống luôn dây vuông góc với nhau.

B. Dùng để nối nối tiếp hai ống luôn dây với nhau.

C. Dùng cố định ống luôn dây dẫn trên tường.

D. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ

Câu 31. Công dụng kẹp đỡ ống:

A. Sử dụng khi nối hai ống luôn dây vuông góc với nhau.

B. Dùng cố định ống luôn dây dẫn trên tường.

C. Dùng để nối nối tiếp hai ống luôn dây với nhau.

D. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ

Câu 32. Quy trình chung để vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

A. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý

B. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý

C. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn

D. Vẽ đường dây nguồn → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện

Câu 33. Công tắc hai cực được mắc vào mạch điện như thế nào?

A. Mắc nối tiếp với đèn, không qua cầu chì

B. Mắc sau đồ dùng điện

C. Mắc nối tiếp với cầu chì

D. Mắc song song với cầu chì

Câu 34. Điều không phải yêu cầu kỹ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi?

A. Tổng tiết diện dây dẫn trong ống không vượt quá 40% tiết diện ống

B. Được phép luồn các đường dây khác cấp điện áp vào chung một ống

C. Khi dây dẫn phân nhánh phải tăng kẹp ống

D. Khi dây dẫn đổi hướng phải tăng kẹp ống

Câu 35. Yêu cầu kỹ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

A. Đường dây cắt vật kiến trúc

B. Đường dây vuông góc vật kiến trúc

C. Đường dây song song vật kiến trúc

D. Đường dây đặt trong rãnh kết cấu xây dựng

Câu 36. Điều không phải đặc điểm của mạng điện lắp đặt kiểu ngầm?

A. Dây dẫn lồng trong các ống nhựa đặt dọc trần nhà, cột, dầm, xà

B. Dây dẫn đặt trong rãnh của trần nhà

C. Dây dẫn đặt trong rãnh của tường

D. Lắp đặt dây dẫn thường tiến hành trước khi đổ bê tông

Câu 37. Lắp đặt mạch điện hai công tắc hai cực điều khiển hai đèn cần có các thiết bị nào?

A. Một cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn

B. Bốn cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn

C. Hai cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn

D. Ba cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn

Câu 38. Công dụng ống nối chữ L:

A. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.

B. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.

C. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.

D. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ

Câu 39. Lắp đặt mạng điện có loại nào sau đây?

A. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi, trên cao

B. Lắp đặt mạng điện ngầm, trên cao

C. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi, kiểu ngầm

D. Lắp đặt mạng điện trên cao, dưới thấp

Câu 40. Yêu cầu của đường dây dẫn đi xuyên qua tường hoặc trần nhà:

A. Luồn dây qua ống cách điện

B. Hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10m

C. Hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10mm

D. Luồn dây qua ống cách điện, hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10mm

----- **HẾT** -----

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Khi kiểm tra các thiết bị của mạng điện trong nhà em phát hiện dây chảy cầu chì bị đứt thì nên thay bằng:

- A. Dây thiếc. B. Dây nhôm. C. Dây đồng. D. Dây chì.

Câu 2. Nên đặt ổ cắm điện ở vị trí nào?

- A. Nơi nhiều bụi B. Nơi khô ráo C. Nơi quá nóng D. Nơi ẩm ướt

Câu 3. Trước khi sửa chữa mạng điện trong nhà em cần phải làm gì?

- A. Rửa tay. B. Cắt nguồn điện. C. Cắt các công tắc. D. Bật tắt cả đèn.

Câu 4. Cách nối dây của hai công tắc ba cực trong mạch điện cầu thang là:

- A. Một cực động nối với một cực tĩnh. B. Một cực động nối với hai cực tĩnh.
C. Cực động nối với cực động. D. Cực tĩnh nối với cực tĩnh.

Câu 5. Yêu cầu kỹ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

- A. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 m trở lên
B. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 m
C. Đường dây thấp hơn mặt đất 2,5 m
D. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 cm trở lên

Câu 6. Để đóng ngắt mạch điện cầu thang thuận tiện ta cần lắp đặt:

- A. 2 công tắc 3 cực. B. 1 công tắc 3 cực.
C. 1 công tắc 2 cực. D. 2 công tắc 2 cực.

Câu 7. Vỏ công tắc nếu bị nứt hoặc vỡ thì phải :

- A. Buộc lại bằng dây thun. B. Thay vỏ mới.
C. Dùng băng keo dán lại. D. Dùng ốc vít vặn lại.

Câu 8. Tại sao dây dẫn điện trong nhà không được dùng dây dẫn trần?

- A. Để đảm bảo an toàn điện
B. Dây dẫn trần không bền bằng dây dẫn có vỏ bọc
C. Không thuận tiện khi sử dụng
D. Không đạt yêu cầu về mỹ thuật

Câu 9. Ống cách điện có chiều dài là:

- A. 2 – 3m B. 2 – 3cm C. 2 – 3mm D. 2 – 5m

Câu 10. Đối với mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi, các đường dây khác cấp điện áp:

- A. Phải luồn chung một ống B. Phải đặt cạnh nhau
C. Được luồn chung một ống D. Không luồn chung một ống

Câu 11. Đối với lắp đặt mạng điện kiểu ngầm thì dây dẫn được đặt ở:

- A. Dầm xà. B. Cột nhà.
C. Trên trần nhà. D. Trong các rãnh của tường.

Câu 12. Mạng điện trong lớp em dây dẫn được lắp đặt kiểu nào?

- A. Vừa lắp đặt kiểu ngầm, vừa lắp đặt kiểu nổi.
B. Chỉ lắp đặt kiểu nổi.
C. Lắp đặt trên cao.
D. Chỉ lắp đặt kiểu ngầm.

Câu 13. Ống cách điện có đường kính thông dụng là:

- A. 25 mm B. 10mm C. 25cm D. 25m

Câu 14. Phát biểu nào sau đây sai?

- A. Không đặt ổ cắm ở nơi nhiều bụi
- B. Không đặt ổ cắm điện ở nơi ẩm ướt
- C. Không phải thay ổ cắm điện khi bị hỏng
- D. Không đặt ổ cắm ở nơi quá nóng

Câu 15. Ông nào dưới đây được sử dụng để nối phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ?

- A. Ông nối thẳng.
- B. Ông nối L.
- C. Ông nối T.
- D. Kẹp ống.

Câu 16. Điều *không* phải là việc làm của kiểm tra đồ dùng điện?

- A. Kiểm tra cách điện đồ dùng điện
- B. Dây dẫn không bị hở cách điện, rạn nứt
- C. Nối các dây dẫn điện
- D. Kiểm tra định kì các đồ dùng điện

Câu 17. Để kiểm tra rò điện của các dụng cụ điện bằng kim loại ta dùng dụng cụ nào sau đây?

- A. Kim
- B. Bút thử điện
- C. Công tơ điện
- D. Tua vít

Câu 18. Thiết bị điện nào dưới đây là thiết bị đóng cắt của mạng điện trong nhà?

- A. Cầu chì
- B. Cầu dao
- C. Phích cắm điện
- D. Ổ cắm điện

Câu 19. Yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

- A. Đường dây cắt vật kiến trúc
- B. Đường dây đi qua vật kiến trúc
- C. Đường dây song song vật kiến trúc
- D. Đường dây vuông góc vật kiến trúc

Câu 20. Đồ dùng điện *không* có bộ phận cách điện bằng:

- A. Thủy tinh
- B. Chất dẻo
- C. Kim loại
- D. Cao su

Câu 21. Công tắc hai cực được mắc vào mạch điện như thế nào?

- A. Mắc nối tiếp với đèn, không qua cầu chì
- B. Mắc song song với cầu chì
- C. Mắc sau đồ dùng điện
- D. Mắc nối tiếp với cầu chì

Câu 22. Khi lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cầu chì được mắc trên dây nào?

- A. Dây pha.
- B. Dây chảy.
- C. Dây trung hòa.
- D. Dây pha và dây trung hòa.

Câu 23. Điều *không* phải đặc điểm của mạng điện lắp đặt kiểu ngầm?

- A. Lắp đặt dây dẫn thường tiến hành trước khi đổ bê tông
- B. Dây dẫn đặt trong rãnh của trần nhà
- C. Dây dẫn đặt trong rãnh của tường
- D. Dây dẫn lồng trong các ống nhựa đặt dọc trần nhà, cột, dầm, xà

Câu 24. Lắp đặt mạng điện có loại nào sau đây?

- A. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi, kiểu ngầm
- B. Lắp đặt mạng điện ngầm, trên cao
- C. Lắp đặt mạng điện trên cao, dưới thấp
- D. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi, trên cao

Câu 25. Điều *không* phải yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi?

- A. Tổng tiết diện dây dẫn trong ống không vượt quá 40% tiết diện ống
- B. Khi dây dẫn đổi hướng phải tăng kẹp ống
- C. Khi dây dẫn phân nhánh phải tăng kẹp ống
- D. Được phép luồn các đường dây khác cấp điện áp vào chung một ống

Câu 26. Khi lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn cần vẽ sơ đồ nào?

- A. Sơ đồ lắp đặt
- C. Sơ đồ nguyên lí

- B. Sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt
- D. Không cần vẽ sơ đồ

Câu 27. Công dụng ống nối chữ L:

- A. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.
- B. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.
- C. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
- D. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.

Câu 28. Khi lắp đặt mạng điện kiểu nổi bằng điện phải cách mặt đất tối thiểu :

- A. 1,4 – 1,5m
- B. 1,3 – 1,6m
- C. 1,3 – 1,7m.
- D. 1,3 – 1,5m

Câu 29. Yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

- A. Đường dây song song vật kiến trúc
- B. Đường dây vuông góc vật kiến trúc
- C. Đường dây cắt vật kiến trúc
- D. Đường dây đặt trong rãnh kết cấu xây dựng

Câu 30. Lắp đặt mạch điện hai công tắc hai cực điều khiển hai đèn cần có các thiết bị nào?

- A. Hai cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn
- B. Ba cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn
- C. Bốn cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn
- D. Một cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn

Câu 31. Yêu cầu của đường dây dẫn đi xuyên qua tường hoặc trần nhà:

- A. Hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10mm
- B. Hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10m
- C. Luồn dây qua ống cách điện, hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10mm
- D. Luồn dây qua ống cách điện

Câu 32. Điều *không* phải là ưu điểm của lắp đặt mạng điện kiểu ngầm?

- A. Thuận tiện cho việc sửa chữa.
- B. Đảm bảo tính thẩm mỹ
- C. Tránh được tác động của môi trường
- D. Tiết kiệm không gian lắp đặt

Câu 33. Bước 1 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

- A. Lắp thiết bị điện của bảng điện
- B. Vạch dấu
- C. Khoan lỗ
- D. Nối dây bộ đèn

Câu 34. Quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn gồm mấy bước?

- A. 4
- B. 8
- C. 5
- D. 2

Câu 35. Công dụng kẹp đỡ ống:

- A. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.
- B. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.
- C. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.
- D. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ

Câu 36. Trong lắp đặt mạng điện kiểu nổi, có mấy loại phụ kiện đi kèm ống?

- A. 3
- B. 1
- C. 2
- D. 4

Câu 37. Công tắc 2 cực của mạch điện một công tắc 3 cực điều khiển 2 đèn dùng để:

- A. Nối với đèn 2
- B. Điều khiển hai đèn
- C. Đóng hoặc ngắt nguồn điện
- D. Nối với đèn 1

Câu 38. Công dụng ống nối nối tiếp:

- A. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.
- B. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.

C. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ

D. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.

Câu 39. Công dụng ống nối chữ T:

A. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.

B. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.

C. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.

D. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ

Câu 40. Quy trình chung để vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

A. Vẽ đường dây nguồn → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện

B. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý

C. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn

D. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý

----- **HẾT** -----

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Đồ dùng điện *không* có bộ phận cách điện bằng:

- A. Thủy tinh B. Kim loại C. Cao su D. Chất dẻo

Câu 2. Để kiểm tra rò điện của các dụng cụ điện bằng kim loại ta dùng dụng cụ nào sau đây?

- A. Kim B. Công tơ điện C. Bút thử điện D. Tua vít

Câu 3. Tại sao dây dẫn điện trong nhà *không* được dùng dây dẫn trần?

- A. Dây dẫn trần không bền bằng dây dẫn có vỏ bọc
B. Không đạt yêu cầu về mỹ thuật
C. Không thuận tiện khi sử dụng
D. Để đảm bảo an toàn điện

Câu 4. Ống nào dưới đây được sử dụng để nối phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ?

- A. Kẹp ống. B. Ống nối L. C. Ống nối thẳng. D. Ống nối T.

Câu 5. Trước khi sửa chữa mạng điện trong nhà em cần phải làm gì?

- A. Cắt nguồn điện. B. Cắt các công tắc.
C. Rửa tay. D. Bật tất cả đèn.

Câu 6. Điều *không* phải là việc làm của kiểm tra đồ dùng điện?

- A. Kiểm tra cách điện đồ dùng điện
B. Nối các dây dẫn điện
C. Kiểm tra định kì các đồ dùng điện
D. Dây dẫn không bị hở cách điện, rạn nứt

Câu 7. Mạng điện trong lớp em dây dẫn được lắp đặt kiểu nào?

- A. Lắp đặt trên cao.
B. Vừa lắp đặt kiểu ngầm, vừa lắp đặt kiểu nổi.
C. Chỉ lắp đặt kiểu nổi.
D. Chỉ lắp đặt kiểu ngầm.

Câu 8. Ống cách điện có đường kính thông dụng là:

- A. 10mm B. 25cm C. 25m D. 25 mm

Câu 9. Yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

- A. Đường dây vuông góc vật kiến trúc B. Đường dây cắt vật kiến trúc
C. Đường dây song song vật kiến trúc D. Đường dây đi qua vật kiến trúc

Câu 10. Nên đặt ổ cắm điện ở vị trí nào?

- A. Nơi quá nóng B. Nơi nhiều bụi C. Nơi khô ráo D. Nơi ẩm ướt

Câu 11. Để đóng ngắt mạch điện cầu thang thuận tiện ta cần lắp đặt:

- A. 1 công tắc 2 cực. B. 2 công tắc 3 cực.
C. 2 công tắc 2 cực. D. 1 công tắc 3 cực.

Câu 12. Phát biểu nào sau đây *sai*?

- A. Không đặt ổ cắm điện ở nơi ẩm ướt
B. Không đặt ổ cắm ở nơi quá nóng
C. Không đặt ổ cắm ở nơi nhiều bụi
D. Không phải thay ổ cắm điện khi bị hỏng

Câu 13. Đối với mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi, các đường dây khác cấp điện áp:

- A. Phải luôn chung một ống
- B. Không luôn chung một ống
- C. Được luôn chung một ống
- D. Phải đặt cạnh nhau

Câu 14. Ống cách điện có chiều dài là:

- A. 2 – 5m
- B. 2 – 3mm
- C. 2 – 3cm
- D. 2 – 3m

Câu 15. Cách nối dây của hai công tắc ba cực trong mạch điện cầu thang là:

- A. Cực tĩnh nối với cực tĩnh.
- B. Cực động nối với cực động.
- C. Một cực động nối với một cực tĩnh.
- D. Một cực động nối với hai cực tĩnh.

Câu 16. Thiết bị điện nào dưới đây là thiết bị đóng cắt của mạng điện trong nhà?

- A. Phích cắm điện
- B. Cầu chì
- C. Cầu dao
- D. Ổ cắm điện

Câu 17. Đối với lắp đặt mạng điện kiểu ngầm thì dây dẫn được đặt ở:

- A. Cột nhà.
- B. Trong các rãnh của tường.
- C. Dầm xà.
- D. Trên trần nhà.

Câu 18. Yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

- A. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 cm trở lên
- B. Đường dây thấp hơn mặt đất 2,5 m
- C. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 m trở lên
- D. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 m

Câu 19. Vỏ công tắc nếu bị nứt hoặc vỡ thì phải :

- A. Thay vỏ mới.
- B. Dùng ốc vít vặn lại.
- C. Buộc lại bằng dây thun.
- D. Dùng băng keo dán lại.

Câu 20. Khi kiểm tra các thiết bị của mạng điện trong nhà em phát hiện dây chảy cầu chì bị đứt thì nên thay bằng:

- A. Dây nhôm.
- B. Dây chì.
- C. Dây đồng.
- D. Dây thiếc.

Câu 21. Công dụng ống nối chữ T:

- A. Dùng để nối nối tiếp hai ống luôn dây với nhau.
- B. Dùng cố định ống luôn dây dẫn trên tường.
- C. Sử dụng khi nối hai ống luôn dây vuông góc với nhau.
- D. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ

Câu 22. Quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn gồm mấy bước?

- A. 8
- B. 5
- C. 4
- D. 2

Câu 23. Lắp đặt mạng điện có loại nào sau đây?

- A. Lắp đặt mạng điện ngầm, trên cao
- B. Lắp đặt mạng điện trên cao, dưới thấp
- C. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi, trên cao
- D. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi, kiểu ngầm

Câu 24. Công tắc 2 cực của mạch điện một công tắc 3 cực điều khiển 2 đèn dùng để:

- A. Điều khiển hai đèn
- B. Đóng hoặc ngắt nguồn điện
- C. Nối với đèn 1
- D. Nối với đèn 2

Câu 25. Trong lắp đặt mạng điện kiểu nổi, có mấy loại phụ kiện đi kèm ống?

- A. 1
- B. 4
- C. 2
- D. 3

Câu 26. Công dụng ống nối chữ L:

- A. Sử dụng khi nối hai ống luôn dây vuông góc với nhau.
- B. Dùng để nối nối tiếp hai ống luôn dây với nhau.
- C. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
- D. Dùng cố định ống luôn dây dẫn trên tường.

Câu 27. Khi lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cầu chì được mắc trên dây nào?

- A. Dây pha và dây trung hòa.
- B. Dây pha.
- C. Dây trung hòa.
- D. Dây cháy.

Câu 28. Khi lắp đặt mạng điện kiểu nổi bằng điện phải cách mặt đất tối thiểu :

- A. 1,3 – 1,7m.
- B. 1,3 – 1,5m
- C. 1,3 – 1,6m
- D. 1,4 – 1,5m

Câu 29. Bước 1 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

- A. Vạch dấu
- B. Lắp thiết bị điện của bảng điện
- C. Nối dây bộ đèn
- D. Khoan lỗ

Câu 30. Công tắc hai cực được mắc vào mạch điện như thế nào?

- A. Mắc sau đồ dùng điện
- B. Mắc nối tiếp với cầu chì
- C. Mắc nối tiếp với đèn, không qua cầu chì
- D. Mắc song song với cầu chì

Câu 31. Quy trình chung để vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

A. Vẽ đường dây nguồn → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện

B. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn

C. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý

D. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý

Câu 32. Yêu cầu của đường dây dẫn đi xuyên qua tường hoặc trần nhà:

- A. Hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10mm
- B. Luồn dây qua ống cách điện
- C. Luồn dây qua ống cách điện, hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10mm
- D. Hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10m

Câu 33. Điều không phải là ưu điểm của lắp đặt mạng điện kiểu ngầm?

- A. Đảm bảo tính thẩm mỹ
- B. Tiết kiệm không gian lắp đặt
- C. Thuận tiện cho việc sửa chữa.
- D. Tránh được tác động của môi trường

Câu 34. Công dụng ống nối nối tiếp:

- A. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.
- B. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
- C. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.
- D. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.

Câu 35. Công dụng kẹp đỡ ống:

- A. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
- B. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.
- C. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.
- D. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.

Câu 36. Điều không phải yêu cầu kỹ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi?

- A. Khi dây dẫn phân nhánh phải tăng kẹp ống
- B. Khi dây dẫn đổi hướng phải tăng kẹp ống
- C. Được phép luồn các đường dây khác cấp điện áp vào chung một ống
- D. Tổng tiết diện dây dẫn trong ống không vượt quá 40% tiết diện ống

Câu 37. Yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

- A. Đường dây đặt trong rãnh kết cấu xây dựng
- B. Đường dây cắt vật kiến trúc
- C. Đường dây song song vật kiến trúc
- D. Đường dây vuông góc vật kiến trúc

Câu 38. Lắp đặt mạch điện hai công tắc hai cực điều khiển hai đèn cần có các thiết bị nào?

- A. Hai cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn
- B. Một cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn
- C. Bốn cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn
- D. Ba cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn

Câu 39. Điều *không* phải đặc điểm của mạng điện lắp đặt kiểu ngầm?

- A. Dây dẫn đặt trong rãnh của tường
- B. Dây dẫn lồng trong các ống nhựa đặt dọc trần nhà, cột, dầm, xà
- C. Dây dẫn đặt trong rãnh của trần nhà
- D. Lắp đặt dây dẫn thường tiến hành trước khi đổ bê tông

Câu 40. Khi lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn cần vẽ sơ đồ nào?

- | | |
|-----------------------------------|-----------------------|
| A. Sơ đồ nguyên lí | B. Không cần vẽ sơ đồ |
| C. Sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt | D. Sơ đồ lắp đặt |

----- **HẾT** -----

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Đối với lắp đặt mạng điện kiểu ngầm thì dây dẫn được đặt ở:

- A. Dầm xà.
- B. Trên trần nhà.
- C. Trong các rãnh của tường.
- D. Cột nhà.

Câu 2. Tại sao dây dẫn điện trong nhà *không* được dùng dây dẫn trần?

- A. Để đảm bảo an toàn điện
- B. Không thuận tiện khi sử dụng
- C. Không đạt yêu cầu về mỹ thuật
- D. Dây dẫn trần không bền bằng dây dẫn có vỏ bọc

Câu 3. Phát biểu nào sau đây *sai*?

- A. Không đặt ổ cắm điện ở nơi ẩm ướt
- B. Không đặt ổ cắm ở nơi quá nóng
- C. Không phải thay ổ cắm điện khi bị hỏng
- D. Không đặt ổ cắm ở nơi nhiều bụi

Câu 4. Thiết bị điện nào dưới đây là thiết bị đóng cắt của mạng điện trong nhà?

- A. Ổ cắm điện
- B. Phích cắm điện
- C. Cầu chì
- D. Cầu dao

Câu 5. Yêu cầu kỹ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

- A. Đường dây cắt vật kiến trúc
- B. Đường dây đi qua vật kiến trúc
- C. Đường dây song song vật kiến trúc
- D. Đường dây vuông góc vật kiến trúc

Câu 6. Để đóng ngắt mạch điện cầu thang thuận tiện ta cần lắp đặt:

- A. 2 công tắc 2 cực.
- B. 1 công tắc 2 cực.
- C. 1 công tắc 3 cực.
- D. 2 công tắc 3 cực.

Câu 7. Đối với mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi, các đường dây khác cấp điện áp:

- A. Phải luôn chung một ống
- B. Không luôn chung một ống
- C. Được luôn chung một ống
- D. Phải đặt cạnh nhau

Câu 8. Cách nối dây của hai công tắc ba cực trong mạch điện cầu thang là:

- A. Một cực động nối với hai cực tĩnh.
- B. Một cực động nối với một cực tĩnh.
- C. Cực động nối với cực động.
- D. Cực tĩnh nối với cực tĩnh.

Câu 9. Yêu cầu kỹ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

- A. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 m
- B. Đường dây thấp hơn mặt đất 2,5 m
- C. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 cm trở lên
- D. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 m trở lên

Câu 10. Để kiểm tra rò điện của các dụng cụ điện bằng kim loại ta dùng dụng cụ nào sau đây?

- A. Kim
- B. Tua vít
- C. Công tơ điện
- D. Bút thử điện

Câu 11. Ống nào dưới đây được sử dụng để nối phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ?

- A. Kẹp ống.
- B. Ống nối T.
- C. Ống nối L.
- D. Ống nối thẳng.

Câu 12. Điều *không* phải là việc làm của kiểm tra đồ dùng điện?

- A. Dây dẫn không bị hở cách điện, rạn nứt
- B. Kiểm tra định kì các đồ dùng điện
- C. Nối các dây dẫn điện

D. Kiểm tra cách điện đồ dùng điện

Câu 13. Khi kiểm tra các thiết bị của mạng điện trong nhà em phát hiện dây chảy cầu chì bị đứt thì nên thay bằng:

- A. Dây nhôm. B. Dây thiếc. C. Dây đồng. D. Dây chì.

Câu 14. Ống cách điện có chiều dài là:

- A. 2 – 3cm B. 2 – 3m C. 2 – 5m D. 2 – 3mm

Câu 15. Trước khi sửa chữa mạng điện trong nhà em cần phải làm gì?

- A. Cắt các công tắc. B. Bật tắt cả đèn. C. Rửa tay. D. Cắt nguồn điện.

Câu 16. Mạng điện trong lớp em dây dẫn được lắp đặt kiểu nào?

- A. Vừa lắp đặt kiểu ngầm, vừa lắp đặt kiểu nổi.
B. Chỉ lắp đặt kiểu nổi.
C. Chỉ lắp đặt kiểu ngầm.
D. Lắp đặt trên cao.

Câu 17. Vỏ công tắc nếu bị nứt hoặc vỡ thì phải :

- A. Dùng băng keo dán lại. B. Dùng ốc vít vặn lại.
C. Buộc lại bằng dây thun. D. Thay vỏ mới.

Câu 18. Đồ dùng điện không có bộ phận cách điện bằng:

- A. Cao su B. Thủy tinh C. Chất dẻo D. Kim loại

Câu 19. Nên đặt ổ cắm điện ở vị trí nào?

- A. Nơi khô ráo B. Nơi ẩm ướt C. Nơi nhiều bụi D. Nơi quá nóng

Câu 20. Ống cách điện có đường kính thông dụng là:

- A. 25cm B. 25m C. 10mm D. 25 mm

Câu 21. Công dụng kẹp đỡ ống:

- A. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.
B. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.
C. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
D. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.

Câu 22. Công dụng ống nối chữ T:

- A. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.
B. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.
C. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
D. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.

Câu 23. Yêu cầu của đường dây dẫn đi xuyên qua tường hoặc trần nhà:

- A. Luồn dây qua ống cách điện
B. Hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10m
C. Luồn dây qua ống cách điện, hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10mm
D. Hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10mm

Câu 24. Quy trình chung để vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

- A. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý
B. Vẽ đường dây nguồn → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện
C. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn
D. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý

Câu 25. Công dụng ống nối chữ L:

- A. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.
- B. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.
- C. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.
- D. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ

Câu 26. Đầu *không* phải là ưu điểm của lắp đặt mạng điện kiểu ngầm?

- A. Thuận tiện cho việc sửa chữa.
- B. Đảm bảo tính thẩm mỹ
- C. Tránh được tác động của môi trường
- D. Tiết kiệm không gian lắp đặt

Câu 27. Khi lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cầu chì được mắc trên dây nào?

- A. Dây chảy.
- B. Dây pha và dây trung hòa.
- C. Dây pha.
- D. Dây trung hòa.

Câu 28. Đầu *không* phải đặc điểm của mạng điện lắp đặt kiểu ngầm?

- A. Dây dẫn đặt trong rãnh của trần nhà
- B. Dây dẫn lồng trong các ống nhựa đặt dọc trần nhà, cột, dầm, xà
- C. Lắp đặt dây dẫn thường tiến hành trước khi đổ bê tông
- D. Dây dẫn đặt trong rãnh của tường

Câu 29. Công tắc hai cực được mắc vào mạch điện như thế nào?

- A. Mắc nối tiếp với cầu chì
- B. Mắc nối tiếp với đèn, không qua cầu chì
- C. Mắc song song với cầu chì
- D. Mắc sau đồ dùng điện

Câu 30. Công tắc 2 cực của mạch điện một công tắc 3 cực điều khiển 2 đèn dùng để:

- A. Nối với đèn 1
- B. Nối với đèn 2
- C. Điều khiển hai đèn
- D. Đóng hoặc ngắt nguồn điện

Câu 31. Khi lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn cần vẽ sơ đồ nào?

- A. Sơ đồ nguyên lí
- B. Sơ đồ lắp đặt
- C. Không cần vẽ sơ đồ
- D. Sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt

Câu 32. Trong lắp đặt mạng điện kiểu nổi, có mấy loại phụ kiện đi kèm ống?

- A. 3
- B. 2
- C. 1
- D. 4

Câu 33. Quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn gồm mấy bước?

- A. 5
- B. 4
- C. 8
- D. 2

Câu 34. Khi lắp đặt mạng điện kiểu nổi bảng điện phải cách mặt đất tối thiểu :

- A. 1,3 – 1,5m
- B. 1,3 – 1,6m
- C. 1,4 – 1,5m
- D. 1,3 – 1,7m.

Câu 35. Lắp đặt mạch điện hai công tắc hai cực điều khiển hai đèn cần có các thiết bị nào?

- A. Ba cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn
- B. Hai cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn
- C. Bốn cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn
- D. Một cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn

Câu 36. Bước 1 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

- A. Vạch dấu
- B. Khoan lỗ
- C. Lắp thiết bị điện của bảng điện
- D. Nối dây bộ đèn

Câu 37. Yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

- A. Đường dây vuông góc vật kiến trúc
- B. Đường dây đặt trong rãnh kết cấu xây dựng

C. Đường dây song song vật kiến trúc

D. Đường dây cắt vật kiến trúc

Câu 38. Lắp đặt mạng điện có loại nào sau đây?

A. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi, kiểu ngầm

B. Lắp đặt mạng điện trên cao, dưới thấp

C. Lắp đặt mạng điện ngầm, trên cao

D. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi, trên cao

Câu 39. Công dụng ống nối nối tiếp:

A. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ

B. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.

C. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.

D. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.

Câu 40. Đâu không phải yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi?

A. Khi dây dẫn phân nhánh phải tăng kẹp ống

B. Tổng tiết diện dây dẫn trong ống không vượt quá 40% tiết diện ống

C. Khi dây dẫn đổi hướng phải tăng kẹp ống

D. Được phép luồn các đường dây khác cấp điện áp vào chung một ống

----- **HẾT** -----

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
Năm học 2023 - 2024

HƯỚNG DẪN CHẤM – ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM
BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN CÔNG NGHỆ 9

Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

Mã đề 901

Câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10
Đáp án	B	C	A	C	B	B	B	C	D	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	C	D	C	C	B	B	C	A	D
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	B	A	D	C	B	D	B	C	A	B
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	B	B	C	B	C	A	C	C	C	D

Mã đề 902

Câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10
Đáp án	D	B	B	D	A	A	B	A	A	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	A	A	C	C	C	B	B	C	C
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	D	A	D	A	D	B	B	D	A	A
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	A	B	C	B	D	C	B	D	D



BCH duyệt

Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NT/GV ra đề

Dương Thị Tươi

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
Năm học 2023 - 2024

HƯỚNG DẪN CHẤM – ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM
BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN CÔNG NGHỆ 9

Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

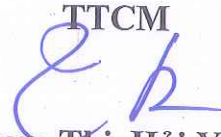
Mã đề 903

Câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10
Đáp án	B	C	D	D	A	B	B	D	C	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	D	B	D	A	C	B	C	A	B
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	D	B	D	B	B	A	B	B	A	B
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	C	C	A	B	C	C	A	B	C

Mã đề 904

Câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10
Đáp án	C	A	C	D	C	D	B	D	D	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	C	D	B	D	A	D	D	A	D
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	D	C	C	A	B	A	C	B	A	D
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	D	D	A	A	B	A	C	A	C	D


BGH duyệt
Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NT/GV ra đề

Dương Thị Tươi

Viết lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Công dụng ống nối chữ T:

- A. Dùng để nối nối tiếp hai ống luôn dây với nhau.
- B. Dùng cố định ống luôn dây dẫn trên tường.
- C. Sử dụng khi nối hai ống luôn dây vuông góc với nhau.
- D. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ

Câu 2. Quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn gồm mấy bước?

- A. 8 B. 5 C. 4 D. 2

Câu 3. Lắp đặt mạng điện có loại nào sau đây?

- A. Lắp đặt mạng điện ngầm, trên cao
- B. Lắp đặt mạng điện trên cao, dưới thấp
- C. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi, trên cao
- D. Lắp đặt mạng điện kiểu nổi, kiểu ngầm

Câu 4. Công tắc 2 cực của mạch điện một công tắc 3 cực điều khiển 2 đèn dùng để:

- A. Điều khiển hai đèn B. Đóng hoặc ngắt nguồn điện
- C. Nối với đèn 1 D. Nối với đèn 2

Câu 5. Trong lắp đặt mạng điện kiểu nổi, có mấy loại phụ kiện đi kèm ống?

- A. 1 B. 4 C. 2 D. 3

Câu 6. Công dụng ống nối chữ L:

- A. Sử dụng khi nối hai ống luôn dây vuông góc với nhau.
- B. Dùng để nối nối tiếp hai ống luôn dây với nhau.
- C. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ
- D. Dùng cố định ống luôn dây dẫn trên tường.

Câu 7. Khi lắp đặt mạch điện hai công tắc ba cực điều khiển một đèn, cầu chì được mắc trên dây nào?

- A. Dây pha và dây trung hòa. B. Dây pha.
- C. Dây trung hòa. D. Dây chảy.

Câu 8. Khi lắp đặt mạng điện kiểu nổi bảng điện phải cách mặt đất tối thiểu :

- A. 1,3 – 1,7m. B. 1,3 – 1,5m C. 1,3 – 1,6m D. 1,4 – 1,5m

Câu 9. Bước 1 của quy trình lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

- A. Vạch dấu B. Lắp thiết bị điện của bảng điện
- C. Nối dây bộ đèn D. Khoan lỗ

Câu 10. Công tắc hai cực được mắc vào mạch điện như thế nào?

- A. Mắc sau đồ dùng điện
- B. Mắc nối tiếp với cầu chì
- C. Mắc nối tiếp với đèn, không qua cầu chì
- D. Mắc song song với cầu chì

Câu 11. Quy trình chung để vẽ sơ đồ lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn là:

- A. Vẽ đường dây nguồn → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý → Xác định vị trí để bảng điện bóng đèn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện

B. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý → Xác định vị trí ổ bảng điện bóng đèn

C. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí ổ bảng điện bóng đèn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý

D. Vẽ đường dây nguồn → Xác định vị trí các thiết bị điện trên bảng điện → Xác định vị trí ổ bảng điện bóng đèn → Vẽ đường dây dẫn theo sơ đồ nguyên lý

Câu 12. Yêu cầu của đường dây dẫn đi xuyên qua tường hoặc trần nhà:

A. Hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10mm

B. Luồn dây qua ống cách điện

C. Luồn dây qua ống cách điện, hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10mm

D. Hai đầu ống phải nhô ra khỏi tường 10m

Câu 13. Điều *không* phải là ưu điểm của lắp đặt mạng điện kiểu ngầm?

A. Đảm bảo tính thẩm mỹ

B. Tiết kiệm không gian lắp đặt

C. Thuận tiện cho việc sửa chữa.

D. Tránh được tác động của môi trường

Câu 14. Công dụng ống nối nối tiếp:

A. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.

B. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ

C. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.

D. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.

Câu 15. Công dụng kẹp đỡ ống:

A. Dùng để phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ

B. Dùng cố định ống luồn dây dẫn trên tường.

C. Dùng để nối nối tiếp hai ống luồn dây với nhau.

D. Sử dụng khi nối hai ống luồn dây vuông góc với nhau.

Câu 16. Điều *không* phải yêu cầu kỹ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi?

A. Khi dây dẫn phân nhánh phải tăng kẹp ống

B. Khi dây dẫn đổi hướng phải tăng kẹp ống

C. Được phép luồn các đường dây khác cấp điện áp vào chung một ống

D. Tổng tiết diện dây dẫn trong ống không vượt quá 40% tiết diện ống

Câu 17. Yêu cầu kỹ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:

A. Đường dây đặt trong rãnh kết cấu xây dựng

B. Đường dây cắt vật kiến trúc

C. Đường dây song song vật kiến trúc

D. Đường dây vuông góc vật kiến trúc

Câu 18. Lắp đặt mạch điện hai công tắc hai cực điều khiển hai đèn cần có các thiết bị nào?

A. Hai cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn

B. Một cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn

C. Bốn cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn

D. Ba cầu chì, hai công tắc hai cực, hai bóng đèn

Câu 19. Điều *không* phải đặc điểm của mạng điện lắp đặt kiểu ngầm?

A. Dây dẫn đặt trong rãnh của tường

B. Dây dẫn lồng trong các ống nhựa đặt dọc trần nhà, cột, dầm, xà

C. Dây dẫn đặt trong rãnh của trần nhà

D. Lắp đặt dây dẫn thường tiến hành trước khi đổ bê tông

Câu 20. Khi lắp đặt mạch điện một công tắc ba cực điều khiển hai đèn cần vẽ sơ đồ nào?

A. Sơ đồ nguyên lý

B. Không cần vẽ sơ đồ

- C. Sơ đồ nguyên lí, sơ đồ lắp đặt
D. Sơ đồ lắp đặt
- Câu 21. Đối với lắp đặt mạng điện kiểu ngầm thì dây dẫn được đặt ở:**
A. Dầm xà.
B. Trên trần nhà.
C. Trong các rãnh của tường.
D. Cột nhà.
- Câu 22. Tại sao dây dẫn điện trong nhà không được dùng dây dẫn trần?**
A. Để đảm bảo an toàn điện
B. Không thuận tiện khi sử dụng
C. Không đạt yêu cầu về mỹ thuật
D. Dây dẫn trần không bền bằng dây dẫn có vỏ bọc
- Câu 23. Phát biểu nào sau đây sai?**
A. Không đặt ổ cắm điện ở nơi ẩm ướt
B. Không đặt ổ cắm ở nơi quá nóng
C. Không phải thay ổ cắm điện khi bị hỏng
D. Không đặt ổ cắm ở nơi nhiều bụi
- Câu 24. Thiết bị điện nào dưới đây là thiết bị đóng cắt của mạng điện trong nhà?**
A. Ổ cắm điện
B. Phích cắm điện
C. Cầu chì
D. Cầu dao
- Câu 25. Yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:**
A. Đường dây cắt vật kiến trúc
B. Đường dây đi qua vật kiến trúc
C. Đường dây song song vật kiến trúc
D. Đường dây vuông góc vật kiến trúc
- Câu 26. Để đóng ngắt mạch điện cầu thang thuận tiện ta cần lắp đặt:**
A. 2 công tắc 2 cực.
B. 1 công tắc 2 cực.
C. 1 công tắc 3 cực.
D. 2 công tắc 3 cực.
- Câu 27. Đối với mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi, các đường dây khác cấp điện áp:**
A. Phải luôn chung một ống
B. Không luôn chung một ống
C. Được luôn chung một ống
D. Phải đặt cạnh nhau
- Câu 28. Cách nối dây của hai công tắc ba cực trong mạch điện cầu thang là:**
A. Một cực động nối với hai cực tĩnh.
B. Một cực động nối với một cực tĩnh.
C. Cực động nối với cực động.
D. Cực tĩnh nối với cực tĩnh.
- Câu 29. Yêu cầu kĩ thuật của mạng điện lắp đặt dây dẫn kiểu nổi:**
A. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 m
B. Đường dây thấp hơn mặt đất 2,5 m
C. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 cm trở lên
D. Đường dây cao hơn mặt đất 2,5 m trở lên
- Câu 30. Để kiểm tra rò điện của các dụng cụ điện bằng kim loại ta dùng dụng cụ nào sau đây?**
A. Kim
B. Tua vít
C. Công tơ điện
D. Bút thử điện
- Câu 31. Ống nào dưới đây được sử dụng để nối phân nhánh dây dẫn mà không sử dụng mối nối rẽ?**
A. Kẹp ống.
B. Ống nối T.
C. Ống nối L.
D. Ống nối thẳng.
- Câu 32. Điều không phải là việc làm của kiểm tra đồ dùng điện?**
A. Dây dẫn không bị hở cách điện, rạn nứt
B. Kiểm tra định kì các đồ dùng điện
C. Nối các dây dẫn điện
D. Kiểm tra cách điện đồ dùng điện
- Câu 33. Khi kiểm tra các thiết bị của mạng điện trong nhà em phát hiện dây chảy cầu chì bị đứt thì nên thay bằng:**
A. Dây nhôm.
B. Dây thiếc.
C. Dây đồng.
D. Dây chì.

Câu 34. Ống cách điện có chiều dài là:

A. 2 – 3cm

B. 2 – 3m

C. 2 – 5m

D. 2 – 3mm

Câu 35. Trước khi sửa chữa mạng điện trong nhà em cần phải làm gì?

A. Cắt các công tắc.

B. Bật tắt cả đèn.

C. Rửa tay.

D. Cắt nguồn điện.

Câu 36. Mạng điện trong lớp em dây dẫn được lắp đặt kiểu nào?

A. Vừa lắp đặt kiểu ngầm, vừa lắp đặt kiểu nổi.

B. Chỉ lắp đặt kiểu nổi.

C. Chỉ lắp đặt kiểu ngầm.

D. Lắp đặt trên cao.

Câu 37. Vỏ công tắc nếu bị sút hoặc vỡ thì phải :

A. Dùng băng keo dán lại.

B. Dùng ốc vít vặn lại.

C. Buộc lại bằng dây thun.

D. Thay vỏ mới.

Câu 38. Đồ dùng điện không có bộ phận cách điện bằng:

A. Cao su

B. Thủy tinh

C. Chất dẻo

D. Kim loại

Câu 39. Nên đặt ổ cắm điện ở vị trí nào?

A. Nơi khô ráo

B. Nơi ẩm ướt

C. Nơi nhiều bụi

D. Nơi quá nóng

Câu 40. Ống cách điện có đường kính thông dụng là:

A. 25cm

B. 25m

C. 10mm

D. 25 mm

----- HẾT -----

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
Năm học 2023 - 2024

HƯỚNG DẪN CHẤM – ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM
BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II
MÔN CÔNG NGHỆ 9

Mỗi câu trả lời đúng 0,25đ

Mã đề 905

Câu	01	02	03	04	05	06	07	08	09	10
Đáp án	D	B	D	B	B	A	B	B	A	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	C	C	A	B	C	C	A	B	C
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	C	A	C	D	C	D	B	D	D	D
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	B	C	D	B	D	A	D	D	A	D



BGH duyệt

Khúc Thị Mỹ Hạnh

TTCM

Phạm Thị Hải Yến

NT/GV ra đề

Dương Thị Tươi

Ghi lại chữ cái đầu trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Cố ý đánh người gây thương tích là hành vi vi phạm

- A. kỷ luật. B. hành chính. C. hình sự. D. dân sự.

Câu 2. Độ tuổi thấp nhất của người lao động là?

- A. 18 tuổi. B. Từ đủ 15 tuổi. C. 15 tuổi. D. Từ đủ 18 tuổi.

Câu 3. Hoạt động sản xuất nhằm mục đích thu lợi nhuận được gọi là?

- A. Sản xuất. B. Kinh doanh. C. Lao động. D. Buôn bán.

Câu 4. Theo quy định của pháp luật, thời gian làm việc của lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi là không quá:

- A. 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần. B. 6 giờ/ngày và 30 giờ/tuần.
C. 5 giờ/ngày và 25 giờ/tuần D. 7 giờ/ngày và 35 giờ/tuần

Câu 5. Trong những quyền và nghĩa vụ sau đây quyền và nghĩa vụ nào là thiêng liêng và cao quý nhất đối với mỗi công dân?

- A. Lao động B. Học tập
C. Nộp thuế cho nhà nước D. Bảo vệ Tổ quốc

Câu 6. “tội phạm” là khái niệm chỉ người có hành vi vi phạm loại pháp luật nào?

- A. dân sự B. hình sự C. kỉ luật. D. hành chính.

Câu 7. Quyền lao động được Hiến pháp 2013 quy định tại điều :

- A. Điều 33. B. Điều 30. C. Điều 25. D. Điều 35.

Câu 8. Công dân thực hiện quyền lao động khi tự do

- A. lựa chọn mức thuế thu nhập. B. đề xuất quan điểm cá nhân.
C. tìm hiểu hoạt động kinh doanh. D. sử dụng sức lao động để học nghề.

Câu 9. Ngày Pháp luật nước Việt nam là

- A. 9/11 B. 9/2 C. 11/9 D. 2/9

Câu 10. Nghĩa vụ tham gia quản lý xã hội là trách nhiệm của ai?

- A. Mọi công dân. B. Cơ quan nhà nước. C. Học sinh. D. Quân đội.

Câu 11. Độ tuổi nào phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi phạm tội của mình ?

- A. Người từ đủ 17 tuổi trở nên. B. Người từ đủ 18 tuổi trở nên.
C. Người từ đủ 16 tuổi trở nên. D. Từ đủ 14 tuổi trở nên.

Câu 12. Việc làm nào dưới đây thể hiện quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân?

- A. Vượt khó trong học tập. B. Bảo vệ môi trường.
C. Nộp thuế theo đúng quy định D. Bầu cử đại biểu Quốc hội

Câu 13. Vi phạm kỉ luật là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm các quan hệ nào?

- A. lao động, công vụ nhà nước. B. nhân thân phi tài sản.
C. hôn nhân và gia đình. D. chuyển dịch tài sản.

Câu 14. Quyền tham gia quản lý nhà nước được quy định tại Hiến pháp 2013 điều?

- A. Điều 32. B. Điều 25. C. Điều 28. D. Điều 30.

Câu 15. Người phạm tội phải chấp hành biện pháp nào dưới đây?

- A. Khiển trách B. Nhắc nhở C. Phê bình. D. Cưỡng chế

Câu 16. Vai trò của lao động đối với sự tồn tại và phát triển của nhân loại là?

- A. Là động lực. B. Nhân tố quyết định.
C. Là tiền đề. D. Là điều kiện.

Câu 17. Có mấy loại vi phạm pháp luật?

- A. Ba B. Hai C. Năm D. Bốn

Câu 18. Hiến pháp 2013 quy định dân đủ bao nhiêu tuổi có quyền ứng cử?

- A. 19 tuổi B. 18 tuổi C. 21 tuổi. D. 20 tuổi

Câu 19. Cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý là gì?

- A. hành vi vi phạm pháp luật. B. khả năng nhận thức của chủ thể.
C. tính chất phạm tội. D. mức độ gây thiệt hại của hành vi.

Câu 20. Hành vi nào sau đây của công dân vi phạm quy định về kinh doanh?

- A. Né tránh kê khai vốn. B. Đề xuất miễn giảm thuế.
C. Chủ động mở rộng quy mô. D. Tự do liên doanh, liên kết.

Câu 21. Bạn A học sinh lớp 9 điều khiển xe mô tô trên 50 phân khối tới trường. Bạn A đã vi phạm pháp luật nào sau đây?

- A. Hình sự. B. Kỉ luật. C. Hành chính. D. Dân sự.

Câu 22. Công dân vi phạm pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Đề nghị cải chính hộ tịch B. Tích cực đấu tranh phê bình.
C. Ủy quyền thanh lí hợp đồng. D. Lấn chiếm hành lang giao thông.

Câu 23. Học sinh vi phạm kỉ luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Tích cực vệ sinh trường lớp. B. Gây mất đoàn kết trong lớp.
C. Từ chối ủng hộ người nghèo. D. Tham gia thanh niên xung kích.

Câu 24. Cơ quan nào dưới đây có quyền tuyên phạt đối với người phạm tội?

- A. Toà án. B. Quốc hội. C. Viện Kiểm sát. D. Chính phủ.

Câu 25. Theo Điều 7 Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt năm 2008, Nhà nước ta quy định mức thuế đối với Thuốc lá điều là:

- A. 25%. B. 10%. C. 70%. D. 65%.

Câu 26. Quyền tự do kinh doanh được được Hiến pháp 2013 quy định tại điều :

- A. Điều 25. B. Điều 30. C. Điều 33. D. Điều 35.

Câu 27. Công dân có quyền tham gia bầu cử khi đủ

- A. 17 tuổi B. 20 tuổi. C. 18 tuổi. D. 19 tuổi

Câu 28. Việc làm nào thể hiện quyền tham gia quản lý nhà nước của công dân ?

- A. Mua bảo hiểm y tế. B. Học tập.
C. Kinh doanh. D. Khiếu nại, tố cáo.

Câu 29. Các sản phẩm: giống vật nuôi, cây trồng mất thuế bao nhiêu phần trăm?

- A. 5%. B. Không mất thuế. C. 9%. D. 7%.

Câu 30. Tự do lựa chọn nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm là:

- A. Nhu cầu cần thiết.
- B. Quyền lao động.
- C. Quyết định tồn tại cho xã hội.
- D. Nghĩa vụ lao động.

Câu 31. Những hình phạt nguyên tắc nhất được áp dụng cho các hành vi vi phạm pháp luật được quy định rõ ràng trong Bộ luật nào?

- A. Hiến pháp.
- B. Bộ luật Tố tụng hình sự.
- C. Bộ luật Dân sự.
- D. Bộ luật Hình sự.

Câu 32. Thuế không có tác dụng:

- A. ổn định thị trường.
- B. điều chỉnh cơ cấu kinh tế.
- C. đảm bảo phát triển kinh tế
- D. thu lợi nhuận.

Câu 33. Nguyễn Văn C bị bắt về tội vu khống và tội làm nhục người khác. Trong trường hợp này, Nguyễn Văn C sẽ phải chịu trách nhiệm nào?

- A. hành chính.
- B. kỉ luật.
- C. dân sự.
- D. hình sự.

Câu 34. Cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là:

- A. Toà án nhân dân tối cao
- B. Chính phủ.
- C. Quốc hội.
- D. Hội đồng nhân dân.

Câu 35. Bất kì công dân nào đủ năng lực theo quy định của pháp luật có hành vi tổ chức buôn bán, vận chuyển trái phép chất ma túy phải chịu trách nhiệm pháp lí nào dưới đây?

- A. Hành chính.
- B. Hình sự.
- C. Dân sự.
- D. Khiếu kiện.

Câu 36. Theo Bộ luật Hình sự, hành vi buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, thì bị phạt tù bao nhiêu năm?

- A. 2 đến 7 năm.
- B. 2 đến 4 năm.
- C. 2 đến 5 năm.
- D. 2 đến 6 năm.

Câu 37. Anh A đi mua xăng bị bơm thiếu. Vậy người bán xăng vi phạm điều gì?

- A. Gian lận.
- B. Trốn thuế.
- C. Kinh doanh hàng lậu.
- D. Kê khai không đúng số vốn.

Câu 38. Hoạt động nhằm tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội được gọi là?

- A. Hoạt động.
- B. Sản xuất.
- C. Kinh doanh
- D. Lao động.

Câu 39. Lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm được gọi là:

- A. học nghề.
- B. cải tạo.
- C. hướng nghiệp.
- D. việc làm.

Câu 40. Công dân có thể thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, xã hội bằng cách nào?

- A. quan sát và góp ý.
- B. bàn bạc và trao đổi.
- C. trực tiếp hoặc gián tiếp.
- D. đặc biệt và thông thường.

----- HẾT -----

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024
(Mã đề 902)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKII
MÔN: GDCD 9

Thời gian làm bài: 45 Phút

Ghi lại chữ cái đầu trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Cơ quan nào dưới đây có quyền tuyên phạt đối với người phạm tội?

- A. Viện Kiểm sát. B. Toà án. C. Quốc hội. D. Chính phủ.

Câu 2. Học sinh vi phạm kỉ luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Tham gia thanh niên xung kích. B. Gây mất đoàn kết trong lớp.
C. Từ chối ủng hộ người nghèo. D. Tích cực vệ sinh trường lớp.

Câu 3. “tội phạm” là khái niệm chỉ người có hành vi vi phạm loại pháp luật nào?

- A. hành chính. B. dân sự C. hình sự D. kỉ luật.

Câu 4. Việc làm nào thể hiện quyền tham gia quản lí nhà nước của công dân ?

- A. Mua bảo hiểm y tế. B. Khiếu nại, tố cáo.
C. Kinh doanh. D. Học tập.

Câu 5. Anh A đi mua xăng bị bơm thiếu. Vậy người bán xăng vi phạm điều gì?

- A. Kê khai không đúng số vốn. B. Gian lận.
C. Trốn thuế. D. Kinh doanh hàng lậu.

Câu 6. Công dân có thể thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, xã hội bằng cách

- A. bàn bạc và trao đổi. B. trực tiếp hoặc gián tiếp.
C. đặc biệt và thông thường. D. quan sát và góp ý.

Câu 7. Bất kì công dân nào đủ năng lực theo quy định của pháp luật có hành vi tổ chức buôn bán, vận chuyển trái phép chất ma túy phải chịu trách nhiệm pháp lí nào?

- A. Hành chính. B. Dân sự. C. Khiếu kiện. D. Hình sự.

Câu 8. Lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm được gọi là:

- A. hướng nghiệp. B. cải tạo. C. học nghề. D. việc làm.

Câu 9. Các sản phẩm: giống vật nuôi, cây trồng mất thuế bao nhiêu phần trăm?

- A. 7%. B. 5%. C. 9%. D. Không mất thuế.

Câu 10. Theo Bộ luật Hình sự, hành vi buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, thì bị phạt tù bao nhiêu năm?

- A. 2 đến 5 năm. B. 2 đến 6 năm. C. 2 đến 7 năm. D. 2 đến 4 năm.

Câu 11. Độ tuổi thấp nhất của người lao động là?

- A. Từ đủ 15 tuổi. B. Từ đủ 18 tuổi. C. 15 tuổi. D. 18 tuổi.

Câu 12. Người phạm tội phải chấp hành biện pháp nào dưới đây?

- A. Khiển trách B. Nhắc nhở C. Phê bình. D. Cưỡng chế

Câu 13. Ngày Pháp luật nước Việt nam là

- A. 9/11 B. 9/2 C. 2/9 D. 11/9

Câu 14. Vai trò của lao động đối với sự tồn tại và phát triển của nhân loại là?

- A. Là tiền đề. B. Là động lực.
C. Là điều kiện. D. Nhân tố quyết định.

Câu 15. Độ tuổi nào phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi phạm tội của mình ?

- A. Người từ đủ 17 tuổi trở nên.
- B. Người từ đủ 16 tuổi trở nên.
- C. Người từ đủ 18 tuổi trở nên.
- D. Từ đủ 14 tuổi trở nên.

Câu 16. Theo Điều 7 Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt năm 2008, Nhà nước ta quy định mức thuế đối với Thuốc lá điều là:

- A. 25%.
- B. 65%.
- C. 70%.
- D. 10%.

Câu 17. Theo quy định của pháp luật, thời gian làm việc của lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi là không quá:

- A. 7 giờ/ngày và 35 giờ/tuần
- B. 6 giờ/ngày và 30 giờ/tuần.
- C. 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.
- D. 5 giờ/ngày và 25 giờ/tuần

Câu 18. Cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý là gì?

- A. khả năng nhận thức của chủ thể.
- B. tính chất phạm tội.
- C. hành vi vi phạm pháp luật.
- D. mức độ gây thiệt hại của hành vi.

Câu 19. Quyền tự do kinh doanh được được Hiến pháp 2013 quy định tại điều :

- A. Điều 25.
- B. Điều 35.
- C. Điều 30.
- D. Điều 33.

Câu 20. Quyền lao động được Hiến pháp 2013 quy định tại điều :

- A. Điều 25.
- B. Điều 33.
- C. Điều 30.
- D. Điều 35.

Câu 21. Thuế không có tác dụng:

- A. thu lợi nhuận.
- B. điều chỉnh cơ cấu kinh tế.
- C. ổn định thị trường.
- D. đảm bảo phát triển kinh tế

Câu 22. Công dân vi phạm pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Đề nghị cải chính hộ tịch
- B. Lấn chiếm hành lang giao thông.
- C. Ủy quyền thanh lí hợp đồng.
- D. Tích cực đấu tranh phê bình.

Câu 23. Trong những quyền và nghĩa vụ sau đây quyền và nghĩa vụ nào là thiêng liêng và cao quý nhất đối với mỗi công dân?

- A. Học tập
- B. Nộp thuế cho nhà nước
- C. Lao động
- D. Bảo vệ Tổ quốc

Câu 24. Vi phạm kỉ luật là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm các quan hệ nào?

- A. lao động, công vụ nhà nước.
- B. hôn nhân và gia đình.
- C. chuyển dịch tài sản.
- D. nhân thân phi tài sản.

Câu 25. Cố ý đánh người gây thương tích là hành vi vi phạm

- A. dân sự.
- B. hình sự.
- C. kỷ luật.
- D. hành chính.

Câu 26. Nghĩa vụ tham gia quản lý xã hội là trách nhiệm của ai?

- A. Học sinh.
- B. Quân đội.
- C. Mọi công dân.
- D. Cơ quan nhà nước.

Câu 27. Quyền tham gia quản lý nhà nước được quy định tại Hiến pháp 2013 điều?

- A. Điều 28.
- B. Điều 30.
- C. Điều 32.
- D. Điều 25.

Câu 28. Nguyễn Văn C bị bắt về tội vu khống và tội làm nhục người khác. Trong trường hợp này, Nguyễn Văn C sẽ phải chịu trách nhiệm nào?

- A. kỉ luật.
- B. hành chính.
- C. dân sự.
- D. hình sự.

Câu 29. Hành vi nào sau đây của công dân vi phạm quy định về kinh doanh?

- A. Tự do liên doanh, liên kết.
- B. Đề xuất miễn giảm thuế.
- C. Chủ động mở rộng quy mô.
- D. Né tránh kê khai vốn.

Câu 30. Những hình phạt nguyên tắc nhất được áp dụng cho các hành vi vi phạm pháp luật được quy định rõ ràng trong Bộ luật nào?

- A. Bộ luật Tố tụng hình sự.
- B. Hiến pháp.
- C. Bộ luật Dân sự.
- D. Bộ luật Hình sự.

Câu 31. Cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. Chính phủ.
- B. Hội đồng nhân dân.
- C. Toà án nhân dân tối cao
- D. Quốc hội.

Câu 32. Hiến pháp 2013 quy định dân đủ bao nhiêu tuổi có quyền ứng cử?

- A. 19 tuổi
- B. 18 tuổi
- C. 21 tuổi.
- D. 20 tuổi

Câu 33. Công dân có quyền tham gia bầu cử khi đủ

- A. 19 tuổi
- B. 18 tuổi.
- C. 17 tuổi
- D. 20 tuổi.

Câu 34. Việc làm nào dưới đây thể hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân?

- A. Bầu cử đại biểu Quốc hội
- B. Nộp thuế theo đúng quy định
- C. Bảo vệ môi trường.
- D. Vượt khó trong học tập.

Câu 35. Có mấy loại vi phạm pháp luật?

- A. Ba
- B. Bốn
- C. Năm
- D. Hai

Câu 36. Hoạt động nhằm tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội được gọi là?

- A. Lao động.
- B. Sản xuất.
- C. Hoạt động.
- D. Kinh doanh

Câu 37. Tự do lựa chọn nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm là:

- A. Nhu cầu cần thiết.
- B. Quyết định tồn tại cho xã hội.
- C. Quyền lao động.
- D. Nghĩa vụ lao động.

Câu 38. Công dân thực hiện quyền lao động khi tự do

- A. đề xuất quan điểm cá nhân.
- B. sử dụng sức lao động để học nghề.
- C. lựa chọn mức thuế thu nhập.
- D. tìm hiểu hoạt động kinh doanh.

Câu 39. Bạn A học sinh lớp 9 điều khiển xe mô tô trên 50 phân khối tới trường. Bạn A đã vi phạm pháp luật nào sau đây?

- A. Dân sự.
- B. Hình sự.
- C. Hành chính.
- D. Kỉ luật.

Câu 40. Hoạt động sản xuất nhằm mục đích thu lợi nhuận được gọi là?

- A. Kinh doanh.
- B. Lao động.
- C. Sản xuất.
- D. Buôn bán.

----- HẾT -----

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024
(Mã đề 903)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKII
MÔN: GDCD 9

Thời gian làm bài: 45 Phút

Ghi lại chữ cái đầu trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Vai trò của lao động đối với sự tồn tại và phát triển của nhân loại là?

- A. Là động lực. B. Là tiền đề.
C. Là điều kiện. D. Nhân tố quyết định.

Câu 2. Cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. Toà án nhân dân tối cao B. Chính phủ.
C. Hội đồng nhân dân. D. Quốc hội.

Câu 3. Công dân có thể thực hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội bằng cách nào?

- A. quan sát và góp ý. B. trực tiếp hoặc gián tiếp.
C. bàn bạc và trao đổi. D. đặc biệt và thông thường.

Câu 4. Quyền lao động được Hiến pháp 2013 quy định tại điều :

- A. Điều 33. B. Điều 25. C. Điều 35. D. Điều 30.

Câu 5. Hoạt động sản xuất nhằm mục đích thu lợi nhuận được gọi là?

- A. Buôn bán. B. Kinh doanh. C. Lao động. D. Sản xuất.

Câu 6. Cơ quan nào dưới đây có quyền tuyên phạt đối với người phạm tội?

- A. Toà án. B. Quốc hội. C. Viện Kiểm sát. D. Chính phủ.

Câu 7. Các sản phẩm: giống vật nuôi, cây trồng mất thuế bao nhiêu phần trăm?

- A. 5%. B. 7%. C. 9%. D. Không mất thuế.

Câu 8. Công dân thực hiện quyền lao động khi tự do

- A. sử dụng sức lao động để học nghề. B. tìm hiểu hoạt động kinh doanh.
C. lựa chọn mức thuế thu nhập. D. đề xuất quan điểm cá nhân.

Câu 9. Bất kì công dân nào đủ năng lực theo quy định của pháp luật có hành vi tổ chức buôn bán, vận chuyển trái phép chất ma túy phải chịu trách nhiệm pháp lí nào?

- A. Hình sự. B. Dân sự. C. Khiếu kiện. D. Hành chính.

Câu 10. Có mấy loại vi phạm pháp luật?

- A. Ba B. Bốn C. Hai D. Năm

Câu 11. Quyền tham gia quản lí nhà nước được quy định tại Hiến pháp 2013 điều?

- A. Điều 28. B. Điều 32. C. Điều 25. D. Điều 30.

Câu 12. Quyền tự do kinh doanh được được Hiến pháp 2013 quy định tại điều :

- A. Điều 25. B. Điều 33. C. Điều 30. D. Điều 35.

Câu 13. Hành vi nào sau đây của công dân vi phạm quy định về kinh doanh?

- A. Tự do liên doanh, liên kết. B. Đề xuất miễn giảm thuế.
C. Chủ động mở rộng quy mô. D. Né tránh kê khai vốn.

Câu 14. Việc làm nào dưới đây thể hiện quyền tham gia quản lí nhà nước, quản lí xã hội của công dân?

A. Bầu cử đại biểu Quốc hội

B. Nộp thuế theo đúng quy định

C. Bảo vệ môi trường.

D. Vượt khó trong học tập.

Câu 15. Độ tuổi thấp nhất của người lao động là?

A. 15 tuổi.

B. 18 tuổi.

C. Từ đủ 15 tuổi.

D. Từ đủ 18 tuổi.

Câu 16. Những hình phạt nguyên tắc nhất được áp dụng cho các hành vi vi phạm pháp luật được quy định rõ ràng trong Bộ luật nào?

A. Hiến pháp.

B. Bộ luật Hình sự.

C. Bộ luật Dân sự.

D. Bộ luật Tố tụng hình sự.

Câu 17. Trong những quyền và nghĩa vụ sau đây quyền và nghĩa vụ nào là thiêng liêng và cao quý nhất đối với mỗi công dân?

A. Học tập

B. Nộp thuế cho nhà nước

C. Lao động

D. Bảo vệ Tổ quốc

Câu 18. “tội phạm” là khái niệm chỉ người có hành vi vi phạm loại pháp luật nào?

A. dân sự

B. kỉ luật.

C. hình sự

D. hành chính.

Câu 19. Theo Bộ luật Hình sự, hành vi buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, thì bị phạt tù bao nhiêu năm?

A. 2 đến 7 năm.

B. 2 đến 5 năm.

C. 2 đến 6 năm.

D. 2 đến 4 năm.

Câu 20. Vi phạm kỉ luật là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm các quan hệ nào?

A. lao động, công vụ nhà nước.

B. hôn nhân và gia đình.

C. chuyển dịch tài sản.

D. nhân thân phi tài sản.

Câu 21. Theo quy định của pháp luật, thời gian làm việc của lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi là không quá:

A. 5 giờ/ngày và 25 giờ/tuần

B. 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.

C. 6 giờ/ngày và 30 giờ/tuần.

D. 7 giờ/ngày và 35 giờ/tuần

Câu 22. Nguyễn Văn C bị bắt về tội vu khống và tội làm nhục người khác. Trong trường hợp này, Nguyễn Văn C sẽ phải chịu trách nhiệm nào?

A. hình sự.

B. kỉ luật.

C. hành chính.

D. dân sự.

Câu 23. Độ tuổi nào phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi phạm tội của mình ?

A. Người từ đủ 16 tuổi trở nên.

B. Người từ đủ 17 tuổi trở nên.

C. Người từ đủ 18 tuổi trở nên.

D. Từ đủ 14 tuổi trở nên.

Câu 24. Ngày Pháp luật nước Việt nam là:

A. 2/9

B. 9/2

C. 9/11

D. 11/9

Câu 25. Việc làm nào thể hiện quyền tham gia quản lí nhà nước của công dân ?

A. Khiếu nại, tố cáo.

B. Học tập.

C. Mua bảo hiểm y tế.

D. Kinh doanh.

Câu 26. Nghĩa vụ tham gia quản lý xã hội là trách nhiệm của ai?

A. Quân đội.

B. Học sinh.

C. Cơ quan nhà nước.

D. Mọi công dân.

Câu 27. Tự do lựa chọn nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm là:

A. Quyết định tồn tại cho xã hội.

B. Quyền lao động.

C. Nhu cầu cần thiết.

D. Nghĩa vụ lao động.

Câu 28. Công dân vi phạm pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Lấn chiếm hành lang giao thông. B. Ủy quyền thanh lý hợp đồng.
C. Đề nghị cải chính hộ tịch D. Tích cực đấu tranh phê bình.

Câu 29. Theo Điều 7 Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt năm 2008, Nhà nước ta quy định mức thuế đối với Thuốc lá điều là:

- A. 65%. B. 25%. C. 10%. D. 70%.

Câu 30. Công dân có quyền tham gia bầu cử khi đủ

- A. 19 tuổi B. 17 tuổi C. 20 tuổi. D. 18 tuổi.

Câu 31. Người phạm tội phải chấp hành biện pháp nào dưới đây?

- A. Phê bình. B. Nhắc nhở C. Khiển trách D. Cưỡng chế

Câu 32. Thuế không có tác dụng:

- A. thu lợi nhuận. B. ổn định thị trường.
C. đảm bảo phát triển kinh tế D. điều chỉnh cơ cấu kinh tế.

Câu 33. Hiến pháp 2013 quy định dân đủ bao nhiêu tuổi có quyền ứng cử?

- A. 21 tuổi. B. 19 tuổi C. 20 tuổi D. 18 tuổi

Câu 34. Anh A đi mua xăng bị bơm thiếu. Vậy người bán xăng vi phạm điều gì?

- A. Kê khai không đúng số vốn. B. Kinh doanh hàng lậu.
C. Trốn thuế. D. Gian lận.

Câu 35. Học sinh vi phạm kỉ luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Tham gia thanh niên xung kích. B. Gây mất đoàn kết trong lớp.
C. Tích cực vệ sinh trường lớp. D. Từ chối ủng hộ người nghèo.

Câu 36. Cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý là gì?

- A. hành vi vi phạm pháp luật. B. mức độ gây thiệt hại của hành vi.
C. tính chất phạm tội. D. khả năng nhận thức của chủ thể.

Câu 37. Cố ý đánh người gây thương tích là hành vi vi phạm

- A. hành chính. B. dân sự. C. kỷ luật. D. hình sự.

Câu 38. Bạn A học sinh lớp 9 điều khiển xe mô tô trên 50 phân khối tới trường. Bạn A đã vi phạm pháp luật nào sau đây?

- A. Dân sự. B. Hình sự. C. Hành chính. D. Kỉ luật.

Câu 39. Hoạt động nhằm tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội được gọi là?

- A. Hoạt động. B. Sản xuất. C. Lao động. D. Kinh doanh

Câu 40. Lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm được gọi là:

- A. cải tạo. B. học nghề. C. hướng nghiệp. D. việc làm.

----- HẾT -----

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024
(Mã đề 904)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKII
MÔN: GDCD 9

Thời gian làm bài: 45 Phút

Ghi lại chữ cái đầu trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Những hình phạt nguyên tắc nhất được áp dụng cho các hành vi vi phạm pháp luật được quy định rõ ràng trong Bộ luật nào?

- A. Hiến pháp. B. Bộ luật Hình sự.
C. Bộ luật Tố tụng hình sự. D. Bộ luật Dân sự.

Câu 2. Theo quy định của pháp luật, thời gian làm việc của lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi là không quá:

- A. 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần. B. 6 giờ/ngày và 30 giờ/tuần.
C. 5 giờ/ngày và 25 giờ/tuần D. 7 giờ/ngày và 35 giờ/tuần

Câu 3. Tham gia thảo luận xây dựng các văn bản pháp luật là thực hiện quyền nào?

- A. Quyền ứng cử, bầu cử. B. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội.
C. Quyền tự do kinh doanh D. Quyền khiếu nại, tố cáo.

Câu 4. Người phạm tội phải chấp hành biện pháp nào dưới đây?

- A. Phê bình. B. Nhắc nhở C. Cưỡng chế D. Khiển trách

Câu 5. Độ tuổi nào phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi phạm tội của mình ?

- A. Người từ đủ 17 tuổi trở nên. B. Người từ đủ 18 tuổi trở nên.
C. Người từ đủ 16 tuổi trở nên. D. Từ đủ 14 tuổi trở nên.

Câu 6. Theo Bộ luật Hình sự, hành vi buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, thì bị phạt tù bao nhiêu năm?

- A. 2 đến 6 năm. B. 2 đến 7 năm. C. 2 đến 5 năm. D. 2 đến 4 năm.

Câu 7. Hoạt động nhằm tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội được gọi là?

- A. Hoạt động. B. Sản xuất. C. Lao động. D. Kinh doanh

Câu 8. Hiến pháp 2013 quy định dân đủ bao nhiêu tuổi có quyền ứng cử?

- A. 21 tuổi. B. 20 tuổi C. 19 tuổi D. 18 tuổi

Câu 9. Các sản phẩm: giống vật nuôi, cây trồng mất thuế bao nhiêu phần trăm?

- A. 7%. B. Không mất thuế. C. 5%. D. 9%.

Câu 10. Cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. Toà án nhân dân tối cao B. Chính phủ.
C. Quốc hội. D. Hội đồng nhân dân.

Câu 11. Công dân thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước, xã hội bằng cách nào?

- A. trực tiếp hoặc gián tiếp. B. bàn bạc và trao đổi.
C. đặc biệt và thông thường. D. quan sát và góp ý.

Câu 12. Theo Điều 7 Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt năm 2008, Nhà nước ta quy định mức thuế đối với Thuốc lá điếu là:

- A. 65%. B. 25%. C. 70%. D. 10%.

Câu 13. Trong những quyền và nghĩa vụ sau đây quyền và nghĩa vụ nào là thiêng liêng và cao quý nhất đối với mỗi công dân?

- A. Nộp thuế cho nhà nước
- B. Lao động
- C. Học tập
- D. Bảo vệ Tổ quốc

Câu 14. Hành vi nào sau đây của công dân vi phạm quy định về kinh doanh?

- A. Chủ động mở rộng quy mô.
- B. Đề xuất miễn giảm thuế.
- C. Né tránh kê khai vốn.
- D. Tự do liên doanh, liên kết.

Câu 15. Việc làm nào dưới đây thể hiện quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân?

- A. Bảo vệ môi trường.
- B. Nộp thuế theo đúng quy định
- C. Vượt khó trong học tập.
- D. Bầu cử đại biểu Quốc hội

Câu 16. Thuế không có tác dụng:

- A. đảm bảo phát triển kinh tế
- B. ổn định thị trường.
- C. thu lợi nhuận.
- D. điều chỉnh cơ cấu kinh tế.

Câu 17. Nghĩa vụ tham gia quản lý xã hội là trách nhiệm của ai?

- A. Mọi công dân.
- B. Học sinh.
- C. Quân đội.
- D. Cơ quan nhà nước.

Câu 18. Cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý là gì?

- A. khả năng nhận thức của chủ thể.
- B. tính chất phạm tội.
- C. hành vi vi phạm pháp luật.
- D. mức độ gây thiệt hại của hành vi.

Câu 19. Độ tuổi thấp nhất của người lao động là?

- A. Từ đủ 15 tuổi.
- B. Từ đủ 18 tuổi.
- C. 15 tuổi.
- D. 18 tuổi.

Câu 20. Vi phạm kỉ luật là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm các quan hệ nào?

- A. lao động, công vụ nhà nước.
- B. nhân thân phi tài sản.
- C. chuyển dịch tài sản.
- D. hôn nhân và gia đình.

Câu 21. Cơ quan nào dưới đây có quyền tuyên phạt đối với người phạm tội?

- A. Chính phủ.
- B. Toà án.
- C. Viện Kiểm sát.
- D. Quốc hội.

Câu 22. Anh A đi mua xăng bị bơm thiếu. Vậy người bán xăng vi phạm điều gì?

- A. Trốn thuế.
- B. Gian lận.
- C. Kê khai không đúng số vốn.
- D. Kinh doanh hàng lậu.

Câu 23. Công dân có quyền tham gia bầu cử khi đủ

- A. 19 tuổi
- B. 17 tuổi
- C. 20 tuổi.
- D. 18 tuổi.

Câu 24. Cố ý đánh người gây thương tích là hành vi vi phạm

- A. kỷ luật.
- B. dân sự.
- C. hành chính.
- D. hình sự.

Câu 25. Bất kì công dân nào đủ năng lực theo quy định của pháp luật có hành vi tổ chức buôn bán, vận chuyển trái phép chất ma túy phải chịu trách nhiệm pháp lý nào dưới đây?

- A. Hành chính.
- B. Dân sự.
- C. Hình sự.
- D. Khiếu kiện.

Câu 26. Công dân vi phạm pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Đề nghị cải chính hộ tịch
- B. Lấn chiếm hành lang giao thông.
- C. Ủy quyền thanh lý hợp đồng.
- D. Tích cực đấu tranh phê bình.

Câu 27. Học sinh vi phạm kỉ luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Từ chối ủng hộ người nghèo.
- B. Tích cực vệ sinh trường lớp.
- C. Gây mất đoàn kết trong lớp.
- D. Tham gia thanh niên xung kích.

Câu 28. Quyền lao động được Hiến pháp 2013 quy định tại điều :

- A. Điều 25.
- B. Điều 33.
- C. Điều 30.
- D. Điều 35.

Câu 29. Công dân thực hiện quyền lao động khi tự do

- A. đề xuất quan điểm cá nhân.
- B. tìm hiểu hoạt động kinh doanh.
- C. sử dụng sức lao động để học nghề.
- D. lựa chọn mức thuế thu nhập.

Câu 30. Nguyễn Văn C bị bắt về tội vu khống và tội làm nhục người khác. Trong trường hợp này, Nguyễn Văn C sẽ phải chịu trách nhiệm nào?

- A. hành chính.
- B. dân sự.
- C. kỉ luật.
- D. hình sự.

Câu 31. Tự do lựa chọn nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm là:

- A. Quyền lao động.
- B. Nhu cầu cần thiết.
- C. Nghĩa vụ lao động.
- D. Quyết định tồn tại cho xã hội.

Câu 32. Quyền tham gia quản lý nhà nước được quy định tại Hiến pháp 2013 điều?

- A. Điều 32.
- B. Điều 25.
- C. Điều 30.
- D. Điều 28.

Câu 33. Ngày Pháp luật nước Việt nam là

- A. 11/9
- B. 9/11
- C. 9/2
- D. 2/9

Câu 34. “tội phạm” là khái niệm chỉ người có hành vi vi phạm loại pháp luật nào?

- A. kỉ luật.
- B. hành chính.
- C. dân sự
- D. hình sự

Câu 35. Có mấy loại vi phạm pháp luật?

- A. Năm
- B. Hai
- C. Ba
- D. Bốn

Câu 36. Lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm được gọi là:

- A. cải tạo.
- B. học nghề.
- C. hướng nghiệp.
- D. việc làm.

Câu 37. Vai trò của lao động đối với sự tồn tại và phát triển của nhân loại là?

- A. Là điều kiện.
- B. Là động lực.
- C. Là tiền đề.
- D. Nhân tố quyết định.

Câu 38. Bạn A học sinh lớp 9 điều khiển xe mô tô trên 50 phân khối tới trường. Bạn A đã vi phạm pháp luật nào sau đây?

- A. Kỉ luật.
- B. Hành chính.
- C. Dân sự.
- D. Hình sự.

Câu 39. Hoạt động sản xuất nhằm mục đích thu lợi nhuận được gọi là?

- A. Sản xuất.
- B. Kinh doanh.
- C. Lao động.
- D. Buôn bán.

Câu 40. Quyền tự do kinh doanh được được Hiến pháp 2013 quy định tại điều :

- A. Điều 35.
- B. Điều 25.
- C. Điều 33.
- D. Điều 30.

----- HẾT -----

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024
(Mã đề 905)

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HKII
MÔN: GDCD 9
Thời gian làm bài: 45 Phút

Ghi lại chữ cái đầu trước câu trả lời đúng vào giấy kiểm tra:

Câu 1. Học sinh vi phạm kỉ luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

- A. Gây mất đoàn kết trong lớp. B. Tích cực vệ sinh trường lớp.
C. Tham gia thanh niên xung kích. D. Từ chối ủng hộ người nghèo.

Câu 2. Nghĩa vụ tham gia quản lý xã hội là trách nhiệm của ai?

- A. Học sinh. B. Mọi công dân. C. Quân đội. D. Cơ quan nhà nước.

Câu 3. Công dân thực hiện quyền lao động khi tự do

- A. sử dụng sức lao động để học nghề. B. tìm hiểu hoạt động kinh doanh.
C. đề xuất quan điểm cá nhân. D. lựa chọn mức thuế thu nhập.

Câu 4. Độ tuổi thấp nhất của người lao động là?

- A. 18 tuổi. B. Từ đủ 15 tuổi. C. 15 tuổi. D. Từ đủ 18 tuổi.

Câu 5. Vi phạm kỉ luật là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm các quan hệ nào?

- A. chuyển dịch tài sản. B. lao động, công vụ nhà nước.
C. nhân thân phi tài sản. D. hôn nhân và gia đình.

Câu 6. Cơ quan đại biểu cao nhất của Nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là

- A. Toà án nhân dân tối cao B. Chính phủ.
C. Hội đồng nhân dân. D. Quốc hội.

Câu 7. Vai trò của lao động đối với sự tồn tại và phát triển của nhân loại là?

- A. Là tiền đề. B. Là động lực.
C. Là điều kiện. D. Nhân tố quyết định.

Câu 8. Tham gia thảo luận xây dựng các văn bản pháp luật là thực hiện quyền nào?

- A. Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội. B. Quyền tự do kinh doanh
C. Quyền khiếu nại, tố cáo. D. Quyền ứng cử, bầu cử.

Câu 9. Hoạt động sản xuất nhằm mục đích thu lợi nhuận được gọi là?

- A. Lao động. B. Buôn bán. C. Kinh doanh. D. Sản xuất.

Câu 10. Hiến pháp 2013 quy định dân đủ bao nhiêu tuổi có quyền ứng cử?

- A. 18 tuổi B. 19 tuổi C. 21 tuổi. D. 20 tuổi

Câu 11. Tự do lựa chọn nghề nghiệp, tìm kiếm việc làm là:

- A. Quyền lao động. B. Nghĩa vụ lao động.
C. Quyết định tồn tại cho xã hội. D. Nhu cầu cần thiết.

Câu 12. Người phạm tội phải chấp hành biện pháp nào dưới đây?

- A. Cưỡng chế B. Khiển trách C. Nhắc nhở D. Phê bình.

Câu 13. Cơ sở để truy cứu trách nhiệm pháp lý là gì?

- A. hành vi vi phạm pháp luật. B. tính chất phạm tội.
C. mức độ gây thiệt hại của hành vi. D. khả năng nhận thức của chủ thể.

Câu 14. Hành vi nào sau đây của công dân vi phạm quy định về kinh doanh?

- A. Chủ động mở rộng quy mô.
- B. Né tránh kê khai vốn.
- C. Tự do liên doanh, liên kết.
- D. Đề xuất miễn giảm thuế.

Câu 15. Việc làm nào dưới đây thể hiện quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội của công dân?

- A. Bảo vệ môi trường.
- B. Bầu cử đại biểu Quốc hội
- C. Vượt khó trong học tập.
- D. Nộp thuế theo đúng quy định

Câu 16. Công dân có thể thực hiện quyền tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội bằng cách nào?

- A. trực tiếp hoặc gián tiếp.
- B. bàn bạc và trao đổi.
- C. quan sát và góp ý.
- D. đặc biệt và thông thường.

Câu 17. Ngày Pháp luật nước Việt nam là

- A. 2/9
- B. 9/2
- C. 9/11
- D. 11/9

Câu 18. Quyền lao động được Hiến pháp 2013 quy định tại điều :

- A. Điều 25.
- B. Điều 33.
- C. Điều 35.
- D. Điều 30.

Câu 19. Cơ quan nào dưới đây có quyền tuyên phạt đối với người phạm tội?

- A. Toà án.
- B. Viện Kiểm sát.
- C. Chính phủ.
- D. Quốc hội.

Câu 20. Nguyễn Văn C bị bắt về tội vu khống và tội làm nhục người khác. Trong trường hợp này, Nguyễn Văn C sẽ phải chịu trách nhiệm nào?

- A. kỉ luật.
- B. hình sự.
- C. hành chính.
- D. dân sự.

Câu 21. Theo quy định của pháp luật, thời gian làm việc của lao động từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi là không quá:

- A. 5 giờ/ngày và 25 giờ/tuần
- B. 6 giờ/ngày và 30 giờ/tuần.
- C. 8 giờ/ngày và 40 giờ/tuần.
- D. 7 giờ/ngày và 35 giờ/tuần

Câu 22. Những hình phạt nguyên tắc nhất được áp dụng cho các hành vi vi phạm pháp luật được quy định rõ ràng trong Bộ luật nào?

- A. Hiến pháp.
- B. Bộ luật Hình sự.
- C. Bộ luật Tố tụng hình sự.
- D. Bộ luật Dân sự.

Câu 23. Lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm được gọi là:

- A. hướng nghiệp.
- B. cải tạo.
- C. học nghề.
- D. việc làm.

Câu 24. Bất kì công dân nào đủ năng lực theo quy định của pháp luật có hành vi tổ chức buôn bán, vận chuyển trái phép chất ma túy phải chịu trách nhiệm pháp lí nào dưới đây?

- A. Dân sự.
- B. Khiếu kiện.
- C. Hành chính.
- D. Hình sự.

Câu 25. Cố ý đánh người gây thương tích là hành vi vi phạm

- A. hình sự.
- B. dân sự.
- C. hành chính.
- D. kỷ luật.

Câu 26. Quyền tự do kinh doanh được được Hiến pháp 2013 quy định tại điều :

- A. Điều 30.
- B. Điều 33.
- C. Điều 25.
- D. Điều 35.

Câu 27. Trong những quyền và nghĩa vụ sau đây quyền và nghĩa vụ nào là thiêng liêng và cao quý nhất đối với mỗi công dân?

A. Lao động

B. Nộp thuế cho nhà nước

C. Bảo vệ Tổ quốc

D. Học tập

Câu 28. “tội phạm” là khái niệm chỉ người có hành vi vi phạm loại pháp luật nào?

A. dân sự

B. hình sự

C. hành chính.

D. kỉ luật.

Câu 29. Anh A đi mua xăng bị bơm thiếu. Vậy người bán xăng vi phạm điều gì?

A. Trốn thuế.

B. Kê khai không đúng số vốn.

C. Gian lận.

D. Kinh doanh hàng lậu.

Câu 30. Theo Điều 7 Luật Thuế Tiêu thụ đặc biệt năm 2008, Nhà nước ta quy định mức thuế đối với Thuốc lá điều là:

A. 70%.

B. 25%.

C. 65%.

D. 10%.

Câu 31. Theo Bộ luật Hình sự, hành vi buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh, thì bị phạt tù bao nhiêu năm?

A. 2 đến 4 năm.

B. 2 đến 7 năm.

C. 2 đến 6 năm.

D. 2 đến 5 năm.

Câu 32. Việc làm nào thể hiện quyền tham gia quản lí nhà nước của công dân ?

A. Mua bảo hiểm y tế.

B. Khiếu nại, tố cáo.

C. Học tập.

D. Kinh doanh.

Câu 33. Quyền tham gia quản lí nhà nước được quy định tại Hiến pháp 2013 điều?

A. Điều 28.

B. Điều 25.

C. Điều 30.

D. Điều 32.

Câu 34. Bạn A học sinh lớp 9 điều khiển xe mô tô trên 50 phân khối tới trường. Bạn A đã vi phạm pháp luật nào sau đây?

A. Hình sự.

B. Kỉ luật.

C. Dân sự.

D. Hành chính.

Câu 35. Công dân vi phạm pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

A. Đề nghị cải chính hộ tịch

B. Lấn chiếm hành lang giao thông.

C. Ủy quyền thanh lí hợp đồng.

D. Tích cực đấu tranh phê bình.

Câu 36. Hoạt động nhằm tạo ra của cải vật chất và tinh thần cho xã hội được gọi là?

A. Lao động.

B. Hoạt động.

C. Sản xuất.

D. Kinh doanh

Câu 37. Công dân có quyền tham gia bầu cử khi đủ

A. 17 tuổi

B. 18 tuổi.

C. 20 tuổi.

D. 19 tuổi

Câu 38. Có mấy loại vi phạm pháp luật?

A. Hai

B. Bốn

C. Ba

D. Năm

Câu 39. Độ tuổi nào phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi phạm tội của mình ?

A. Từ đủ 14 tuổi trở nên.

B. Người từ đủ 17 tuổi trở nên.

C. Người từ đủ 16 tuổi trở nên.

D. Người từ đủ 18 tuổi trở nên.

Câu 40. Thuế không có tác dụng:

A. đảm bảo phát triển kinh tế

B. thu lợi nhuận.

C. ổn định thị trường.

D. điều chỉnh cơ cấu kinh tế.

----- HẾT -----

PHÒNG GD&ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023 - 2024

KIỂM TRA CUỐI HKII
MÔN: GDCD 9
Thời gian làm bài: 45 Phút

ĐÁP ÁN – BIỂU ĐIỂM

PHẦN TRẮC NGHIỆM: (10 điểm) Mỗi câu 0.25 điểm

Mã đề: 901

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	C	B	B	A	D	B	D	C	A	A	D	D	A	C	D	B	D	C	A	A
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	D	B	C	D	C	C	D	B	B	D	D	D	C	B	A	A	D	D	C

Mã đề: 902

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	B	C	B	B	B	D	D	D	C	A	B	A	D	D	B	C	C	D	D
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	A	B	D	A	B	C	A	D	D	D	D	C	B	A	B	A	C	D	C	A

Mã đề: 903

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	D	B	C	B	A	D	B	A	B	A	B	D	A	C	B	D	C	A	A
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	B	A	D	C	A	D	B	A	A	D	D	A	A	D	B	A	D	C	C	D

Mã đề: 904

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	A	B	C	D	B	C	A	B	C	A	A	D	C	D	C	A	C	A	A
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	B	B	D	D	C	B	C	D	B	D	A	D	B	D	D	D	D	B	B	C

Mã đề: 905

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	B	B	B	B	D	D	A	C	C	A	A	A	B	B	A	A	C	A	B
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	B	D	D	A	B	C	B	C	C	B	B	A	D	B	A	B	B	A	B

TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
NGỌC LÂM
ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN
BGH duyệt
Ngô Thị Bích Liên

TTCM
Lưu Hoàng Trang

Nhóm trưởng
Phùng Thị Vui

Mã đề Đ.901

Trắc nghiệm (10 điểm) *Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng*

Câu 1. Ở nước ta có các đảo xa bờ là

- A. Phú Quốc, Cát Bà, Lý Sơn
B. Bạch Long Vĩ, Hoàng Sa, Trường Sa
C. Lý Sơn, Hoàng Sa, Trường Sa
D. Côn Đảo, Cát Bà, Phú Quý

Câu 2. Theo thứ tự lần lượt từ trong đất liền trở ra, vùng biển nước ta bao gồm các bộ phận

- A. nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
B. lãnh hải, nội thủy, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
C. tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
D. vùng đặc quyền kinh tế, nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải

Câu 3. Phạm vi được coi là biên giới quốc gia trên biển?

- A. Ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế
B. Ranh giới phía trong của lãnh hải
C. Ranh giới phía ngoài của lãnh hải
D. Ranh giới phía trong của vùng đặc quyền kinh tế

Câu 4. Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta ở phía trong đường cơ sở?

- A. Lãnh hải B. Nội thủy C. Vùng đặc quyền kinh tế D. Vùng tiếp giáp lãnh hải

Câu 5. Nước ta có bao nhiêu tỉnh/thành phố giáp biển?

- A. 26 B. 27 C. 28 D. 29

Câu 6. Hệ thống các đảo ven bờ tập trung nhiều nhất ở

- A. Quảng Ninh, Khánh Hòa, Kiên Giang, Cà Mau
B. Quảng Ninh, Hải Phòng, Kiên Giang, Thái Bình
C. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang
D. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 7. Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh (thành phố) nào?

- A. Đà Nẵng B. Hải Phòng C. Khánh Hòa D. Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 8. Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển nước ta là

- A. 3260km và khoảng 1 triệu km² B. 3620km và khoảng 1 triệu km²
C. 3260km và khoảng trên 1 triệu km² D. 3206 km và khoảng 1 triệu km²

Câu 9. Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ

- A. Móng Cái đến Vũng Tàu B. Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau
C. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên D. Móng Cái đến Hà Tiên.

Câu 10. Đặc điểm nào sau đây đúng với nguồn lợi sinh vật biển nước ta?

- A. Biển có độ sâu trung bình. B. Sinh vật biển giàu có, nhiều thành phần loài.
C. Độ muối trung bình khoảng 30 – 33‰ D. Biển nhiệt đới ẩm quanh năm.

Câu 11. Thực trạng khai thác hải sản ven bờ ở nước ta là

- A. khai thác gấp hai lần khả năng cho phép B. khai thác bằng 1/5 lần khả năng cho phép
C. phương tiện khai thác hiện đại D. việc khai thác đảm bảo cân bằng sinh thái

Câu 12. Loại hình du lịch thu hút nhiều nhất du khách trong nước và quốc tế là

- A. Du lịch an dưỡng. B. Du lịch thể thao dưới nước.
C. Du lịch biển - đảo. D. Du lịch sinh thái rừng ngập mặn.

Câu 13. Du lịch biển đảo nước ta hiện nay chủ yếu mới tập trung khai thác hoạt động

- A. lặn biển B. du lịch các đảo ven bờ C. tắm biển D. thể thao trên biển

Câu 14. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn, vì các đảo là

- A. một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ nước ta
B. nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất
C. hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta
D. cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa của nước ta.

Câu 15. Một trong ưu tiên hàng đầu để phát triển ngành khai thác, nuôi trồng thủy sản nước ta là

- A. tập trung khai thác ven bờ B. phát triển khai thác xa bờ
C. hình thành các cảng cá lớn D. mở rộng ngành chế biến

Câu 16. Thực trạng khai thác hải sản xa bờ ở nước ta là

- A. khai thác gấp hai lần khả năng cho phép
B. khai thác bằng 1/5 lần khả năng cho phép
C. phương tiện khai thác chủ yếu còn thủ công
D. khai thác chưa gắn với công nghiệp chế biến

Câu 17. Việc đẩy mạnh khai thác hải sản ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có ý nghĩa lớn về an ninh quốc phòng là

- A. mang lại hiệu quả kinh tế cao
B. giúp bảo vệ nguồn lợi hải sản ven bờ có nguy cơ bị cạn kiệt
C. góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo
D. khai thác hiệu quả các nguồn lợi hải sản

Câu 18. Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh (Thành phố) nào?

- A. Đà Nẵng B. Hải Phòng C. Khánh Hòa D. Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 19. Quần đảo thuộc TP. Hải Phòng được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển đa dạng là

- A. Cát Bà B. Bạch Long Vĩ C. Cái Bầu D. Cô Tô

Câu 20. Nghề làm muối phát triển mạnh ở duyên hải Nam Trung Bộ là do

- A. nước biển mặn, khí hậu nhiều nắng, ít mưa
B. địa hình bằng phẳng, thuận tiện cho việc phơi muối
C. người dân có kinh nghiệm sản xuất muối hơn các vùng khác
D. giao thông thuận tiện cho việc vận chuyển, tiêu thụ muối

Câu 21. Ngành kinh tế biển mang lại giá trị kinh tế cao nhất hiện nay là gì?

- A. Khai thác nuôi trồng thủy hải sản B. Du lịch biển đảo
C. Khai thác dầu khí D. Giao thông vận tải biển

Câu 22. Các mỏ nào sau đây không phải là mỏ dầu đang được khai thác ở nước ta?

- A. Đại Hùng B. Bạch Hổ C. Hồng Ngọc D. Lan Đỏ

Câu 23. Nhà máy lọc dầu số 1 nước ta là

- A. Dung Quất – Quảng Ngãi B. Đông Phương Hồng - Bà Rịa Vũng Tàu
C. Vân Hải - Vinh D. Vân Đồn - Đà Nẵng

Câu 24. Khu bảo tồn được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên biển thế giới là

- A. Côn Đảo B. Vịnh Hạ Long C. Bái Tử Long D. Vịnh Cam Ranh

Câu 25. Hậu quả nghiêm trọng nhất do ô nhiễm môi trường biển gây ra là

- A. suy giảm tài nguyên biển B. ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng ngập mặn
C. tác động đến thu nhập người dân D. giảm chất lượng hoạt động du lịch biển

Câu 26. Đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là

- A. 1,2 triệu ha B. 1,5 triệu ha C. 2,5 triệu ha D. 4 triệu ha

Câu 27. Đảo lớn nhất Việt Nam là

- A. Phú Quý B. Phú Quốc C. Cát Bà D. Côn Đảo

Câu 28. Ý nghĩa của các đảo đối với an ninh quốc phòng nước ta là

- A. có nhiều tài nguyên hải sản. B. có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch.
C. là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền. D. thuận lợi cho phát triển giao thông biển.

Câu 29. Trong quá trình khai thác thủy hải sản, không nên đánh bắt ven bờ là do

- A. cá nhỏ B. cạn kiệt nguồn giống
C. làm ô nhiễm môi trường D. ảnh hưởng đến các hoạt động khác.

Câu 30. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết các cảng biển của nước ta tập trung chủ yếu ở ven biển của khu vực nào sau đây?

- A. Bắc Bộ. B. Duyên hải miền Trung. C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Nam Bộ.

Câu 31. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với Biển Đông ở phía nào?

- A. Tây B. Bắc C. Đông, Nam D. Tây, Nam

Câu 32. Cảng biển lớn nhất phía Bắc nước ta là

- A. Vũng Tàu B. Vân Phong C. Quảng Ninh D. Hải Phòng

Câu 33. Để cải tạo đất mặn, đất phèn ở đồng bằng sông Cửu Long cần phải

- A. có nước ngọt để thau chua, rửa mặn. B. tạo ra các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.
C. duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng. D. chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 34. Chim yến tập trung nhiều trên các đảo đá ven bờ ở

- A. Bắc Trung Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ. C. Đb sông Cửu Long. D. Nam Bộ.

Câu 35. Lợi ích chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là

- A. tăng cường giao lưu kinh tế giữa các huyện đảo
B. giải quyết nhiều việc làm cho người lao động
C. hạn chế các thiên tai phát sinh trên vùng biển
D. tạo hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường

Câu 36. Hòn đảo nào nổi tiếng về các vườn hồ tiêu và chế biến nước mắm ngon?

- A. Cát Bà B. Phú Quốc C. Côn Đảo D. Thổ Chu

Câu 37. Số lượng loài tôm trên vùng biển nước ta khoảng

- A. 100 loài B. 110 loài C. 120 loài D. 2000 loài

Câu 38. Ý nghĩa quan trọng nhất của rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. cung cấp hoa quả, mật ong rừng B. cung cấp than bùn, săn bắt thú
C. rừng phòng hộ D. tạo cân bằng sinh thái

Câu 39. Tác dụng trước tiên của đánh bắt xa bờ đối với ngành thủy sản là

- A. giúp bảo vệ vùng biển B. giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản
C. bảo vệ được vùng trời D. bảo vệ được vùng thềm lục địa

Câu 40. Số lượng loài cá trên vùng biển nước ta khoảng

- A. 100 loài B. 110 loài C. 120 loài D. 2000 loài

Mã đề Đ.902

Trắc nghiệm (10 điểm) Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với Biển Đông ở phía nào?

- A. Tây B. Bắc C. Đông, Nam D. Tây, Nam

Câu 2. Để cải tạo đất mặn, đất phèn ở đồng bằng sông Cửu Long cần phải

- A. có nước ngọt để thau chua, rửa mặn. B. tạo ra các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.
C. duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng. D. chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 3. Theo thứ tự lần lượt từ trong đất liền trở ra, vùng biển nước ta bao gồm các bộ phận

- A. nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
B. lãnh hải, nội thủy, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
C. tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
D. vùng đặc quyền kinh tế, nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải

Câu 4. Phạm vi được coi là biên giới quốc gia trên biển?

- A. Ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế B. Ranh giới phía trong của lãnh hải
C. Ranh giới phía ngoài của lãnh hải D. Ranh giới phía trong của vùng đặc quyền kinh tế

Câu 5. Ý nghĩa quan trọng nhất của rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. cung cấp hoa quả, mật ong rừng B. cung cấp than bùn, săn bắt thú
C. rừng phòng hộ D. tạo cân bằng sinh thái

Câu 6. Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta ở phía trong đường cơ sở?

- A. Lãnh hải B. Nội thủy C. Vùng đặc quyền kinh tế D. Vùng tiếp giáp lãnh hải

Câu 7. Ở nước ta có các đảo xa bờ là

- A. Phú Quốc, Cát Bà, Lý Sơn B. Bạch Long Vĩ, Hoàng Sa, Trường Sa
C. Lý Sơn, Hoàng Sa, Trường Sa D. Côn Đảo, Cát Bà, Phú Quý

Câu 8. Nước ta có bao nhiêu tỉnh/thành phố giáp biển?

- A. 26 B. 27 C. 28 D. 29

Câu 9. Hệ thống các đảo ven bờ tập trung nhiều nhất ở

- A. Quảng Ninh, Khánh Hòa, Kiên Giang, Cà Mau
B. Quảng Ninh, Hải Phòng, Kiên Giang, Thái Bình
C. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang
D. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 10. Cảng biển lớn nhất phía Bắc nước ta là

- A. Vũng Tàu B. Vân Phong C. Quảng Ninh D. Hải Phòng

Câu 11. Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển nước ta là

- A. 3260km và khoảng 1 triệu km² B. 3620km và khoảng 1 triệu km²
C. 3260km và khoảng trên 1 triệu km² D. 3206 km và khoảng 1 triệu km²

Câu 12. Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh (Thành phố) nào?

- A. Đà Nẵng B. Hải Phòng C. Khánh Hòa D. Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 13. Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ

- A. Móng Cái đến Vũng Tàu
- B. Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau
- C. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên
- D. Móng Cái đến Hà Tiên.

Câu 14. Đặc điểm nào sau đây đúng với nguồn lợi sinh vật biển nước ta?

- A. Biển có độ sâu trung bình.
- B. Sinh vật biển giàu có, nhiều thành phần loài.
- C. Độ muối trung bình khoảng 30 – 33‰
- D. Biển nhiệt đới ẩm quanh năm.

Câu 15. Loại hình du lịch thu hút nhiều nhất du khách trong nước và quốc tế là

- A. Du lịch an dưỡng.
- B. Du lịch thể thao dưới nước.
- C. Du lịch biển - đảo.
- D. Du lịch sinh thái rừng ngập mặn.

Câu 16. Du lịch biển đảo nước ta hiện nay chủ yếu mới tập trung khai thác hoạt động

- A. lặn biển
- B. du lịch các đảo ven bờ
- C. tắm biển
- D. thể thao trên biển

Câu 17. Thực trạng khai thác hải sản ven bờ ở nước ta là

- A. khai thác gấp hai lần khả năng cho phép
- B. khai thác bằng 1/5 lần khả năng cho phép
- C. phương tiện khai thác hiện đại
- D. việc khai thác đảm bảo cân bằng sinh thái

Câu 18. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn, vì các đảo là

- A. một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ nước ta
- B. nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất
- C. hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta
- D. cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa của nước ta

Câu 19. Một trong ưu tiên hàng đầu để phát triển ngành khai thác, nuôi trồng thủy sản nước ta là

- A. tập trung khai thác ven bờ
- B. phát triển khai thác xa bờ
- C. hình thành các cảng cá lớn
- D. mở rộng ngành chế biến

Câu 20. Thực trạng khai thác hải sản xa bờ ở nước ta là

- A. khai thác gấp hai lần khả năng cho phép
- B. khai thác bằng 1/5 lần khả năng cho phép
- C. phương tiện khai thác chủ yếu còn thủ công
- D. khai thác chưa gắn với công nghiệp chế biến

Câu 21. Việc đẩy mạnh khai thác hải sản ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có ý nghĩa lớn về an ninh quốc phòng là

- A. mang lại hiệu quả kinh tế cao
- B. giúp bảo vệ nguồn lợi hải sản ven bờ có nguy cơ bị cạn kiệt
- C. góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo
- D. khai thác hiệu quả các nguồn lợi hải sản

Câu 22. kinh tế biển mang lại giá trị kinh tế cao nhất hiện nay là gì?

- A. Khai thác nuôi trồng thủy hải sản
- B. Du lịch biển đảo
- C. Khai thác dầu khí
- D. Giao thông vận tải biển

Câu 23. Tác dụng trước tiên của đánh bắt xa bờ đối với ngành thủy sản là

- A. giúp bảo vệ vùng biển
- B. giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản
- C. bảo vệ được vùng trời
- D. bảo vệ được vùng thềm lục địa

Câu 24. Số lượng loài cá trên vùng biển nước ta khoảng

- A. 100 loài
- B. 110 loài
- C. 120 loài
- D. 2000 loài

Câu 25. Các mỏ nào sau đây không phải là mỏ dầu đang được khai thác ở nước ta?

- A. Đại Hùng
- B. Bạch Hổ
- C. Hồng Ngọc
- D. Lan Đỏ

Câu 26. Khu bảo tồn được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên biển thế giới là

- A. Côn Đảo B. Vịnh Hạ Long C. Bái Tử Long D. Vịnh Cam Ranh

Câu 27. Hậu quả nghiêm trọng nhất do ô nhiễm môi trường biển gây ra là

- A. suy giảm tài nguyên biển B. ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng ngập mặn
C. tác động đến thu nhập người dân D. giảm chất lượng hoạt động du lịch biển

Câu 28. Đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là

- A. 1,2 triệu ha B. 1,5 triệu ha C. 2,5 triệu ha D. 4 triệu ha

Câu 29. Đảo lớn nhất Việt Nam là

- A. Phú Quý B. Phú Quốc C. Cát Bà D. Côn Đảo

Câu 30. Ý nghĩa của các đảo đối với an ninh quốc phòng nước ta là

- A. có nhiều tài nguyên hải sản. B. có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch.
C. là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền. D. thuận lợi cho phát triển giao thông biển.

Câu 31. Nhà máy lọc dầu số 1 nước ta là

- A. Dung Quất – Quảng Ngãi B. Đông Phương Hồng - Bà Rịa Vũng Tàu
C. Vân Hải - Vĩnh D. Vân Đồn - Đà Nẵng

Câu 32. Trong quá trình khai thác thủy hải sản, không nên đánh bắt ven bờ là do

- A. cá nhỏ B. cạn kiệt nguồn giống
C. làm ô nhiễm môi trường D. ảnh hưởng đến các hoạt động khác.

Câu 33. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết các cảng biển của nước ta tập trung chủ yếu ở ven biển của khu vực nào sau đây?

- A. Bắc Bộ. B. Duyên hải miền Trung. C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Nam Bộ.

Câu 34. Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh (Thành phố) nào?

- A. Đà Nẵng B. Hải Phòng C. Khánh Hòa D. Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 35. Quần đảo thuộc TP Hải phòng được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển đa dạng là

- A. Cát Bà B. Bạch Long Vĩ C. Cái Bầu D. Cô Tô

Câu 36. Nghề làm muối phát triển mạnh ở duyên hải Nam Trung Bộ là do

- A. nước biển mặn, khí hậu nhiều nắng, ít mưa
B. địa hình bằng phẳng, thuận tiện cho việc phơi muối
C. người dân có kinh nghiệm sản xuất muối hơn các vùng khác
D. giao thông thuận tiện cho việc vận chuyển, tiêu thụ muối

Câu 37. Chim yến tập trung nhiều trên các đảo đá ven bờ ở

- A. Bắc Trung Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ. C. Đb sông Cửu Long. D. Nam Bộ.

Câu 38. Lợi ích chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là

- A. tăng cường giao lưu kinh tế giữa các huyện đảo
B. giải quyết nhiều việc làm cho người lao động
C. hạn chế các thiên tai phát sinh trên vùng biển
D. tạo hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường

Câu 39. Hòn đảo nào nổi tiếng về các vườn hồ tiêu và chế biến nước mắm ngon?

- A. Cát Bà B. Phú Quốc C. Côn Đảo D. Thổ Chu

Câu 40. Số lượng loài tôm trên vùng biển nước ta khoảng

- A. 100 loài B. 110 loài C. 120 loài D. 2000 loài

Mã đề Đ.903

Trắc nghiệm (10điểm) *Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng*
Câu 1. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với Biển Đông ở phía nào?

- A. Tây B. Bắc C. Đông, Nam D. Tây, Nam

Câu 2. Ở nước ta có các đảo xa bờ là

- A. Phú Quốc, Cát Bà, Lý Sơn B. Bạch Long Vĩ, Hoàng Sa, Trường Sa
C. Lý Sơn, Hoàng Sa, Trường Sa D. Côn Đảo, Cát Bà, Phú Quý

Câu 3. Nước ta có bao nhiêu tỉnh/thành phố giáp biển?

- A. 26 B. 27 C. 28 D. 29

Câu 4. Tác dụng trước tiên của đánh bắt xa bờ đối với ngành thủy sản là

- A. giúp bảo vệ vùng biển B. giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản
C. bảo vệ được vùng trời D. bảo vệ được vùng thềm lục địa

Câu 5. Số lượng loài cá trên vùng biển nước ta khoảng

- A. 100 loài B. 110 loài C. 120 loài D. 2000 loài

Câu 6. Theo thứ tự lần lượt từ trong đất liền trở ra, vùng biển nước ta bao gồm các bộ phận

- A. nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
B. lãnh hải, nội thủy, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
C. tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
D. vùng đặc quyền kinh tế, nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải

Câu 7. Hệ thống các đảo ven bờ tập trung nhiều nhất ở

- A. Quảng Ninh, Khánh Hòa, Kiên Giang, Cà Mau
B. Quảng Ninh, Hải Phòng, Kiên Giang, Thái Bình
C. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang
D. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 8. Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh (Thành phố) nào?

- A. Đà Nẵng B. Hải Phòng C. Khánh Hòa D. Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 9. Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta ở phía trong đường cơ sở?

- A. Lãnh hải B. Nội thủy C. Vùng đặc quyền kinh tế D. Vùng tiếp giáp lãnh hải

Câu 10. Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển nước ta là

- A. 3260km và khoảng 1 triệu km² B. 3620km và khoảng 1 triệu km²
C. 3260km và khoảng trên 1 triệu km² D. 3206 km và khoảng 1 triệu km²

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây đúng với nguồn lợi sinh vật biển nước ta?

- A. Biển có độ sâu trung bình. B. Sinh vật biển giàu có, nhiều thành phần loài.
C. Độ muối trung bình khoảng 30 – 33‰ D. Biển nhiệt đới ẩm quanh năm.

Câu 12. Thực trạng khai thác hải sản ven bờ ở nước ta là

- A. khai thác gấp hai lần khả năng cho phép B. khai thác bằng 1/5 lần khả năng cho phép
C. phương tiện khai thác hiện đại D. việc khai thác đảm bảo cân bằng sinh thái

Câu 13. Phạm vi được coi là biên giới quốc gia trên biển?

- A. Ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế
- B. Ranh giới phía trong của lãnh hải
- C. Ranh giới phía ngoài của lãnh hải
- D. Ranh giới phía trong của vùng đặc quyền kinh tế

Câu 14. Du lịch biển đảo nước ta hiện nay chủ yếu mới tập trung khai thác hoạt động

- A. lặn biển
- B. du lịch các đảo ven bờ
- C. tắm biển
- D. thể thao trên biển

Câu 15. Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ

- A. Móng Cái đến Vũng Tàu
- B. Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau
- C. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên
- D. Móng Cái đến Hà Tiên.

Câu 16. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn, vì các đảo là

- A. một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ nước ta
- B. nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất
- C. hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta
- D. cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa của nước ta.

Câu 17. Một trong ưu tiên hàng đầu để phát triển ngành khai thác, nuôi trồng thủy sản nước ta là

- A. tập trung khai thác ven bờ
- B. phát triển khai thác xa bờ
- C. hình thành các cảng cá lớn
- D. mở rộng ngành chế biến

Câu 18. Loại hình du lịch thu hút nhiều nhất du khách trong nước và quốc tế là

- A. du lịch an dưỡng.
- B. du lịch thể thao dưới nước.
- C. du lịch biển - đảo.
- D. du lịch sinh thái rừng ngập mặn.

Câu 19. Thực trạng khai thác hải sản xa bờ ở nước ta là

- A. khai thác gấp hai lần khả năng cho phép
- B. khai thác bằng 1/5 lần khả năng cho phép
- C. phương tiện khai thác chủ yếu còn thủ công
- D. khai thác chưa gắn với công nghiệp chế biến

Câu 20. Việc đẩy mạnh khai thác hải sản ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có ý nghĩa lớn về an ninh quốc phòng là

- A. mang lại hiệu quả kinh tế cao
- B. giúp bảo vệ nguồn lợi hải sản ven bờ có nguy cơ bị cạn kiệt
- C. góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo
- D. khai thác hiệu quả các nguồn lợi hải sản

Câu 21. Quần đảo thuộc TP. Hải Phòng được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển đa dạng là

- A. Cát Bà
- B. Bạch Long Vĩ
- C. Cái Bầu
- D. Cô Tô

Câu 22. Ngành kinh tế biển mang lại giá trị kinh tế cao nhất hiện nay là gì?

- A. Khai thác nuôi trồng thủy hải sản
- B. Du lịch biển đảo
- C. Khai thác dầu khí
- D. Giao thông vận tải biển

Câu 23. Các mỏ nào sau đây không phải là mỏ dầu đang được khai thác ở nước ta?

- A. Đại Hùng
- B. Bạch Hổ
- C. Hồng Ngọc
- D. Lan Đỏ

Câu 24. Nhà máy lọc dầu số 1 nước ta là

- A. Dung Quất – Quảng Ngãi
- B. Đông Phương Hồng - Bà Rịa Vũng Tàu
- C. Vân Hải – Vĩnh
- D. Vân Đồn - Đà Nẵng

Câu 25. Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh (Thành phố) nào?

- A. Đà Nẵng B. Hải Phòng C. Khánh Hòa D. Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 26. Khu bảo tồn được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên biển thế giới là

- A. Côn Đảo B. Vịnh Hạ Long C. Bái Tử Long D. Vịnh Cam Ranh

Câu 27. Nghề làm muối phát triển mạnh ở duyên hải Nam Trung Bộ là do

- A. nước biển mặn, khí hậu nhiều nắng, ít mưa
B. địa hình bằng phẳng, thuận tiện cho việc phơi muối
C. người dân có kinh nghiệm sản xuất muối hơn các vùng khác
D. giao thông thuận tiện cho việc vận chuyển, tiêu thụ muối

Câu 28. Hậu quả nghiêm trọng nhất do ô nhiễm môi trường biển gây ra là

- A. suy giảm tài nguyên biển B. ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng ngập mặn
C. tác động đến thu nhập người dân D. giảm chất lượng hoạt động du lịch biển

Câu 29. Đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là

- A. 1,2 triệu ha B. 1,5 triệu ha C. 2,5 triệu ha D. 4 triệu ha

Câu 30. Đảo lớn nhất Việt Nam là

- A. Phú Quý B. Phú Quốc C. Cát Bà D. Côn Đảo

Câu 31. Ý nghĩa của các đảo đối với an ninh quốc phòng nước ta là

- A. có nhiều tài nguyên hải sản. B. có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch.
C. là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền. D. thuận lợi cho phát triển giao thông biển.

Câu 32. Trong quá trình khai thác thủy hải sản, không nên đánh bắt ven bờ là do:

- A. cá nhỏ B. cạn kiệt nguồn giống
C. làm ô nhiễm môi trường D. ảnh hưởng đến các hoạt động khác.

Câu 33. Cảng biển lớn nhất phía Bắc nước ta là

- A. Vũng Tàu B. Vân Phong C. Quảng Ninh D. Hải Phòng

Câu 34. Để cải tạo đất mặn, đất phèn ở đồng bằng sông Cửu Long cần phải

- A. có nước ngọt để thau chua, rửa mặn. B. tạo ra các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.
C. duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng. D. chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 35. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết các cảng biển của nước ta tập trung chủ yếu ở ven biển của khu vực nào sau đây

- A. Bắc Bộ. B. Duyên hải miền Trung. C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Nam Bộ.

Câu 36. Chim yến tập trung nhiều trên các đảo đá ven bờ ở

- A. Bắc Trung Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ. C. Đb sông Cửu Long. D. Nam Bộ.

Câu 37. Lợi ích chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là

- A. tăng cường giao lưu kinh tế giữa các huyện đảo
B. giải quyết nhiều việc làm cho người lao động
C. hạn chế các thiên tai phát sinh trên vùng biển
D. tạo hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường

Câu 38. Hòn đảo nào nổi tiếng về các vườn hồ tiêu và chế biến nước mắm ngon?

- A. Cát Bà B. Phú Quốc C. Côn Đảo D. Thổ Chu

Câu 39. Số lượng loài tôm trên vùng biển nước ta khoảng

- A. 100 loài B. 110 loài C. 120 loài D. 2000 loài

Câu 40. Ý nghĩa quan trọng nhất của rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. cung cấp hoa quả, mật ong rừng B. cung cấp than bùn, sản bắt thú
C. là rừng phòng hộ D. tạo cân bằng sinh thái

Trắc nghiệm (10 điểm) *Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng*
Câu 1. Số lượng loài tôm trên vùng biển nước ta khoảng

- A. 100 loài B. 110 loài C. 120 loài D. 2000 loài

Câu 2. Ý nghĩa quan trọng nhất của rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. cung cấp hoa quả, mật ong rừng B. cung cấp than bùn, săn bắt thú
C. là rừng phòng hộ D. tạo cân bằng sinh thái

Câu 3. Cảng biển lớn nhất phía Bắc nước ta là

- A. Vũng Tàu B. Vân Phong C. Quảng Ninh D. Hải Phòng

Câu 4. Để cải tạo đất mặn, đất phèn ở đồng bằng sông Cửu Long cần phải

- A. có nước ngọt để thau chua, rửa mặn.
B. tạo ra các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.
C. duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng.
D. chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 5. Theo thứ tự lần lượt từ trong đất liền trở ra, vùng biển nước ta bao gồm các bộ phận

- A. nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
B. lãnh hải, nội thủy, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
C. tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
D. vùng đặc quyền kinh tế, nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải

Câu 6. Phạm vi được coi là biên giới quốc gia trên biển?

- A. Ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế B. Ranh giới phía trong của lãnh hải
C. Ranh giới phía ngoài của lãnh hải D. Ranh giới phía trong của vùng đặc quyền kinh tế

Câu 7. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với Biển Đông ở phía nào?

- A. Tây B. Bắc C. Đông, Nam D. Tây, Nam

Câu 8. Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta ở phía trong đường cơ sở?

- A. Lãnh hải B. Nội thủy C. Vùng đặc quyền kinh tế D. Vùng tiếp giáp lãnh hải

Câu 9. Ở nước ta có các đảo xa bờ là

- A. Phú Quốc, Cát Bà, Lý Sơn B. Bạch Long Vĩ, Hoàng Sa, Trường Sa
C. Lý Sơn, Hoàng Sa, Trường Sa D. Côn Đảo, Cát Bà, Phú Quý

Câu 10. Hệ thống các đảo ven bờ tập trung nhiều nhất ở

- A. Quảng Ninh, Khánh Hòa, Kiên Giang, Cà Mau
B. Quảng Ninh, Hải Phòng, Kiên Giang, Thái Bình
C. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang
D. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 11. Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển nước ta là

- A. 3260km và khoảng 1 triệu km² B. 3620km và khoảng 1 triệu km²
C. 3260km và khoảng trên 1 triệu km² D. 3206 km và khoảng 1 triệu km²

Câu 12. Nước ta có bao nhiêu tỉnh/thành phố giáp biển

- A. 26 B. 27 C. 28 D. 29

Câu 13. Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh (Thành phố) nào?

- A. Đà Nẵng B. Hải Phòng C. Khánh Hòa D. Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 14. Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ

- A. Móng Cái đến Vũng Tàu
- B. Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau
- C. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên
- D. Móng Cái đến Hà Tiên

Câu 15. Đặc điểm nào sau đây đúng với nguồn lợi sinh vật biển nước ta?

- A. Biển có độ sâu trung bình.
- B. Sinh vật biển giàu có, nhiều thành phần loài.
- C. Độ muối trung bình khoảng 30 – 33‰
- D. Biển nhiệt đới ẩm quanh năm.

Câu 16. Loại hình du lịch thu hút nhiều nhất du khách trong nước và quốc tế là

- A. du lịch an dưỡng.
- B. du lịch thể thao dưới nước.
- C. du lịch biển - đảo.
- D. du lịch sinh thái rừng ngập mặn.

Câu 17. Thực trạng khai thác hải sản ven bờ ở nước ta là

- A. khai thác gấp hai lần khả năng cho phép
- B. khai thác bằng 1/5 lần khả năng cho phép
- C. phương tiện khai thác hiện đại
- D. việc khai thác đảm bảo cân bằng sinh thái

Câu 18. Một trong ưu tiên hàng đầu để phát triển ngành khai thác, nuôi trồng thủy sản nước ta là

- A. tập trung khai thác ven bờ
- B. phát triển khai thác xa bờ
- C. hình thành các cảng cá lớn
- D. mở rộng ngành chế biến

Câu 19. Thực trạng khai thác hải sản xa bờ ở nước ta là

- A. khai thác gấp hai lần khả năng cho phép
- B. khai thác bằng 1/5 lần khả năng cho phép
- C. phương tiện khai thác chủ yếu còn thủ công
- D. khai thác chưa gắn với công nghiệp chế biến

Câu 20. Du lịch biển đảo nước ta hiện nay chủ yếu mới tập trung khai thác hoạt động

- A. lặn biển
- B. du lịch các đảo ven bờ
- C. tắm biển
- D. thể thao trên biển

Câu 21. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn, vì các đảo là

- A. một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ nước ta
- B. nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất
- C. hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta
- D. cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa của nước ta.

Câu 22. Việc đẩy mạnh khai thác hải sản ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có ý nghĩa lớn về an ninh quốc phòng là

- A. mang lại hiệu quả kinh tế cao
- B. giúp bảo vệ nguồn lợi hải sản ven bờ có nguy cơ bị cạn kiệt
- C. góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo
- D. khai thác hiệu quả các nguồn lợi hải sản

Câu 23. Ngành kinh tế biển mang lại giá trị kinh tế cao nhất hiện nay là gì?

- A. Khai thác nuôi trồng thủy hải sản
- B. Du lịch biển đảo
- C. Khai thác dầu khí
- D. Giao thông vận tải biển

Câu 24. Tác dụng trước tiên của đánh bắt xa bờ đối với ngành thủy sản là

- A. giúp bảo vệ vùng biển
- B. giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản
- C. bảo vệ được vùng trời
- D. bảo vệ được vùng thềm lục địa

Câu 25. Số lượng loài cá trên vùng biển nước ta khoảng

- A. 100 loài
- B. 110 loài
- C. 120 loài
- D. 2000 loài

Câu 26. Các mỏ nào sau đây không phải là mỏ dầu đang được khai thác ở nước ta?

- A. Đại Hùng
- B. Bạch Hổ
- C. Hồng Ngọc
- D. Lan Đỏ

Câu 27. Khu bảo tồn được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên biển thế giới là

- A. Côn Đảo B. Vịnh Hạ Long C. Bái Tử Long D. Vịnh Cam Ranh

Câu 28. Đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là

- A. 1,2 triệu ha B. 1,5 triệu ha C. 2,5 triệu ha D. 4 triệu ha

Câu 29. Đảo lớn nhất Việt Nam là

- A. Phú Quý B. Phú Quốc C. Cát Bà D. Côn Đảo

Câu 30. Ý nghĩa của các đảo đối với an ninh quốc phòng nước ta là

- A. có nhiều tài nguyên hải sản.
B. có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch.
C. là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền.
D. thuận lợi cho phát triển giao thông biển.

Câu 31. Nhà máy lọc dầu số 1 nước ta là

- A. Dung Quất –Quảng Ngãi B. Đông Phương Hồng-Bà Rịa Vũng Tàu
C. Vân Hải-Vinh D. Vân Đồn-Đà Nẵng

Câu 32. Trong quá trình khai thác thủy hải sản, không nên đánh bắt ven bờ là do

- A. cá nhỏ B. cạn kiệt nguồn giống
C. làm ô nhiễm môi trường D. ảnh hưởng đến các hoạt động khác.

Câu 33. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết các cảng biển của nước ta tập trung chủ yếu ở ven biển của khu vực nào sau đây?

- A. Bắc Bộ. B. Duyên hải miền Trung. C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Nam Bộ.

Câu 34. Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh (Thành phố) nào?

- A. Đà Nẵng B. Hải Phòng C. Khánh Hòa D. Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 35. Quần đảo thuộc TP. Hải Phòng được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển đa dạng là

- A. Cát Bà B. Bạch Long Vĩ C. Cái Bầu D. Cô Tô

Câu 36. Nghề làm muối phát triển mạnh ở duyên hải Nam Trung Bộ là do

- A. nước biển mặn, khí hậu nhiều nắng, ít mưa
B. địa hình bằng phẳng, thuận tiện cho việc phơi muối
C. người dân có kinh nghiệm sản xuất muối hơn các vùng khác
D. giao thông thuận tiện cho việc vận chuyển, tiêu thụ muối

Câu 37. Chim yến tập trung nhiều trên các đảo đá ven bờ ở

- A. Bắc Trung Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ. C. Đb sông Cửu Long. D. Nam Bộ.

Câu 38. Lợi ích chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là

- A. tăng cường giao lưu kinh tế giữa các huyện đảo
B. giải quyết nhiều việc làm cho người lao động
C. hạn chế các thiên tai phát sinh trên vùng biển
D. tạo hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường

Câu 39. Hậu quả nghiêm trọng nhất do ô nhiễm môi trường biển gây ra là

- A. suy giảm tài nguyên biển B. ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng ngập mặn
C. tác động đến thu nhập người dân D. giảm chất lượng hoạt động du lịch biển

Câu 40. Hòn đảo nào nổi tiếng về các vườn hồ tiêu và chế biến nước mắm ngon?

- A. Cát Bà B. Phú Quốc C. Côn Đảo D. Thổ Chu

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024

Mã đề Đ.901

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: ĐỊA LÍ KHỐI 9
Thời gian làm bài: 45 phút

Trắc nghiệm: Mỗi đáp án đúng: 0,25đ

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	A	C	B	C	C	A	A	D	B
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	C	C	D	B	B	C	C	A	A
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	C	D	A	B	A	A	B	C	B	B
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	D	A	B	D	B	A	C	B	D



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

Tổ trưởng CM

Lưu Hoàng Trang

Nhóm trưởng CM

Hoàng Thị Liên

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024

Mã đề Đ.902

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: ĐỊA LÍ KHỐI 9
Thời gian làm bài: 45 phút

Trắc nghiệm: Mỗi đáp án đúng: 0,25đ

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	A	A	C	C	B	B	C	C	D
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	A	D	B	C	C	A	D	B	B
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	C	C	B	D	D	B	A	A	B	C
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	A	B	B	C	A	A	B	D	B	A



Ngô Thị Bích Liên

Tổ trưởng CM

Lưu Hoàng Trang

Nhóm trưởng CM

Hoàng Thị Liên

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024

Mã đề Đ.903

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: ĐỊA LÍ KHỐI 9
Thời gian làm bài: 45 phút

Trắc nghiệm: Mỗi đáp án đúng: 0,25đ

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	B	C	B	D	A	C	A	B	A
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	A	C	C	D	D	B	C	B	C
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	A	C	D	A	C	B	A	A	A	B
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	B	D	A	B	B	D	B	A	C



BGH duyệt
NGO THỊ BÍCH LIÊN

Tổ trưởng CM

Lưu Hoàng Trang

Nhóm trưởng CM

Hoàng Thị Liên

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024

Mã đề Đ.904

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: ĐỊA LÍ KHỐI 9
Thời gian làm bài: 45 phút

Trắc nghiệm: Mỗi đáp án đúng: 0,25đ

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	C	D	A	A	C	C	B	B	C
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	C	A	D	B	C	A	B	B	C
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	D	C	C	B	D	D	B	A	B	C
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	A	B	B	C	A	A	B	D	A	B



BGH duyệt
Ngô Thị Bích Liên

Tổ trưởng CM

Lưu Hoàng Trang

Nhóm trưởng CM

Hoàng Thị Liên

Mã đề Đ.905

Trắc nghiệm (10 điểm) Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1. Bộ phận nào sau đây của vùng biển nước ta ở phía trong đường cơ sở?

- A. Lãnh hải B. Nội thủy C. Vùng đặc quyền kinh tế D. Vùng tiếp giáp lãnh hải

Câu 2. Nước ta có bao nhiêu tỉnh/thành phố giáp biển

- A. 26 B. 27 C. 28 D. 29

Câu 3. Hệ thống các đảo ven bờ tập trung nhiều nhất ở

- A. Quảng Ninh, Khánh Hòa, Kiên Giang, Cà Mau
B. Quảng Ninh, Hải Phòng, Kiên Giang, Thái Bình
C. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Kiên Giang
D. Quảng Ninh, Hải Phòng, Khánh Hòa, Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 4. Quần đảo Hoàng Sa thuộc tỉnh (Thành phố) nào?

- A. Đà Nẵng B. Hải Phòng C. Khánh Hòa D. Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 5. Chiều dài đường bờ biển và diện tích vùng biển nước ta là

- A. 3260km và khoảng 1 triệu km² B. 3620km và khoảng 1 triệu km²
C. 3260km và khoảng trên 1 triệu km² D. 3206 km và khoảng 1 triệu km²

Câu 6. Hòn đảo nào nổi tiếng về các vườn hồ tiêu và chế biến nước mắm ngon?

- A. Cát Bà B. Phú Quốc C. Côn Đảo D. Thổ Chu

Câu 7. Số lượng loài tôm trên vùng biển nước ta khoảng

- A. 100 loài B. 110 loài C. 120 loài D. 2000 loài

Câu 8. Ý nghĩa quan trọng nhất của rừng ngập mặn ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. cung cấp hoa quả, mật ong rừng B. cung cấp than bùn, săn bắt thú
C. là rừng phòng hộ D. tạo cân bằng sinh thái

Câu 9. Tác dụng trước tiên của đánh bắt xa bờ đối với ngành thủy sản là

- A. giúp bảo vệ vùng biển B. giúp khai thác tốt hơn nguồn lợi thủy sản
C. bảo vệ được vùng trời D. bảo vệ được vùng thềm lục địa

Câu 10. Bờ biển nước ta kéo dài khoảng 3260 km từ

- A. Móng Cái đến Vũng Tàu B. Vũng Tàu đến Mũi Cà Mau
C. Mũi Cà Mau đến Hà Tiên D. Móng Cái đến Hà Tiên.

Câu 11. Đặc điểm nào sau đây đúng với nguồn lợi sinh vật biển nước ta?

- A. Biển có độ sâu trung bình. B. Sinh vật biển giàu có, nhiều thành phần loài.
C. Độ muối trung bình khoảng 30 – 33‰ D. Biển nhiệt đới ẩm quanh năm.

Câu 12. Ở nước ta có các đảo xa bờ là

- A. Phú Quốc, Cát Bà, Lý Sơn B. Bạch Long Vĩ, Hoàng Sa, Trường Sa
C. Lý Sơn, Hoàng Sa, Trường Sa D. Côn Đảo, Cát Bà, Phú Quý

Câu 13. Theo thứ tự lần lượt từ trong đất liền trở ra, vùng biển nước ta bao gồm các bộ phận

- A. nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
B. lãnh hải, nội thủy, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế

- C. tiếp giáp lãnh hải, nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế
D. vùng đặc quyền kinh tế, nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải

Câu 14. Phạm vi được coi là biên giới quốc gia trên biển?

- A. Ranh giới phía ngoài của vùng đặc quyền kinh tế
B. Ranh giới phía trong của lãnh hải
C. Ranh giới phía ngoài của lãnh hải
D. Ranh giới phía trong của vùng đặc quyền kinh tế

Câu 15. Thực trạng khai thác hải sản ven bờ ở nước ta là

- A. khai thác gấp hai lần khả năng cho phép B. khai thác bằng 1/5 lần khả năng cho phép
C. phương tiện khai thác hiện đại D. việc khai thác đảm bảo cân bằng sinh thái

Câu 16. Loại hình du lịch thu hút nhiều nhất du khách trong nước và quốc tế là

- A. du lịch an dưỡng. B. du lịch thể thao dưới nước.
C. du lịch biển - đảo. D. du lịch sinh thái rừng ngập mặn.

Câu 17. Du lịch biển đảo nước ta hiện nay chủ yếu mới tập trung khai thác hoạt động

- A. lặn biển B. du lịch các đảo ven bờ C. tắm biển D. thể thao trên biển

Câu 18. Việc giữ vững chủ quyền của một hòn đảo, dù nhỏ, lại có ý nghĩa rất lớn, vì các đảo là

- A. một bộ phận không thể tách rời của lãnh thổ nước ta
B. nơi có thể tổ chức quần cư, phát triển sản xuất
C. hệ thống tiền tiêu của vùng biển nước ta
D. cơ sở để khẳng định chủ quyền đối với vùng biển và thềm lục địa của nước ta.

Câu 19. Một trong ưu tiên hàng đầu để phát triển ngành khai thác, nuôi trồng thủy sản nước ta là

- A. tập trung khai thác ven bờ B. phát triển khai thác xa bờ
C. hình thành các cảng cá lớn D. mở rộng ngành chế biến

Câu 20. Ngành kinh tế biển mang lại giá trị kinh tế cao nhất hiện nay là gì?

- A. Khai thác nuôi trồng thủy hải sản B. Du lịch biển đảo
C. Khai thác dầu khí D. Giao thông vận tải biển

Câu 21. Các mỏ nào sau đây không phải là mỏ dầu đang được khai thác ở nước ta?

- A. Đại Hùng B. Bạch Hổ C. Hồng Ngọc D. Lan Đỏ

Câu 22. Nhà máy lọc dầu số 1 nước ta là

- A. Dung Quất - Quảng Ngãi B. Đông Phương Hồng - Bà Rịa Vũng Tàu
C. Vân Hải - Vĩnh D. Vân Đồn - Đà Nẵng

Câu 23. Khu bảo tồn được UNESCO công nhận là di sản thiên nhiên biển thế giới là

- A. Côn Đảo B. Vịnh Hạ Long C. Bái Tử Long D. Vịnh Cam Ranh

Câu 24. Đảo lớn nhất Việt Nam là

- A. Phú Quý B. Phú Quốc C. Cát Bà D. Côn Đảo

Câu 25. Ý nghĩa của các đảo đối với an ninh quốc phòng nước ta là

- A. có nhiều tài nguyên hải sản. B. có nhiều điều kiện thuận lợi cho phát triển du lịch.
C. là hệ thống tiền tiêu bảo vệ đất liền. D. thuận lợi cho phát triển giao thông biển.

Câu 26. Trong quá trình khai thác thủy hải sản, không nên đánh bắt ven bờ là do

- A. cá nhỏ B. cạn kiệt nguồn giống
C. làm ô nhiễm môi trường D. ảnh hưởng đến các hoạt động khác.

Câu 27. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, hãy cho biết các cảng biển của nước ta tập trung chủ yếu ở ven biển của khu vực nào sau đây?

A. Bắc Bộ. B. Duyên hải miền Trung. C. Đồng bằng sông Cửu Long. D. Nam Bộ.

Câu 28. Vùng Đồng bằng sông Cửu Long tiếp giáp với Biển Đông ở phía nào?

A. Tây B. Bắc C. Đông, Nam D. Tây, Nam

Câu 29. Cảng biển lớn nhất phía Bắc nước ta là

A. Vũng Tàu B. Vân Phong C. Quảng Ninh D. Hải Phòng

Câu 30. Để cải tạo đất mặn, đất phèn ở đồng bằng sông Cửu Long cần phải

A. có nước ngọt để thau chua, rửa mặn. B. tạo ra các giống lúa chịu phèn, chịu mặn.
C. duy trì và bảo vệ tài nguyên rừng. D. chuyển đổi cơ cấu cây trồng.

Câu 31. Chim yến tập trung nhiều trên các đảo đá ven bờ ở

A. Bắc Trung Bộ. B. Duyên hải Nam Trung Bộ. C. ĐB sông Cửu Long. D. Nam Bộ.

Câu 32. Lợi ích chủ yếu của việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở nước ta là

A. tăng cường giao lưu kinh tế giữa các huyện đảo
B. giải quyết nhiều việc làm cho người lao động
C. hạn chế các thiên tai phát sinh trên vùng biển
D. tạo hiệu quả kinh tế cao và bảo vệ môi trường

Câu 33. Số lượng loài cá trên vùng biển nước ta khoảng

A. 100 loài B. 110 loài C. 120 loài D. 2000 loài

Câu 34. trạng khai thác hải sản xa bờ ở nước ta là

A. khai thác gấp hai lần khả năng cho phép B. khai thác bằng 1/5 lần khả năng cho phép
C. phương tiện khai thác chủ yếu còn thủ công D. khai thác chưa gắn với công nghiệp chế biến

Câu 35. Việc đẩy mạnh khai thác hải sản ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có ý nghĩa lớn về an ninh quốc phòng là

A. mang lại hiệu quả kinh tế cao
B. giúp bảo vệ nguồn lợi hải sản ven bờ có nguy cơ bị cạn kiệt
C. góp phần khẳng định chủ quyền biển, đảo
D. khai thác hiệu quả các nguồn lợi hải sản

Câu 36. Đất phù sa ngọt ở Đồng bằng sông Cửu Long có diện tích là

A. 1,2 triệu ha B. 1,5 triệu ha C. 2,5 triệu ha D. 4 triệu ha

Câu 37. Quần đảo thuộc TP Hải Phòng được UNESCO công nhận là khu dự trữ sinh quyển đa dạng là

A. Cát Bà B. Bạch Long Vĩ C. Cái Bầu D. Cô Tô

Câu 38. Hậu quả nghiêm trọng nhất do ô nhiễm môi trường biển gây ra là

A. suy giảm tài nguyên biển B. ảnh hưởng đến hệ sinh thái rừng ngập mặn
C. tác động đến thu nhập người dân D. giảm chất lượng hoạt động du lịch biển

Câu 39. Quần đảo Trường Sa thuộc tỉnh (Thành phố) nào?

A. Đà Nẵng B. Hải Phòng C. Khánh Hòa D. Bà Rịa-Vũng Tàu

Câu 40. Nghề làm muối phát triển mạnh ở duyên hải Nam Trung Bộ là do

A. nước biển mặn, khí hậu nhiều nắng, ít mưa
B. địa hình bằng phẳng, thuận tiện cho việc phơi muối
C. người dân có kinh nghiệm sản xuất muối hơn các vùng khác
D. giao thông thuận tiện cho việc vận chuyển, tiêu thụ muối

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
NĂM HỌC 2023-2024

Mã đề Đ.905

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ II
MÔN: ĐỊA LÍ KHỐI 9
Thời gian làm bài: 45 phút

Trắc nghiệm: Mỗi đáp án đúng: 0,25đ

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	C	C	A	A	B	A	C	B	D
Câu hỏi	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	B	A	C	A	C	C	D	B	C
Câu hỏi	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	D	A	B	B	C	B	B	C	D	A
Câu hỏi	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	B	D	D	B	C	A	A	A	C	A



BGH duyệt

Ngô Thị Bích Liên

Tổ trưởng CM

Lưu Hoàng Trang

Nhóm trưởng CM

Hoàng Thị Liên

Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Câu 1. Từ thu - đông 1954, hướng tiến công của quân Pháp theo kế hoạch Nava sẽ có sự thay đổi như thế nào?

- A. Chuyển hướng tiến công ra Bắc Bộ
- B. Tiếp tục tiến công ở Trung Bộ và Nam Đông Dương
- C. Chuyển hướng tiến công lên Bắc Đông Dương
- D. Chuyển hướng tiến công lên Tây Nguyên

Câu 2. Lực lượng chính trị nào được ra đời từ trong phong trào Đồng Khởi ?

- A. Đảng Lao động Việt Nam
- B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam
- C. Trung ương cục miền Nam
- D. Chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam

Câu 3. Trong chiến lược chiến tranh đặc biệt (1961-1965), Mĩ không thực hiện biện pháp nào sau đây?

- A. Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai
- B. Mở các cuộc hành quân càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng
- C. Tăng lực lượng quân đội Sài Gòn, sử dụng các chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận
- D. Dồn dân lập ấp chiến lược

Câu 4. Mục tiêu cơ bản của thực dân Pháp trong việc đề ra và thực hiện kế hoạch Nava là gì?

- A. Xoay chuyển cục diện chiến tranh, kết thúc chiến tranh trong danh dự
- B. Giành lại thế chủ động trên chiến trường
- C. Mở rộng bình định vùng chiếm đóng
- D. Tiêu diệt lực lượng kháng chiến của Việt Minh

Câu 5. Ngày 10 – 10 – 1954 diễn ra sự kiện quan trọng gì ở Việt Nam?

- A. Pháp rút quân khỏi miền Nam
- B. Pháp rút khỏi Hà Nội, bộ đội ta vào tiếp quản thủ đô
- C. Trung ương Đảng, Chính phủ ra mắt nhân dân Thủ đô
- D. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng

Câu 6. Điều không phải là mục tiêu của phong trào đấu tranh chính trị- hòa bình ở miền Nam sau hiệp định Giơ- ne-vơ (1954)?

- A. Chống khủng bố, chiến dịch tổ cộng, diệt cộng
- B. Đòi Mĩ- Diệm thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ
- C. Giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng
- D. Bảo vệ hòa bình

Câu 7. Nhân tố khách quan nào tác động khiến Việt Nam bị chia cắt sau Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương?

- A. Do tác động của cục diện hai cực, hai phe
- B. Do nhân dân miền Nam không muốn hiệp thương thống nhất
- C. Do âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam của Mĩ- Diệm
- D. Do Pháp chưa tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam trước khi rút quân

Câu 8. Văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương là

- A. Hiệp định Pari về Việt Nam
- B. Hiệp định Sơ bộ
- C. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương
- D. Tạm ước Việt- Pháp

Câu 9. Điều không phải là những biện pháp được Pháp thực hiện trước khi kế hoạch Nava bị đảo lộn?

- A. Tập trung 44 tiểu đoàn quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ
- B. Tập trung lực lượng xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ
- C. Mở các cuộc tiến công vào Ninh Bình, Thanh Hóa để phá kế hoạch tiến công của ta
- D. Tăng cường viện binh cho Đông Dương

Câu 10. “Máu đọng chưa khô lại đầy/Hỡi miền Nam trăm đắng ngàn cay” Hai câu thơ trên là hình ảnh của miền Nam Việt Nam trong những ngày Mĩ - Diệt thực hiện chính sách gì

- A. Tổ chức các cuộc hành quân tìm diệt
- B. Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương
- C. Dồn dân, lập ấp chiến lược
- D. Tổ cộng, diệt cộng

Câu 11. Ngày 7-5-1954, ở Việt Nam đã diễn ra sự kiện lịch sử trọng đại gì?

- A. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương khai mạc
- B. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi
- C. Chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết

Câu 12. Trong những năm 1954- 1975, Việt Nam là một trong những trọng điểm trong chiến lược nào của đế quốc Mĩ?

- A. Trả đũa ô ạt
- B. Thực dân kiểu mới
- C. Chiến lược toàn cầu
- D. Phản ứng linh hoạt

Câu 13. Vì sao phong trào Đồng Khởi lại đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam?

- A. Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công
- B. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở miền Nam Việt Nam
- C. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm
- D. Làm phá sản chiến lược “chiến tranh đơn phương” của đế quốc Mĩ

Câu 14. Theo quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương, Việt Nam sẽ tiến tới thống nhất bằng

- A. ngay khi hiệp định Giơ-ne-vơ có hiệu lực
- B. quân Pháp rút hết khỏi Việt Nam
- C. cuộc tổng tuyển cử tự do vào tháng 7-1956
- D. chính phủ mới được thành lập ở Việt Nam

Câu 15. Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam được xác định tại Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1959) là

- A. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị quần chúng
- B. Đấu tranh giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường chính trị hòa bình
- C. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng vũ trang nhân dân
- D. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân

Câu 16. Cầu Hiền Lương, sông Bến Hải là biểu tượng gợi nhớ đến hiện tượng lịch sử gì ở Việt Nam?

- A. Đất nước được hoàn toàn giải phóng
- B. Cuộc tập kết chuyển quân của Việt Nam và Pháp
- C. Sự chia cắt đất nước sau hiệp định Giơ-ne-vơ
- D. Cuộc Tổng tuyển cử thống nhất đất nước

Câu 17. Nội dung nào sau đây không phải là hạn chế trong nội dung của hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương?

- A. Quá trình tập kết chuyển quân tạo cơ hội cho kẻ thù có cơ hội gây rối loạn
- B. Thời gian để quân đội nước ngoài rút khỏi Việt Nam quá dài
- C. Quyền dân tộc cơ bản mới được công nhận ở một nửa đất nước
- D. Vấn đề thống nhất của Việt Nam phải phụ thuộc vào bên ngoài

Câu 18. Sau chiến thắng Ấp Bắc (1963), trên toàn miền Nam đã dấy lên phong trào gì?

- A. Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt
- B. Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công
- C. Đánh cho Mĩ cút, đánh cho Ngụy nhào
- D. Đồng khởi

Câu 19. Kẻ thù trực tiếp của nhân dân miền Nam sau hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương là

- A. Thực dân Pháp
- B. Mĩ và chính quyền Ngô Đình Diệm
- C. Chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm
- D. Đế quốc Mĩ

Câu 20. Ý nghĩa quan trọng nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954 là

- A. Cùng cố tinh thần để quân dân Việt Nam mở cuộc tấn công vào Điện Biên Phủ
- B. Làm phân tán khối cơ động chiến lược của Nava
- C. Bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava

D. Chuẩn bị về vật chất cho chiến dịch Điện Biên Phủ

Câu 21. Nhiệm vụ cơ bản, đầy đủ của miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

- A. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh
- B. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa
- C. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa
- D. Kháng chiến chống Mỹ cứu nước

Câu 22. Hiệp định Giơnevơ (1954) đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia bao gồm

- A. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
- B. Độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
- C. Độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ
- D. Độc lập, chủ quyền, tự do và toàn vẹn lãnh thổ

Câu 23. Nguyên nhân quyết định dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là

- A. Toàn dân, toàn quân ta đoàn kết dũng cảm trong chiến đấu, lao động, sản xuất
- B. Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có mặt trận dân tộc thống nhất, có lực lượng vũ trang sớm xây dựng và không ngừng lớn mạnh
- C. Do sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo
- D. Có hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt

Câu 24. Lý do chính khiến cho Việt Nam bị chia cắt mặc dù Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương có quy định về vấn đề thống nhất đất nước là

- A. Do âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam của thực dân Pháp.
- B. Tác động của cục diện hai cực, hai phe
- C. Do Pháp chưa tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam trước khi rút quân
- D. Do nhân dân miền Nam không muốn hiệp thương thống nhất

Câu 25. Phương châm tác chiến của ta trong Đông - xuân 1953 -1954 là gì?

- A. "Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng".
- B. "Đánh chắc, thắng chắc".
- C. "Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh chắc thắng".
- D. "Đánh nhanh, thắng nhanh".

Câu 26. Sự kiện đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công là

- A. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi)
- B. Phong trào "Đồng khởi"
- C. Cuộc biểu tình của 70 vạn quần chúng Sài Gòn vào ngày 16-6-1963
- D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968

Câu 27. Lực lượng đóng vai trò nòng cốt trong việc thực hiện chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ ở miền Nam Việt Nam (1961-1965) là

- A. Quân viễn chinh Mỹ
- B. Quân đồng minh Mỹ
- C. Quân đội Việt Nam Cộng hòa
- D. Quân viễn chinh và đồng minh Mỹ

Câu 28. Ba mũi tiến công của quân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961-1965) là

- A. Chính trị, kinh tế, quân sự
- B. Quân sự, kinh tế, ngoại giao
- C. Chính trị, quân sự, binh vận
- D. Chính trị, quân sự, ngoại giao

Câu 29. Điều không phải ý nghĩa lịch sử của kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1946 - 1954)?

- A. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới
- B. Mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội
- C. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc
- D. Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ ở Việt Nam

Câu 30. Những câu thơ sau gợi cho em nhớ đến chiến thắng lịch sử nào của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)?

"Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt Máu trộn bùn non

Gan không núng Chí không mòn!”

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947
- B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954
- C. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954
- D. Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950

Câu 31. Nơi tập trung lực lượng mạnh nhất của thực dân Pháp theo dự tính ban đầu trong kế hoạch Nava là

- A. Bắc Tây Nguyên
- B. Đồng bằng Bắc Bộ
- C. Thượng Lào
- D. Điện Biên Phủ

Câu 32. Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp và xác định phương hướng chiến lược của ta trong đông xuân 1953-1954 là

- A. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi có vị trí quan trọng mà địch tương đối yếu
- B. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi bố phòng sơ hở của địch
- C. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi địch tương đối yếu
- D. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi địch mạnh nhất

Câu 33. “Cách một dòng sông mà đó thương đây nhớ, Chung một nhịp cầu mà duyên nợ cách xa...” Hai câu thơ trên nhắc đến hiện tượng gì trong lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954-1975

- A. Đất nước bị chia cắt thành hai miền
- B. Cuộc tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực sau chiến tranh
- C. Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước
- D. Kháng chiến chống Mĩ trên cả nước

Câu 34. Mĩ thay chân Pháp ở miền Nam sau năm 1954 không nhằm thực hiện mục tiêu nào sau đây?

- A. Làm bàn đạp tấn công ra miền Bắc để tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản
- B. Chia cắt lâu dài Việt Nam
- C. Thúc đẩy sự giàu mạnh của miền Nam để đối trọng với miền Bắc
- D. Biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương

Câu 35. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đã có tác động như thế nào đến hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc?

- A. Mở đầu quá trình sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới
- B. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới
- C. Mở đầu quá trình sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới
- D. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới

Câu 36. Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ (1954), ranh giới phân chia khu vực tập kết của quân đội nhân dân Việt Nam và quân viễn chinh Pháp ở Việt Nam là

- A. Vĩ tuyến 16
- B. Vĩ tuyến 14
- C. Vĩ tuyến 17
- D. Vĩ tuyến 13

Câu 37. Xương sống của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

- A. Phương tiện chiến tranh của Mĩ
- B. Quân đội Việt Nam Cộng hòa
- C. Áp chiến lược
- D. Cố vấn Mĩ

Câu 38. Sự kiện nào đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương?

- A. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954
- B. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954 và Chiến thắng Điện Biên Phủ
- C. Chiến thắng Điện Biên Phủ
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương

Câu 39. Âm mưu của Pháp - Mĩ trong việc vạch ra kế hoạch quân sự Na-va

- A. Lấy lại thế chủ động trên chiến trường Đông Dương.
- B. Giành thắng lợi chính trị, quân sự kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng.
- C. Xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Dương trong 18 tháng, hi vọng “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.
- D. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh ở Đông Dương.

Câu 40. Bản chất của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

- A. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới
- B. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ
- C. Chiến tranh giới hạn
- D. Nội chiến giữa hai miền Nam

----- HẾT -----

Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Câu 1. “Cách một dòng sông mà đó thương đây nhớ, Chung một nhịp cầu mà duyên nợ cách xa...” Hai câu thơ trên nhắc đến hiện tượng gì trong lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954-1975

- A. Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước
- B. Cuộc tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực sau chiến tranh
- C. Kháng chiến chống Mỹ trên cả nước
- D. Đất nước bị chia cắt thành hai miền

Câu 2. Phương châm tác chiến của ta trong Đông - xuân 1953 -1954 là gì?

- A. “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh chắc thắng”.
- B. “Đánh chắc, thắng chắc”.
- C. “Đánh nhanh, thắng nhanh”.
- D. “Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng”.

Câu 3. Mĩ thay chân Pháp ở miền Nam sau năm 1954 không nhằm thực hiện mục tiêu nào sau đây?

- A. Thúc đẩy sự giàu mạnh của miền Nam để đối trọng với miền Bắc
- B. Làm bàn đạp tấn công ra miền Bắc để tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản
- C. Chia cắt lâu dài Việt Nam
- D. Biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương

Câu 4. Từ thu - đông 1954, hướng tiến công của quân Pháp theo kế hoạch Nava sẽ có sự thay đổi như thế nào?

- A. Chuyển hướng tiến công ra Bắc Bộ
- B. Tiếp tục tiến công ở Trung Bộ và Nam Đông Dương
- C. Chuyển hướng tiến công lên Tây Nguyên
- D. Chuyển hướng tiến công lên Bắc Đông Dương

Câu 5. Hiệp định Giơnevơ (1954) đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia bao gồm

- A. Độc lập, chủ quyền, tự do và toàn vẹn lãnh thổ
- B. Độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
- C. Độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ
- D. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

Câu 6. Nội dung nào sau đây không phải là hạn chế trong nội dung của hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương?

- A. Quá trình tập kết chuyển quân tạo cơ hội cho kẻ thù có cơ hội gây rối loạn
- B. Thời gian để quân đội nước ngoài rút khỏi Việt Nam quá dài
- C. Quyền dân tộc cơ bản mới được công nhận ở một nửa đất nước
- D. Vấn đề thống nhất của Việt Nam phải phụ thuộc vào bên ngoài

Câu 7. Đâu không phải là mục tiêu của phong trào đấu tranh chính trị- hòa bình ở miền Nam sau hiệp định Giơ- ne-vơ (1954)?

- A. Đòi Mĩ- Diệm thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ
- B. Chống khủng bố, chiến dịch tổ cộng, diệt cộng
- C. Bảo vệ hòa bình
- D. Giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng

Câu 8. Lý do chính khiến cho Việt Nam bị chia cắt mặc dù Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương có quy định về vấn đề thống nhất đất nước là

- A. Tác động của cục diện hai cực, hai phe
- B. Do Pháp chưa tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam trước khi rút quân
- C. Do âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam của thực dân Pháp.
- D. Do nhân dân miền Nam không muốn hiệp thương thống nhất

Câu 9. Ý nghĩa quan trọng nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954 là

- A. Cùng cố tinh thần để quân dân Việt Nam mở cuộc tấn công vào Điện Biên-Phủ

B. Chuẩn bị về vật chất cho chiến dịch Điện Biên Phủ

C. Làm phân tán khối cơ động chiến lược của Nava

D. Bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava

Câu 10. Ba mũi tiến công của quân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961-1965) là

A. Quân sự, kinh tế, ngoại giao

B. Chính trị, quân sự, ngoại giao

C. Chính trị, quân sự, binh vận

D. Chính trị, kinh tế, quân sự

Câu 11. Nhiệm vụ cơ bản, đầy đủ của miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

A. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh

B. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa

C. Kháng chiến chống Mỹ cứu nước

D. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa

Câu 12. Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam được xác định tại Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1959) là

A. Đấu tranh giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường chính trị hòa bình

B. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân

C. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị quần chúng

D. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng vũ trang nhân dân

Câu 13. Vì sao phong trào Đồng Khởi lại đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam?

A. Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công

B. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở miền Nam Việt Nam

C. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm

D. Làm phá sản chiến lược "chiến tranh đơn phương" của đế quốc Mỹ

Câu 14. Nguyên nhân quyết định dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là

A. Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có mặt trận dân tộc thống nhất, có lực lượng vũ trang sớm xây dựng và không ngừng lớn mạnh

B. Do sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo

C. Toàn dân, toàn quân ta đoàn kết dũng cảm trong chiến đấu, lao động, sản xuất

D. Có hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt

Câu 15. Ngày 7-5-1954, ở Việt Nam đã diễn ra sự kiện lịch sử trọng đại gì?

A. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi

B. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết

C. Chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu

D. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương khai mạc

Câu 16. Trong những năm 1954- 1975, Việt Nam là một trong những trọng điểm trong chiến lược nào của đế quốc Mỹ?

A. Thực dân kiểu mới

B. Phản ứng linh hoạt

C. Trả đũa ồ ạt

D. Chiến lược toàn cầu

Câu 17. Ngày 10 – 10 – 1954 diễn ra sự kiện quan trọng gì ở Việt Nam?

A. Trung ương Đảng, Chính phủ ra mắt nhân dân Thủ đô

B. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng

C. Pháp rút quân khỏi miền Nam

D. Pháp rút khỏi Hà Nội, bộ đội ta vào tiếp quản thủ đô

Câu 18. Sự kiện nào đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương?

A. Chiến thắng Điện Biên Phủ

B. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương

C. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954

D. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954 và Chiến thắng Điện Biên Phủ

Câu 19. Bản chất của chiến lược "chiến tranh đặc biệt" của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

A. Chiến tranh giới hạn

B. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới

- C. Nội chiến giữa hai miền Nam
- D. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ

Câu 20. Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp và xác định phương hướng chiến lược của ta trong đông xuân 1953-1954 là

- A. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi địch tương đối yếu
- B. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi có vị trí quan trọng mà địch tương đối yếu
- C. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi bố phòng sơ hở của địch
- D. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi địch mạnh nhất

Câu 21. Cầu Hiền Lương, sông Bến Hải là biểu tượng gợi nhớ đến hiện tượng lịch sử gì ở Việt Nam?

- A. Đất nước được hoàn toàn giải phóng
- B. Sự chia cắt đất nước sau hiệp định Giơ-ne-vơ
- C. Cuộc tập kết chuyển quân của Việt Nam và Pháp
- D. Cuộc Tổng tuyển cử thống nhất đất nước

Câu 22. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đã có tác động như thế nào đến hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc?

- A. Mở đầu quá trình sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới
- B. Mở đầu quá trình sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới
- C. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới
- D. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới

Câu 23. Kẻ thù trực tiếp của nhân dân miền Nam sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là

- A. Đế quốc Mỹ
- B. Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm
- C. Chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm
- D. Thực dân Pháp

Câu 24. Âm mưu của Pháp - Mỹ trong việc vạch ra kế hoạch quân sự Na-va

- A. Xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Dương trong 18 tháng, hi vọng “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.
- B. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh ở Đông Dương.
- C. Giành thắng lợi chính trị, quân sự kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng.
- D. Lấy lại thế chủ động trên chiến trường Đông Dương.

Câu 25. Đầu không phải là những biện pháp được Pháp thực hiện trước khi kế hoạch Nava bị đảo lộn?

- A. Mở các cuộc tiến công vào Ninh Bình, Thanh Hóa để phá kế hoạch tiến công của ta
- B. Tăng cường viện binh cho Đông Dương
- C. Tập trung lực lượng xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ
- D. Tập trung 44 tiểu đoàn quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ

Câu 26. Văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương là

- A. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương
- B. Hiệp định Sơ bộ
- C. Hiệp định Pari về Việt Nam
- D. Tạm ước Việt- Pháp

Câu 27. Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, Việt Nam sẽ tiến tới thống nhất bằng

- A. chính phủ mới được thành lập ở Việt Nam
- B. cuộc tổng tuyển cử tự do vào tháng 7-1956
- C. ngay khi hiệp định Giơnevơ có hiệu lực
- D. quân Pháp rút hết khỏi Việt Nam

Câu 28. Nơi tập trung lực lượng mạnh nhất của thực dân Pháp theo dự tính ban đầu trong kế hoạch Nava là

- A. Điện Biên Phủ
- B. Bắc Tây Nguyên
- C. Thượng Lào
- D. Đồng bằng Bắc Bộ

Câu 29. Mục tiêu cơ bản của thực dân Pháp trong việc đề ra và thực hiện kế hoạch Nava là gì?

- A. Mở rộng bình định vùng chiếm đóng
- B. Xoay chuyển cục diện chiến tranh, kết thúc chiến tranh trong danh dự
- C. Tiêu diệt lực lượng kháng chiến của Việt Minh
- D. Giành lại thế chủ động trên chiến trường

Câu 30. Lực lượng đóng vai trò nòng cốt trong việc thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ở miền Nam Việt Nam (1961-1965) là

- A. Quân viễn chinh Mỹ
- B. Quân đồng minh Mỹ
- C. Quân đội Việt Nam Cộng hòa
- D. Quân viễn chinh và đồng minh Mỹ

Câu 31. Những câu thơ sau gợi cho em nhớ đến chiến thắng lịch sử nào của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)?

“Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm,
cơm vắt Máu trộn bùn non

Gan không núng Chí không mòn!”

- A. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954
- B. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954
- C. Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950
- D. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947

Câu 32. Sự kiện đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công là

- A. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968
- B. Phong trào "Đồng khởi"
- C. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi)
- D. Cuộc biểu tình của 70 vạn quần chúng Sài Gòn vào ngày 16-6-1963

Câu 33. Điều *không* phải ý nghĩa lịch sử của kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1946 - 1954)?

- A. Mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội
- B. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc
- C. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới
- D. Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ ở Việt Nam

Câu 34. Trong chiến lược chiến tranh đặc biệt (1961-1965), Mĩ *không* thực hiện biện pháp nào sau đây?

- A. Mở các cuộc hành quân càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng
- B. Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai
- C. Tăng lực lượng quân đội Sài Gòn, sử dụng các chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận
- D. Dồn dân lập ấp chiến lược

Câu 35. Nhân tố khách quan nào tác động khiến Việt Nam bị chia cắt sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương?

- A. Do Pháp chưa tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam trước khi rút quân
- B. Do nhân dân miền Nam không muốn hiệp thương thống nhất
- C. Do tác động của cục diện hai cực, hai phe
- D. Do âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam của Mĩ - Diệm

Câu 36. Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ (1954), ranh giới phân chia khu vực tập kết của quân đội nhân dân Việt Nam và quân viễn chinh Pháp ở Việt Nam là

- A. Vĩ tuyến 17
- B. Vĩ tuyến 13
- C. Vĩ tuyến 14
- D. Vĩ tuyến 16

Câu 37. Sau chiến thắng Ấp Bắc (1963), trên toàn miền Nam đã dấy lên phong trào gì?

- A. Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công
- B. Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt
- C. Đánh cho Mĩ cút, đánh cho Ngụy nhào
- D. Đồng khởi

Câu 38. Xương sống của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

- A. Ấp chiến lược
- B. Cỏ vắn Mĩ
- C. Quân đội Việt Nam Cộng hòa
- D. Phương tiện chiến tranh của Mĩ

Câu 39. Lực lượng chính trị nào được ra đời từ trong phong trào Đồng Khởi ?

- A. Đảng Lao động Việt Nam
- B. Trung ương cục miền Nam
- C. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam
- D. Chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam

Câu 40. “Máu đọng chưa khô lại đầy/Hỡi miền Nam trăm đắng ngàn cay” Hai câu thơ trên là hình ảnh của miền Nam Việt Nam trong những ngày Mĩ - Diệm thực hiện chính sách gì

- A. Dồn dân, lập ấp chiến lược
- B. Tổ chức các cuộc hành quân tìm diệt
- C. Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương
- D. Tổ cộng, diệt cộng

----- HẾT -----

Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Câu 1. Những câu thơ sau gọi cho em nhớ đến chiến thắng lịch sử nào của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)?

“Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm,
cơm vắt Máu trộn bùn non

Gan không núng Chí không mòn!”

- A. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947
- B. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954
- C. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954
- D. Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950

Câu 2. Văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương là

- A. Hiệp định Pari về Việt Nam
- B. Tạm ước Việt- Pháp
- C. Hiệp định Sơ bộ
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương

Câu 3. Phương châm tác chiến của ta trong Đông - xuân 1953 -1954 là gì?

- A. “Đánh chắc, thắng chắc”.
- B. “Đánh nhanh, thắng nhanh”.
- C. “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh chắc thắng”.
- D. “Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng”.

Câu 4. Nhân tố khách quan nào tác động khiến Việt Nam bị chia cắt sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương?

- A. Do âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam của Mĩ- Diệm
- B. Do nhân dân miền Nam không muốn hiệp thương thống nhất
- C. Do Pháp chưa tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam trước khi rút quân
- D. Do tác động của cục diện hai cực, hai phe

Câu 5. Lý do chính khiến cho Việt Nam bị chia cắt mặc dù Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương có quy định về vấn đề thống nhất đất nước là

- A. Do âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam của thực dân Pháp.
- B. Do Pháp chưa tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam trước khi rút quân
- C. Tác động của cục diện hai cực, hai phe
- D. Do nhân dân miền Nam không muốn hiệp thương thống nhất

Câu 6. Xương sống của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

- A. Áp chiến lược
- B. Cố vấn Mĩ
- C. Quân đội Việt Nam Cộng hòa
- D. Phương tiện chiến tranh của Mĩ

Câu 7. Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam được xác định tại Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1959) là

- A. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân
- B. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng vũ trang nhân dân
- C. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị quần chúng
- D. Đấu tranh giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường chính trị hòa bình

Câu 8. Mục tiêu cơ bản của thực dân Pháp trong việc đề ra và thực hiện kế hoạch Nava là gì?

- A. Mở rộng bình định vùng chiếm đóng
- B. Gành lại thế chủ động trên chiến trường
- C. Xoay chuyển cục diện chiến tranh, kết thúc chiến tranh trong danh dự
- D. Tiêu diệt lực lượng kháng chiến của Việt Minh

Câu 9. Vì sao phong trào Đồng Khởi lại đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam?

- A. Làm phá sản chiến lược “chiến tranh đơn phương” của đế quốc Mĩ

- B. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở miền Nam Việt Nam
- C. Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công
- D. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm

Câu 10. Lực lượng đóng vai trò nòng cốt trong việc thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam (1961-1965) là

- A. Quân đội Việt Nam Cộng hòa
- B. Quân đồng minh Mĩ
- C. Quân viễn chinh và đồng minh Mĩ
- D. Quân viễn chinh Mĩ

Câu 11. Âm mưu của Pháp - Mĩ trong việc vạch ra kế hoạch quân sự Na-va

- A. Xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Dương trong 18 tháng, hi vọng “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.
- B. Giành thắng lợi chính trị, quân sự kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng.
- C. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh ở Đông Dương.
- D. Lấy lại thế chủ động trên chiến trường Đông Dương.

Câu 12. Nhiệm vụ cơ bản, đầy đủ của miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

- A. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa
- B. Kháng chiến chống Mĩ cứu nước
- C. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh
- D. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa

Câu 13. Kẻ thù trực tiếp của nhân dân miền Nam sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là

- A. Chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm
- B. Thực dân Pháp
- C. Đế quốc Mĩ
- D. Mĩ và chính quyền Ngô Đình Diệm

Câu 14. Ba mũi tiến công của quân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961-1965) là

- A. Chính trị, quân sự, binh vận
- B. Quân sự, kinh tế, ngoại giao
- C. Chính trị, quân sự, ngoại giao
- D. Chính trị, kinh tế, quân sự

Câu 15. Ngày 7-5-1954, ở Việt Nam đã diễn ra sự kiện lịch sử trọng đại gì?

- A. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi
- B. Chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu
- C. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương khai mạc

Câu 16. Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp và xác định phương hướng chiến lược của ta trong đông xuân 1953-1954 là

- A. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi bố phòng sơ hở của địch
- B. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi địch tương đối yếu
- C. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi địch mạnh nhất
- D. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi có vị trí quan trọng mà địch tương đối yếu

Câu 17. Ngày 10 – 10 – 1954 diễn ra sự kiện quan trọng gì ở Việt Nam?

- A. Pháp rút khỏi Hà Nội, bộ đội ta vào tiếp quản thủ đô
- B. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng
- C. Pháp rút quân khỏi miền Nam
- D. Trung ương Đảng, Chính phủ ra mắt nhân dân Thủ đô

Câu 18. Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, Việt Nam sẽ tiến tới thống nhất bằng

- A. chính phủ mới được thành lập ở Việt Nam
- B. cuộc tổng tuyển cử tự do vào tháng 7-1956
- C. quân Pháp rút hết khỏi Việt Nam
- D. ngay khi hiệp định Giơnevơ có hiệu lực

Câu 19. Sự kiện đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công là

- A. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968
- B. Cuộc biểu tình của 70 vạn quân chúng Sài Gòn vào ngày 16-6-1963
- C. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi)
- D. Phong trào "Đồng khởi"

Câu 20. Sự kiện nào đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương?

- A. Chiến thắng Điện Biên Phủ

- B. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954
- C. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954 và Chiến thắng Điện Biên Phủ
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương

Câu 21. Theo quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), ranh giới phân chia khu vực tập kết của quân đội nhân dân Việt Nam và quân viễn chinh Pháp ở Việt Nam là

- A. Vĩ tuyến 17
- B. Vĩ tuyến 13
- C. Vĩ tuyến 16
- D. Vĩ tuyến 14

Câu 22. Cầu Hiền Lương, sông Bến Hải là biểu tượng gợi nhớ đến hiện tượng lịch sử gì ở Việt Nam?

- A. Đất nước được hoàn toàn giải phóng
- B. Sự chia cắt đất nước sau hiệp định Giơ-ne-vơ
- C. Cuộc Tổng tuyển cử thống nhất đất nước
- D. Cuộc tập kết chuyển quân của Việt Nam và Pháp

Câu 23. Điều không phải ý nghĩa lịch sử của kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1946 - 1954)?

- A. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới
- B. Mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội
- C. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc
- D. Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ ở Việt Nam

Câu 24. Ý nghĩa quan trọng nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954 là

- A. Làm phân tán khối cơ động chiến lược của Nava
- B. Củng cố tinh thần để quân dân Việt Nam mở cuộc tấn công vào Điện Biên Phủ
- C. Bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava
- D. Chuẩn bị về vật chất cho chiến dịch Điện Biên Phủ

Câu 25. Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954) đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia bao gồm

- A. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
- B. Độc lập, chủ quyền, tự do và toàn vẹn lãnh thổ
- C. Độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ
- D. Độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ

Câu 26. “Cách một dòng sông mà đó thương đây nhớ, Chung một nhịp cầu mà duyên nợ cách xa...” Hai câu thơ trên nhắc đến hiện tượng gì trong lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954-1975

- A. Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước
- B. Cuộc tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực sau chiến tranh
- C. Đất nước bị chia cắt thành hai miền
- D. Kháng chiến chống Mỹ trên cả nước

Câu 27. Điều không phải là mục tiêu của phong trào đấu tranh chính trị- hòa bình ở miền Nam sau hiệp định Giơ- ne-vơ (1954)?

- A. Chống khủng bố, chiến dịch tố cộng, diệt cộng
- B. Đòi Mỹ- Diệm thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ
- C. Giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng
- D. Bảo vệ hòa bình

Câu 28. Nội dung nào sau đây không phải là hạn chế trong nội dung của hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 về Đông Dương?

- A. Thời gian để quân đội nước ngoài rút khỏi Việt Nam quá dài
- B. Quá trình tập kết chuyển quân tạo cơ hội cho kẻ thù có cơ hội gây rối loạn
- C. Quyền dân tộc cơ bản mới được công nhận ở một nửa đất nước
- D. Vấn đề thống nhất của Việt Nam phải phụ thuộc vào bên ngoài

Câu 29. Trong chiến lược chiến tranh đặc biệt (1961-1965), Mỹ không thực hiện biện pháp nào sau đây?

- A. Mở các cuộc hành quân càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng
- B. Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai
- C. Tăng lực lượng quân đội Sài Gòn, sử dụng các chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận
- D. Dồn dân lập ấp chiến lược

Câu 30. Lực lượng chính trị nào được ra đời từ trong phong trào Đồng Khởi ?

- A. Chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam
- B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam

- C. Đảng Lao động Việt Nam
- D. Trung ương cục miền Nam

Câu 31. Bản chất của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

- A. Chiến tranh giới hạn
- B. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ
- C. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới
- D. Nội chiến giữa hai miền Nam

Câu 32. Đầu không phải là những biện pháp được Pháp thực hiện trước khi kế hoạch Nava bị đảo lộn?

- A. Mở các cuộc tiến công vào Ninh Bình, Thanh Hóa để phá kế hoạch tiến công của ta
- B. Tăng cường viện binh cho Đông Dương
- C. Tập trung lực lượng xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ
- D. Tập trung 44 tiểu đoàn quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ

Câu 33. Từ thu - đông 1954, hướng tiến công của quân Pháp theo kế hoạch Nava sẽ có sự thay đổi như thế nào?

- A. Chuyển hướng tiến công lên Bắc Đông Dương
- B. Chuyển hướng tiến công lên Tây Nguyên
- C. Tiếp tục tiến công ở Trung Bộ và Nam Đông Dương
- D. Chuyển hướng tiến công ra Bắc Bộ

Câu 34. Nơi tập trung lực lượng mạnh nhất của thực dân Pháp theo dự tính ban đầu trong kế hoạch Nava là

- A. Thượng Lào
- B. Bắc Tây Nguyên
- C. Điện Biên Phủ
- D. Đồng bằng Bắc Bộ

Câu 35. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đã có tác động như thế nào đến hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc?

- A. Mở đầu quá trình sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới
- B. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới
- C. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới
- D. Mở đầu quá trình sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới

Câu 36. “Máu đọng chưa khô lại đầy/Hỡi miền Nam trăm đắng ngàn cay” Hai câu thơ trên là hình ảnh của miền Nam Việt Nam trong những ngày Mỹ - Diệm thực hiện chính sách gì

- A. Dồn dân, lập ấp chiến lược
- B. Tổ cộng, diệt cộng
- C. Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương
- D. Tổ chức các cuộc hành quân tìm diệt

Câu 37. Sau chiến thắng Ấp Bắc (1963), trên toàn miền Nam đã dấy lên phong trào gì?

- A. Đồng khởi
- B. Đánh cho Mỹ cút, đánh cho Ngụy nhào
- C. Tìm Mỹ mà đánh, lùng ngụy mà diệt
- D. Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công

Câu 38. Mỹ thay chân Pháp ở miền Nam sau năm 1954 không nhằm thực hiện mục tiêu nào sau đây?

- A. Làm bàn đạp tấn công ra miền Bắc để tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản
- B. Thúc đẩy sự giàu mạnh của miền Nam để đối trọng với miền Bắc
- C. Chia cắt lâu dài Việt Nam
- D. Biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mỹ ở Đông Dương

Câu 39. Trong những năm 1954- 1975, Việt Nam là một trong những trọng điểm trong chiến lược nào của đế quốc Mỹ?

- A. Chiến lược toàn cầu
- B. Thực dân kiểu mới
- C. Trả đũa ô ạt
- D. Phản ứng linh hoạt

Câu 40. Nguyên nhân quyết định dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là

- A. Toàn dân, toàn quân ta đoàn kết dũng cảm trong chiến đấu, lao động, sản xuất
- B. Có hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt
- C. Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có mặt trận dân tộc thống nhất, có lực lượng vũ trang sớm xây dựng và không ngừng lớn mạnh
- D. Do sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo

----- HẾT -----

Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Câu 1. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đã có tác động như thế nào đến hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc?

- A. Mở đầu quá trình sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới
- B. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới
- C. Mở đầu quá trình sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới
- D. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới

Câu 2. Nơi tập trung lực lượng mạnh nhất của thực dân Pháp theo dự tính ban đầu trong kế hoạch Nava là

- A. Thượng Lào
- B. Đồng bằng Bắc Bộ
- C. Bắc Tây Nguyên
- D. Điện Biên Phủ

Câu 3. Âm mưu của Pháp - Mĩ trong việc vạch ra kế hoạch quân sự Na-va

- A. Giành thắng lợi chính trị, quân sự kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng.
- B. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh ở Đông Dương.
- C. Xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Dương trong 18 tháng, hi vọng “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.
- D. Lấy lại thế chủ động trên chiến trường Đông Dương.

Câu 4. Nguyên nhân quyết định dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là

- A. Toàn dân, toàn quân ta đoàn kết dũng cảm trong chiến đấu, lao động, sản xuất
- B. Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có mặt trận dân tộc thống nhất, có lực lượng vũ trang sớm xây dựng và không ngừng lớn mạnh
- C. Do sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo
- D. Có hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt

Câu 5. “Máu đọng chưa khô lại đây/Hỡi miền Nam trăm đắng ngàn cay” Hai câu thơ trên là hình ảnh của miền Nam Việt Nam trong những ngày Mĩ - Diệm thực hiện chính sách gì

- A. Dồn dân, lập ấp chiến lược
- B. Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương
- C. Tổ chức các cuộc hành quân tìm diệt
- D. Tổ cộng, diệt cộng

Câu 6. Ngày 10 – 10 – 1954 diễn ra sự kiện quan trọng gì ở Việt Nam?

- A. Trung ương Đảng, Chính phủ ra mắt nhân dân Thủ đô
- B. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng
- C. Pháp rút quân khỏi miền Nam
- D. Pháp rút khỏi Hà Nội, bộ đội ta vào tiếp quản thủ đô

Câu 7. Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, Việt Nam sẽ tiến tới thống nhất bằng

- A. chính phủ mới được thành lập ở Việt Nam
- B. quân Pháp rút hết khỏi Việt Nam
- C. ngay khi hiệp định Giơnevơ có hiệu lực
- D. cuộc tổng tuyển cử tự do vào tháng 7-1956

Câu 8. Mục tiêu cơ bản của thực dân Pháp trong việc đề ra và thực hiện kế hoạch Nava là gì?

- A. Giành lại thế chủ động trên chiến trường
- B. Mở rộng bình định vùng chiếm đóng
- C. Xoay chuyển cục diện chiến tranh, kết thúc chiến tranh trong danh dự
- D. Tiêu diệt lực lượng kháng chiến của Việt Minh

Câu 9. Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam được xác định tại Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1959) là

- A. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị quần chúng là chủ yếu, kết hợp

với lực lượng vũ trang nhân dân

- B. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng vũ trang nhân dân
- C. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị quần chúng
- D. Đấu tranh giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường chính trị hòa bình

Câu 10. “Cách một dòng sông mà đó thương đây nhớ, Chung một nhịp cầu mà duyên nợ cách xa...”

Hai câu thơ trên nhắc đến hiện tượng gì trong lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954-1975

- A. Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước
- B. Đất nước bị chia cắt thành hai miền
- C. Kháng chiến chống Mỹ trên cả nước
- D. Cuộc tập kết chuyên quân, chuyển giao khu vực sau chiến tranh

Câu 11. Những câu thơ sau gọi cho em nhớ đến chiến thắng lịch sử nào của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)?

“Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm,
cơm vắt Máu trộn bùn non

Gan không núng Chí không mòn!”

- A. Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950
- B. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954
- C. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954

Câu 12. Đâu không phải là mục tiêu của phong trào đấu tranh chính trị- hòa bình ở miền Nam sau hiệp định Giơ- ne-vơ (1954)?

- A. Đòi Mỹ- Diệm thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ
- B. Chống khủng bố, chiến dịch tổ cộng, diệt cộng
- C. Giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng
- D. Bảo vệ hòa bình

Câu 13. Đâu không phải là những biện pháp được Pháp thực hiện trước khi kế hoạch Nava bị đảo lộn?

- A. Mở các cuộc tiến công vào Ninh Bình, Thanh Hóa để phá kế hoạch tiến công của ta
- B. Tập trung lực lượng xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ
- C. Tăng cường viện binh cho Đông Dương
- D. Tập trung 44 tiểu đoàn quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ

Câu 14. Nhân tố khách quan nào tác động khiến Việt Nam bị chia cắt sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương?

- A. Do nhân dân miền Nam không muốn hiệp thương thống nhất
- B. Do âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam của Mỹ- Diệm
- C. Do tác động của cục diện hai cực, hai phe
- D. Do Pháp chưa tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam trước khi rút quân

Câu 15. Lý do chính khiến cho Việt Nam bị chia cắt mặc dù Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương có quy định về vấn đề thống nhất đất nước là

- A. Do âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam của thực dân Pháp.
- B. Tác động của cục diện hai cực, hai phe
- C. Do nhân dân miền Nam không muốn hiệp thương thống nhất
- D. Do Pháp chưa tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam trước khi rút quân

Câu 16. Kẻ thù trực tiếp của nhân dân miền Nam sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là

- A. Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm
- B. Đế quốc Mỹ
- C. Thực dân Pháp
- D. Chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm

Câu 17. Trong những năm 1954- 1975, Việt Nam là một trong những trọng điểm trong chiến lược nào của đế quốc Mỹ?

- A. Thực dân kiểu mới
- B. Chiến lược toàn cầu
- C. Trả đũa ô ạt
- D. Phản ứng linh hoạt

Câu 18. Ngày 7-5-1954, ở Việt Nam đã diễn ra sự kiện lịch sử trọng đại gì?

- A. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương khai mạc
- B. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi
- C. Chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết

Câu 19. Nội dung nào sau đây *không* phải là hạn chế trong nội dung của hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương?

- A. Quyền dân tộc cơ bản mới được công nhận ở một nửa đất nước
- B. Thời gian để quân đội nước ngoài rút khỏi Việt Nam quá dài
- C. Vấn đề thống nhất của Việt Nam phải phụ thuộc vào bên ngoài
- D. Quá trình tập kết chuyển quân tạo cơ hội cho kẻ thù có cơ hội gây rối loạn

Câu 20. Lực lượng đóng vai trò nòng cốt trong việc thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam (1961-1965) là

- A. Quân viễn chinh Mĩ
- B. Quân đồng minh Mĩ
- C. Quân viễn chinh và đồng minh Mĩ
- D. Quân đội Việt Nam Cộng hòa

Câu 21. Phương châm tác chiến của ta trong Đông - xuân 1953 -1954 là gì?

- A. “Đánh chắc, thắng chắc”.
- B. “Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng”.
- C. “Đánh nhanh, thắng nhanh”.
- D. “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh chắc thắng”.

Câu 22. Điều *không* phải ý nghĩa lịch sử của kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1946 - 1954)?

- A. Mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội
- B. Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ ở Việt Nam
- C. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc
- D. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

Câu 23. Bản chất của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

- A. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới
- B. Chiến tranh giới hạn
- C. Nội chiến giữa hai miền Nam
- D. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ

Câu 24. Hiệp định Giơnevơ (1954) đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia bao gồm

- A. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
- B. Độc lập, chủ quyền, tự do và toàn vẹn lãnh thổ
- C. Độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
- D. Độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ

Câu 25. Sự kiện nào đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương?

- A. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954
- B. Chiến thắng Điện Biên Phủ
- C. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương
- D. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954 và Chiến thắng Điện Biên Phủ

Câu 26. Xương sống của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

- A. Cố vấn Mĩ
- B. Quân đội Việt Nam Cộng hòa
- C. Ấp chiến lược
- D. Phương tiện chiến tranh của Mĩ

Câu 27. Mĩ thay chân Pháp ở miền Nam sau năm 1954 *không* nhằm thực hiện mục tiêu nào sau đây?

- A. Chia cắt lâu dài Việt Nam
- B. Biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương
- C. Làm bàn đạp tấn công ra miền Bắc để tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản
- D. Thúc đẩy sự giàu mạnh của miền Nam để đối trọng với miền Bắc

Câu 28. Cầu Hiền Lương, sông Bến Hải là biểu tượng gợi nhớ đến hiện tượng lịch sử gì ở Việt Nam?

- A. Cuộc tập kết chuyển quân của Việt Nam và Pháp
- B. Sự chia cắt đất nước sau hiệp định Giơ-ne-vơ
- C. Cuộc Tổng tuyển cử thống nhất đất nước
- D. Đất nước được hoàn toàn giải phóng

Câu 29. Vì sao phong trào Đồng Khởi lại đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam?

- A. Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công
- B. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở miền Nam Việt Nam
- C. Làm phá sản chiến lược “chiến tranh đơn phương” của đế quốc Mĩ

D. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm

Câu 30. Ý nghĩa quan trọng nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954 là

- A. Làm phân tán khối cơ động chiến lược của Nava
- B. Cùng cố tinh thần để quân dân Việt Nam mở cuộc tấn công vào Điện Biên Phủ
- C. Bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava
- D. Chuẩn bị về vật chất cho chiến dịch Điện Biên Phủ

Câu 31. Nhiệm vụ cơ bản, đầy đủ của miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954 là

- A. Kháng chiến chống Mỹ cứu nước
- B. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa
- C. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa
- D. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh

Câu 32. Ba mũi tiến công của quân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961-1965) là

- A. Quân sự, kinh tế, ngoại giao
- B. Chính trị, quân sự, ngoại giao
- C. Chính trị, kinh tế, quân sự
- D. Chính trị, quân sự, binh vận

Câu 33. Văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương là

- A. Hiệp định Pari về Việt Nam
- B. Tạm ước Việt- Pháp
- C. Hiệp định Sơ bộ
- D. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương

Câu 34. Theo quy định của Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), ranh giới phân chia khu vực tập kết của quân đội nhân dân Việt Nam và quân viễn chinh Pháp ở Việt Nam là

- A. Vĩ tuyến 13
- B. Vĩ tuyến 17
- C. Vĩ tuyến 14
- D. Vĩ tuyến 16

Câu 35. Lực lượng chính trị nào được ra đời từ trong phong trào Đồng Khởi ?

- A. Chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam
- B. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam
- C. Đảng Lao động Việt Nam
- D. Trung ương cục miền Nam

Câu 36. Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp và xác định phương hướng chiến lược của ta trong đông xuân 1953-1954 là

- A. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi có vị trí quan trọng mà địch tương đối yếu
- B. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi địch tương đối yếu
- C. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi địch mạnh nhất
- D. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi bố phòng sơ hở của địch

Câu 37. Sau chiến thắng Ấp Bắc (1963), trên toàn miền Nam đã dấy lên phong trào gì?

- A. Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt
- B. Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công
- C. Đánh cho Mĩ cút, đánh cho Ngụy nhào
- D. Đồng khởi

Câu 38. Trong chiến lược chiến tranh đặc biệt (1961-1965), Mĩ không thực hiện biện pháp nào sau đây?

- A. Tăng lực lượng quân đội Sài Gòn, sử dụng các chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận
- B. Mở các cuộc hành quân càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng
- C. Dồn dân lập ấp chiến lược
- D. Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai

Câu 39. Từ thu - đông 1954, hướng tiến công của quân Pháp theo kế hoạch Nava sẽ có sự thay đổi như thế nào?

- A. Chuyển hướng tiến công lên Tây Nguyên
- B. Chuyển hướng tiến công ra Bắc Bộ
- C. Tiếp tục tiến công ở Trung Bộ và Nam Đông Dương
- D. Chuyển hướng tiến công lên Bắc Đông Dương

Câu 40. Sự kiện đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công là

- A. Phong trào "Đồng khởi"
- B. Cuộc biểu tình của 70 vạn quần chúng Sài Gòn vào ngày 16-6-1963
- C. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968
- D. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi)

----- HẾT -----

Em hãy ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng.

Câu 1. Nơi tập trung lực lượng mạnh nhất của thực dân Pháp theo dự tính ban đầu trong kế hoạch Nava là

- A. Điện Biên Phủ B. Bắc Tây Nguyên C. Đồng bằng Bắc Bộ D. Thượng Lào

Câu 2. “Máu đọng chưa khô lại đầy/Hỡi miền Nam trăm đắng ngàn cay” Hai câu thơ trên là hình ảnh của miền Nam Việt Nam trong những ngày Mĩ - Diệm thực hiện chính sách gì

- A. Dùng người Đông Dương đánh người Đông Dương
B. Tổ cộng, diệt cộng
C. Dồn dân, lập ấp chiến lược
D. Tổ chức các cuộc hành quân tìm diệt

Câu 3. Con đường phát triển cơ bản của cách mạng miền Nam được xác định tại Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1959) là

- A. Đấu tranh giành chính quyền về tay nhân dân bằng con đường chính trị hòa bình
B. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị quần chúng là chủ yếu, kết hợp với lực lượng vũ trang nhân dân
C. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng vũ trang nhân dân
D. Khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân bằng lực lượng chính trị quần chúng

Câu 4. Tháng 9-1953, Bộ Chính trị Ban chấp hành Trung ương Đảng đã họp và xác định phương hướng chiến lược của ta trong đông xuân 1953-1954 là

- A. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi bố phòng sơ hở của địch
B. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi địch mạnh nhất
C. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi có vị trí quan trọng mà địch tương đối yếu
D. Tập trung lực lượng mở những cuộc tiến công vào nơi địch tương đối yếu

Câu 5. Sau chiến thắng Ấp Bắc (1963), trên toàn miền Nam đã dấy lên phong trào gì?

- A. Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công B. Đánh cho Mĩ cút, đánh cho Ngụy nhào
C. Tìm Mĩ mà đánh, lùng ngụy mà diệt D. Đồng khởi

Câu 6. Hiệp định Giơnevơ (1954) đã công nhận các quyền dân tộc cơ bản của 3 nước Việt Nam, Lào, Campuchia bao gồm

- A. Độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
B. Độc lập, tự do, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ
C. Độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ
D. Độc lập, chủ quyền, tự do và toàn vẹn lãnh thổ

Câu 7. Cầu Hiền Lương, sông Bến Hải là biểu tượng gợi nhớ đến hiện tượng lịch sử gì ở Việt Nam?

- A. Cuộc tập kết chuyển quân của Việt Nam và Pháp
B. Sự chia cắt đất nước sau hiệp định Giơ-ne-vơ
C. Đất nước được hoàn toàn giải phóng
D. Cuộc Tổng tuyển cử thống nhất đất nước

Câu 8. Điều không phải là mục tiêu của phong trào đấu tranh chính trị- hòa bình ở miền Nam sau hiệp định Giơ- ne-vơ (1954)?

- A. Bảo vệ hòa bình
B. Đòi Mĩ- Diệm thi hành hiệp định Giơ-ne-vơ
C. Giữ gìn và phát triển lực lượng cách mạng
D. Chống khủng bố, chiến dịch tổ cộng, diệt cộng

Câu 9. Nguyên nhân quyết định dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) là

- A. Có hậu phương rộng lớn, vững chắc về mọi mặt
B. Do sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, với đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo
C. Có hệ thống chính quyền dân chủ nhân dân trong cả nước, có mặt trận dân tộc thống nhất, có lực lượng

vũ trang sớm xây dựng và không ngừng lớn mạnh

D. Toàn dân, toàn quân ta đoàn kết vững cảm trong chiến đấu, lao động, sản xuất

Câu 10. Sự kiện đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công là

A. Chiến thắng Vạn Tường (Quảng Ngãi)

B. Phong trào "Đồng khởi"

C. Cuộc biểu tình của 70 vạn quần chúng Sài Gòn vào ngày 16-6-1963

D. Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968

Câu 11. Điều không phải là những biện pháp được Pháp thực hiện trước khi kế hoạch Nava bị đảo lộn?

A. Tăng cường viện binh cho Đông Dương

B. Mở các cuộc tiến công vào Ninh Bình, Thanh Hóa để phá kế hoạch tiến công của ta

C. Tập trung 44 tiểu đoàn quân cơ động ở đồng bằng Bắc Bộ

D. Tập trung lực lượng xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ

Câu 12. Lý do chính khiến cho Việt Nam bị chia cắt mặc dù Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương có quy định về vấn đề thống nhất đất nước là

A. Do nhân dân miền Nam không muốn hiệp thương thống nhất

B. Do Pháp chưa tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam trước khi rút quân

C. Tác động của cục diện hai cực, hai phe

D. Do âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam của thực dân Pháp.

Câu 13. "Cách một dòng sông mà đó thương đây nhớ, Chung một nhịp cầu mà duyên nợ cách xa..."

Hai câu thơ trên nhắc đến hiện tượng gì trong lịch sử Việt Nam giai đoạn 1954-1975

A. Cuộc tập kết chuyển quân, chuyển giao khu vực sau chiến tranh

B. Đất nước bị chia cắt thành hai miền

C. Hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất đất nước

D. Kháng chiến chống Mỹ trên cả nước

Câu 14. Nhiệm vụ cơ bản, đầy đủ của miền Bắc Việt Nam sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 là

A. Kháng chiến chống Mỹ cứu nước

B. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh và tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa

C. Khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh

D. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa

Câu 15. Điều không phải ý nghĩa lịch sử của kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam (1946 - 1954)?

A. Mở ra kỉ nguyên đất nước độc lập, thống nhất, đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội

B. Cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới

C. Chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược, ách thống trị của thực dân Pháp trong gần một thế kỉ ở Việt Nam

D. Góp phần làm tan rã hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc

Câu 16. Ngày 10 - 10 - 1954 diễn ra sự kiện quan trọng gì ở Việt Nam?

A. Trung ương Đảng, Chính phủ ra mắt nhân dân Thủ đô

B. Pháp rút quân khỏi miền Nam

C. Pháp rút khỏi Hà Nội, bộ đội ta vào tiếp quản thủ đô

D. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng

Câu 17. Sự kiện nào đã chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Đông Dương?

A. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954 và Chiến thắng Điện Biên Phủ

B. Chiến thắng Điện Biên Phủ

C. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954

D. Hiệp định Giơ-ne-vơ 1954 về Đông Dương

Câu 18. Kẻ thù trực tiếp của nhân dân miền Nam sau hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương là

A. Chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm

B. Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm

C. Thực dân Pháp

D. Đế quốc Mỹ

Câu 19. Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương, Việt Nam sẽ tiến tới thống nhất bằng

A. chính phủ mới được thành lập ở Việt Nam

B. ngay khi hiệp định Giơnevơ có hiệu lực

C. cuộc tổng tuyển cử tự do vào tháng 7-1956

D. quân Pháp rút hết khỏi Việt Nam

Câu 20. Thắng lợi của nhân dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đã có tác động như thế nào đến hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc?

- A. Mở đầu quá trình sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới
- B. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới
- C. Mở đầu quá trình sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu cũ trên thế giới
- D. Làm sụp đổ hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân kiểu mới trên thế giới

Câu 21. Mục tiêu cơ bản của thực dân Pháp trong việc đề ra và thực hiện kế hoạch Nava là gì?

- A. Mở rộng bình định vùng chiếm đóng
- B. Tiêu diệt lực lượng kháng chiến của Việt Minh
- C. Xoay chuyển cục diện chiến tranh, kết thúc chiến tranh trong danh dự
- D. Giành lại thế chủ động trên chiến trường

Câu 22. Ba mũi tiến công của quân dân miền Nam chống chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" (1961-1965) là

- A. Chính trị, quân sự, binh vận
- B. Chính trị, quân sự, ngoại giao
- C. Chính trị, kinh tế, quân sự
- D. Quân sự, kinh tế, ngoại giao

Câu 23. Theo quy định của Hiệp định Giơnevơ (1954), ranh giới phân chia khu vực tập kết của quân đội nhân dân Việt Nam và quân viễn chinh Pháp ở Việt Nam là

- A. Vĩ tuyến 13
- B. Vĩ tuyến 14
- C. Vĩ tuyến 16
- D. Vĩ tuyến 17

Câu 24. Mĩ thay chân Pháp ở miền Nam sau năm 1954 không nhằm thực hiện mục tiêu nào sau đây?

- A. Chia cắt lâu dài Việt Nam
- B. Biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới, căn cứ quân sự của Mĩ ở Đông Dương
- C. Làm bàn đạp tấn công ra miền Bắc để tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản
- D. Thúc đẩy sự giàu mạnh của miền Nam để đối trọng với miền Bắc

Câu 25. Nhân tố khách quan nào tác động khiến Việt Nam bị chia cắt sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương?

- A. Do Pháp chưa tiến hành hiệp thương tổng tuyển cử thống nhất Việt Nam trước khi rút quân
- B. Do nhân dân miền Nam không muốn hiệp thương thống nhất
- C. Do tác động của cục diện hai cực, hai phe
- D. Do âm mưu chia cắt lâu dài Việt Nam của Mĩ - Diệm

Câu 26. Nội dung nào sau đây không phải là hạn chế trong nội dung của hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương?

- A. Thời gian để quân đội nước ngoài rút khỏi Việt Nam quá dài
- B. Quá trình tập kết chuyển quân tạo cơ hội cho kẻ thù có cơ hội gây rối loạn
- C. Vấn đề thống nhất của Việt Nam phải phụ thuộc vào bên ngoài
- D. Quyền dân tộc cơ bản mới được công nhận ở một nửa đất nước

Câu 27. Phương châm tác chiến của ta trong Đông - xuân 1953 -1954 là gì?

- A. "Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt, đánh chắc thắng".
- B. "Đánh nhanh, thắng nhanh".
- C. "Đánh vào những nơi ta cho là chắc thắng".
- D. "Đánh chắc, thắng chắc".

Câu 28. Từ thu - đông 1954, hướng tiến công của quân Pháp theo kế hoạch Nava sẽ có sự thay đổi như thế nào?

- A. Chuyển hướng tiến công lên Bắc Đông Dương
- B. Chuyển hướng tiến công lên Tây Nguyên
- C. Chuyển hướng tiến công ra Bắc Bộ
- D. Tiếp tục tiến công ở Trung Bộ và Nam Đông Dương

Câu 29. Lực lượng chính trị nào được ra đời từ trong phong trào Đồng Khởi ?

- A. Đảng Lao động Việt Nam
- B. Trung ương cục miền Nam
- C. Chính phủ lâm thời cộng hòa miền Nam Việt Nam
- D. Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam

Câu 30. Ý nghĩa quan trọng nhất của cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954 là

- A. Làm phân tán khối cơ động chiến lược của Nava
- B. Chuẩn bị về vật chất cho chiến dịch Điện Biên Phủ

- C. Cùng cổ tinh thần để quân dân Việt Nam mở cuộc tấn công vào Điện Biên Phủ
- D. Bước đầu làm phá sản kế hoạch Nava

Câu 31. Âm mưu của Pháp - Mĩ trong việc vạch ra kế hoạch quân sự Na-va

- A. Giành thắng lợi chính trị, quân sự kết thúc chiến tranh trong vòng 18 tháng.
- B. Lấy lại thế chủ động trên chiến trường Đông Dương.
- C. Xoay chuyển cục diện chiến tranh Đông Dương trong 18 tháng, hi vọng “kết thúc chiến tranh trong danh dự”.
- D. Giành thắng lợi quân sự kết thúc chiến tranh ở Đông Dương.

Câu 32. Ngày 7-5-1954, ở Việt Nam đã diễn ra sự kiện lịch sử trọng đại gì?

- A. Chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi
- B. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương được kí kết
- C. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương khai mạc
- D. Chiến dịch Điện Biên Phủ bắt đầu

Câu 33. Xương sống của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

- A. Phương tiện chiến tranh của Mĩ
- B. Cố vấn Mĩ
- C. Quân đội Việt Nam Cộng hòa
- D. Áp chiến lược

Câu 34. Những câu thơ sau gợi cho em nhớ đến chiến thắng lịch sử nào của dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954)?

“Năm mươi sáu ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm,
cơm vắt Máu trộn bùn non

Gan không núng Chí không mòn!”

- A. Cuộc tiến công chiến lược Đông- Xuân 1953-1954
- B. Chiến dịch Biên giới thu- đông năm 1950
- C. Chiến dịch Điện Biên Phủ năm 1954
- D. Chiến dịch Việt Bắc thu- đông năm 1947

Câu 35. Vì sao phong trào Đồng Khởi lại đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng miền Nam?

- A. Làm lung lay tận gốc chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm
- B. Làm phá sản chiến lược “chiến tranh đơn phương” của đế quốc Mĩ
- C. Chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công
- D. Phá vỡ từng mảng lớn bộ máy cai trị của địch ở miền Nam Việt Nam

Câu 36. Lực lượng đóng vai trò nòng cốt trong việc thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ ở miền Nam Việt Nam (1961-1965) là

- A. Quân đồng minh Mĩ
- B. Quân viễn chinh Mĩ
- C. Quân viễn chinh và đồng minh Mĩ
- D. Quân đội Việt Nam Cộng hòa

Câu 37. Bản chất của chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mĩ thực hiện ở miền Nam Việt Nam là

- A. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới
- B. Chiến tranh giới hạn
- C. Nội chiến giữa hai miền Nam
- D. Chiến tranh xâm lược thực dân kiểu cũ

Câu 38. Trong chiến lược chiến tranh đặc biệt (1961-1965), Mĩ không thực hiện biện pháp nào sau đây?

- A. Tăng lực lượng quân đội Sài Gòn, sử dụng các chiến thuật trực thăng vận, thiết xa vận
- B. Dồn dân lập ấp chiến lược
- C. Mở các cuộc hành quân càn quét tiêu diệt lực lượng cách mạng
- D. Tiến hành chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ hai

Câu 39. Trong những năm 1954- 1975, Việt Nam là một trong những trọng điểm trong chiến lược nào của đế quốc Mĩ?

- A. Chiến lược toàn cầu
- B. Thực dân kiểu mới
- C. Phản ứng linh hoạt
- D. Trả đũa ồ ạt

Câu 40. Văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên ghi nhận quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Đông Dương là

- A. Hiệp định Sơ bộ
- B. Hiệp định Giơ-ne-vơ về Đông Dương
- C. Tạm ước Việt- Pháp
- D. Hiệp định Pari về Việt Nam

----- HẾT -----

PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
Năm học 2023-2024

HƯỚNG DẪN CHẤM
ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
MÔN: LỊCH SỬ - KHỐI 9
Thời gian làm bài: 45 phút

TRẮC NGHIỆM: (10 điểm). Mỗi câu đúng được 0,25điểm/1câu
Mã đề S901.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	A	B	A	A	B	A	A	C	B	D
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	B	C	A	C	D	C	C	B	B	C
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	B	A	C	C	C	B	C	C	B	B
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	B	A	A	C	A	C	C	D	C	A

Mã đề S902.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	D	A	A	A	D	C	B	B	D	C
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	B	A	B	A	D	D	B	B	B
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	B	B	B	A	C	A	B	D	B	C
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	A	B	A	B	C	A	A	A	C	D

Mã đề S903.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	B	D	C	D	B	A	A	C	C	A
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	A	D	D	A	A	D	A	B	D	D
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	A	B	B	C	A	C	A	C	B	B
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	C	D	D	D	B	D	B	A	D

Mã đề S904.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	B	C	C	D	D	D	C	A	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	B	B	C	D	A	B	B	A	D
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	D	A	A	A	C	C	D	B	A	C
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	D	D	B	B	A	B	D	B	A

Mã đề S905.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Đáp án	C	B	B	C	A	A	B	D	B	B
Câu	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
Đáp án	D	B	B	B	A	C	D	B	C	C
Câu	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30
Đáp án	C	A	D	D	C	D	A	C	D	D
Câu	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40
Đáp án	C	A	D	C	C	D	A	D	A	B



BAN GIÁM HIỆU

Ngô Thị Bích Liên

TỔ TRƯỞNG

Lưu Hoàng Trang

NHÓM TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thảo

Học sinh ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng

- Câu 1.** Một người quan sát một vật nhỏ bằng kính lúp, người ấy phải điều chỉnh để
- A. ảnh của vật là ảnh ảo, cùng chiều, nhỏ hơn vật.
 - B. ảnh của vật là ảnh ảo, cùng chiều, lớn hơn vật.
 - C. ảnh của vật là ảnh thật, cùng chiều, lớn hơn vật.
 - D. ảnh của vật là ảnh ảo, ngược chiều, lớn hơn vật.
- Câu 2.** Khi nhìn rõ một vật thì ảnh của vật đó nằm ở:
- A. con ngươi của mắt
 - B. võng mạc của mắt.
 - C. lòng đen của mắt.
 - D. thể thủy tinh của mắt.
- Câu 3.** Ảnh của một vật sáng đặt ngoài khoảng tiêu cự của thấu kính hội tụ có tiêu cự $f = 16\text{cm}$. Có thể thu được ảnh nhỏ hơn vật tạo bởi thấu kính này khi đặt vật cách thấu kính
- A. 32cm.
 - B. 16cm.
 - C. 48cm.
 - D. 8cm.
- Câu 4.** Để khắc phục tật mắt lão, ta cần đeo loại kính có tính chất như
- A. kính mát
 - B. kính râm
 - C. kính phân kì
 - D. kính hội tụ
- Câu 5.** Tác dụng của kính cận là để
- A. tạo ảnh thật nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.
 - B. tạo ảnh ảo nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.
 - C. tạo ảnh ảo nằm trong khoảng cực viễn của mắt.
 - D. tạo ảnh thật nằm trong khoảng cực viễn của mắt.
- Câu 6.** Tia tới song song song trục chính một thấu kính phân kì, cho tia ló có đường kéo dài cắt trục chính tại một điểm cách quang tâm O của thấu kính 15 cm. Độ lớn tiêu cự của thấu kính là
- A. 15 cm
 - B. 30 cm
 - C. 20 cm
 - D. 25 cm
- Câu 7.** Điều nào sau đây không đúng khi so sánh tác dụng của dòng điện một chiều và dòng điện xoay chiều?
- A. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều có khả năng làm phát quang bóng đèn.
 - B. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều gây ra từ trường.
 - C. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều tỏa ra nhiệt khi chạy qua một dây dẫn.
 - D. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều có khả năng trực tiếp nạp điện cho acquy.
- Câu 8.** Để sử dụng thiết bị có hiệu điện thế định mức 24V ở nguồn điện có hiệu điện thế 220V phải sử dụng máy biến thế có hai cuộn dây với số vòng dây tương ứng là
- A. sơ cấp 3458 vòng, thứ cấp 380 vòng
 - B. sơ cấp 380 vòng, thứ cấp 3458 vòng
 - C. sơ cấp 3300 vòng, thứ cấp 360 vòng
 - D. sơ cấp 360 vòng, thứ cấp 3300 vòng
- Câu 9.** Kính lúp là thấu kính hội tụ có
- A. tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật lớn.
 - B. tiêu cự dài dùng để quan sát các vật có hình dạng phức tạp.
 - C. tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật nhỏ.
 - D. tiêu cự dài dùng để quan sát các vật nhỏ.
- Câu 10.** Thấu kính hội tụ có đặc điểm và tác dụng nào dưới đây?
- A. Có phần giữa dày hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
 - B. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
 - C. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.

D. Có phần giữa dày hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.

Câu 11. Kính cận thích hợp là kính phân kì có tiêu điểm F

A. trùng với điểm cực viễn của mắt.

B. trùng với điểm cực cận của mắt.

C. nằm giữa điểm cực cận và điểm cực viễn của mắt.

D. nằm giữa điểm cực cận và thể thủy tinh của mắt.

Câu 12. Biểu thức tính công suất hao phí (công suất tỏa nhiệt)

A. $P_{hp} = I.R$

B. $P_{hp} = U.R$

C. $P_{hp} = R.P^2 / U^2$

D. $P_{hp} = P.U^2 / R$

Câu 13. Mắt của một người chỉ nhìn rõ được các vật cách mắt từ 10cm đến 100cm. Mắt này có tật gì và phải đeo kính nào?

A. Mắt cận, đeo kính phân kì.

B. Mắt lão, đeo kính phân kì.

C. Mắt cận, đeo kính hội tụ.

D. Mắt lão, đeo kính hội tụ.

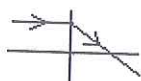
Câu 14. Xét đường đi của tia sáng qua thấu kính, thấu kính ở hình nào là thấu kính phân kì?

A. hình b

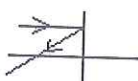
B. hình d

C. hình c

D. hình a



hình a



hình b



hình c



hình d

Câu 15. Một cốc thủy tinh trong, đáy phẳng, đựng nước trong suốt, được đặt trên một tờ giấy có chữ A. Một người đặt mắt nhìn theo phương thẳng đứng, nhìn chữ A đó qua nước trong cốc. Hỏi tia sáng truyền từ chữ A đến mắt chịu bao nhiêu lần khúc xạ?

A. Ba lần

B. Bốn lần

C. Một lần

D. Hai lần

Câu 16. Vật sáng AB đặt trước 1 thấu kính phân kì có tiêu cự 12cm một khoảng là 20cm. Khoảng cách từ ảnh đến thấu kính là:

A. 7,5cm.

B. 11cm.

C. 11,5cm.

D. 8cm.

Câu 17. Khi nói về mắt, câu phát biểu nào sau đây là đúng?

A. Không thể quan sát được vật khi đặt vật ở điểm cực viễn của mắt.

B. Điểm cực viễn là điểm xa nhất mà khi đặt vật tại đó mắt điều tiết mạnh nhất mới nhìn rõ.

C. Khi quan sát vật ở điểm cực cận, mắt phải điều tiết mạnh nhất.

D. Điểm cực cận là điểm gần nhất mà khi đặt vật tại đó mắt không điều tiết vẫn nhìn rõ được.

Câu 18. Máy phát điện xoay chiều gồm mấy bộ phận

A. 4

B. 3

C. 2

D. 1

Câu 19. Hằng quan sát một cây thẳng đứng cao 12m cách chỗ Hằng đứng 25m. Biết màng lưới mắt của Hằng cách thể thủy tinh 1,5 cm. Chiều cao ảnh của cây trên màng lưới mắt Hằng là bao nhiêu?

A. 0,38m

B. 7,2 mm

C. 0,38 cm

D. 7,2 cm

Câu 20. Số bội giác và tiêu cự (đo bằng đơn vị xentimet) của một kính lúp có hệ thức:

A. $G = 25f$

B. $G = 25 - f$

C. $G = f/25$

D. $G = 25/f$

Câu 21. Một người quan sát vật AB qua một thấu kính phân kì, đặt cách mắt 8 cm thì thấy ảnh của mọi vật ở xa, gần đều hiện lên cách mắt trong khoảng 64 cm trở lại. Xác định tiêu cự của thấu kính phân kì

A. 64 cm

B. 40 cm

C. 56 cm

D. 72 cm

Câu 22. Bộ phận quan trọng nhất của mắt là

A. màng lưới và võng mạc.

B. thể thủy tinh và màng lưới.

C. con ngươi và thấu kính.

D. thể thủy tinh và thấu kính.

Câu 23. Tác dụng từ của dòng điện thay đổi như thế nào khi dòng điện đổi chiều?

A. Tác dụng từ mạnh lên gấp đôi

C. Không có tác dụng từ

B. Tác dụng từ giảm đi

D. Lực từ đổi chiều

Câu 24. Một tia sáng phát ra từ một bóng đèn trong bể cá cảnh, chiếu lên trên, xiên góc vào mặt nước và ló ra ngoài không khí thì

A. góc khúc xạ sẽ lớn hơn góc tới

B. góc khúc xạ sẽ nhỏ hơn góc tới

C. không có hiện tượng xảy ra

D. góc khúc xạ sẽ bằng góc tới

Câu 25. Máy phát điện xoay chiều là thiết bị dùng để

A. biến đổi điện năng thành nhiệt năng

B. biến đổi cơ năng thành điện năng

C. biến đổi nhiệt năng thành điện năng

D. biến đổi điện năng thành cơ năng

Câu 26. Với hai cuộn dây có số vòng dây khác nhau ở máy biến thế thì

A. dòng điện được đưa vào cuộn nào thì cuộn đó là cuộn sơ cấp.

B. cuộn dây ít vòng hơn là cuộn thứ cấp.

C. cuộn dây ít vòng hơn là cuộn sơ cấp.

D. cả hai cuộn đều là cuộn sơ cấp.

Câu 27. Một vật sáng được đặt tại tiêu điểm của thấu kính phân kì. Khoảng cách giữa ảnh và thấu kính là

A. $f/3$

B. $2f$

C. f

D. $f/2$

Câu 28. Máy biến thế dùng để

A. làm tăng hoặc giảm hiệu điện thế

B. giữ cường độ dòng điện ổn định, không đổi

C. giữ hiệu điện thế ổn định, không đổi

D. làm tăng hoặc giảm cường độ dòng điện

Câu 29. Số ghi trên vành của một kính lúp là $5\times$. Tiêu cự kính lúp có giá trị là

A. $f = 5\text{dm}$

B. $f = 5\text{mm}$

C. $f = 5\text{m}$

D. $f = 5\text{cm}$

Câu 30. Ảnh của một ngọn nến qua một thấu kính phân kì

A. chỉ có thể là ảnh ảo, có thể lớn hoặc nhỏ hơn ngọn nến.

B. có thể là ảnh thật, có thể là ảnh ảo.

C. chỉ có thể là ảnh ảo, lớn hơn ngọn nến.

D. chỉ có thể là ảnh ảo, nhỏ hơn ngọn nến.

Câu 31. Khoảng cách giữa hai tiêu điểm của thấu kính phân kì bằng

A. tiêu cự của thấu kính.

B. bốn lần tiêu cự của thấu kính.

C. hai lần tiêu cự của thấu kính.

D. một nửa tiêu cự của thấu kính.

Câu 32. Đặc điểm của mắt cận

A. điểm cực cận bị kéo ra xa hơn so với mắt bình thường.

B. chỉ nhìn rõ những vật ở xa.

C. điểm cực viễn bị kéo ra xa hơn so với mắt bình thường.

D. chỉ nhìn rõ những vật ở gần.

Câu 33. Vật sáng AB được đặt vuông góc với trục chính tại tiêu điểm của một thấu kính phân kì có tiêu cự f . Nếu dịch chuyển vật lại gần thấu kính thì ảnh ảo của vật sẽ

A. càng lớn và càng xa thấu kính.

B. càng lớn và càng gần thấu kính.

C. càng nhỏ và càng gần thấu kính.

D. càng nhỏ và càng xa thấu kính.

Câu 34. Điểm cực viễn của mắt lão thì:

A. Bằng điểm cực viễn của mắt cận.

B. Bằng điểm cực viễn của mắt thường.

C. Gần hơn điểm cực viễn của mắt thường.

D. Xa hơn điểm cực viễn của mắt thường.

Câu 35. Mắt cận có điểm cực viễn

A. xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt lão.

B. ở rất xa mắt.

C. gần mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường.

D. xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường.

Câu 36. Lần lượt đặt vật AB trước thấu kính phân kì và thấu kính hội tụ. Thấu kính phân kì cho ảnh ảo A_1B_1 , thấu kính hội tụ cho ảnh ảo A_2B_2 thì

A. $A_1B_1 \geq A_2B_2$

B. $A_1B_1 < A_2B_2$

C. $A_1B_1 > A_2B_2$

D. $A_1B_1 = A_2B_2$

Câu 37. Chiếu một tia sáng qua quang tâm của một thấu kính phân kì, theo phương không song song với trục chính. Tia sáng ló ra khỏi thấu kính sẽ có phương như thế nào?

A. Phương bất kì

B. Cùng với phương của tia sáng tới

C. Phương lệch lại gần trục chính của thấu kính

D. Phương lệch ra xa trục chính của thấu kính

Câu 38. Trong hiện tượng khúc xạ ánh sáng, góc tới (i) là góc tạo bởi:

A. tia tới và mặt phân cách

B. tia khúc xạ và tia tới.

C. tia tới và điểm tới

D. tia tới và pháp tuyến tại điểm tới.

Câu 39. Chọn câu trả lời sai

Một người cận thị có điểm cực cận cách mắt 15 cm và phải đeo kính có tiêu cự 50 cm. Khi không đeo kính, người đó nhìn rõ vật:

A. cách mắt trong khoảng từ 15 đến 50 cm.

B. gần nhất cách mắt 15 cm.

C. gần nhất cách mắt 50 cm.

D. xa nhất cách mắt 50 cm.

Câu 40. Nếu tăng hiệu điện thế ở đầu đường dây tải điện lên gấp 10 lần thì công suất hao phí trên đường dây tải điện sẽ

A. giảm 10 lần

B. giảm 100 lần

C. tăng gấp 10 lần

D. tăng gấp 100 lần

----- Chúc các con làm bài tốt! -----

Học sinh ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1. Ảnh của một ngọn nến qua một thấu kính phân kì

- A. có thể là ảnh thật, có thể là ảnh ảo.
- B. chỉ có thể là ảnh ảo, lớn hơn ngọn nến.
- C. chỉ có thể là ảnh ảo, nhỏ hơn ngọn nến.
- D. chỉ có thể là ảnh ảo, có thể lớn hoặc nhỏ hơn ngọn nến.

Câu 2. Khi nhìn rõ một vật thì ảnh của vật đó nằm ở:

- A. con ngươi của mắt
- B. lòng đen của mắt.
- C. thể thủy tinh của mắt.
- D. võng mạc của mắt.

Câu 3. Để sử dụng thiết bị có hiệu điện thế định mức 24V ở nguồn điện có hiệu điện thế 220V phải sử dụng máy biến thế có hai cuộn dây với số vòng dây tương ứng là

- A. sơ cấp 3458 vòng, thứ cấp 380 vòng
- B. sơ cấp 3300 vòng, thứ cấp 360 vòng
- C. sơ cấp 360 vòng, thứ cấp 3300 vòng
- D. sơ cấp 380 vòng, thứ cấp 3458 vòng

Câu 4. Khoảng cách giữa hai tiêu điểm của thấu kính phân kì bằng

- A. hai lần tiêu cự của thấu kính.
- B. bốn lần tiêu cự của thấu kính.
- C. một nửa tiêu cự của thấu kính.
- D. tiêu cự của thấu kính.

Câu 5. Với hai cuộn dây có số vòng dây khác nhau ở máy biến thế thì

- A. cả hai cuộn đều là cuộn sơ cấp.
- B. dòng điện được đưa vào cuộn nào thì cuộn đó là cuộn sơ cấp.
- C. cuộn dây ít vòng hơn là cuộn thứ cấp.
- D. cuộn dây ít vòng hơn là cuộn sơ cấp.

Câu 6. Đặc điểm của mắt cận

- A. điểm cực cận bị kéo ra xa hơn so với mắt bình thường.
- B. chỉ nhìn rõ những vật ở xa.
- C. điểm cực viễn bị kéo ra xa hơn so với mắt bình thường.
- D. chỉ nhìn rõ những vật ở gần.

Câu 7. Một người quan sát một vật nhỏ bằng kính lúp, người ấy phải điều chỉnh để

- A. ảnh của vật là ảnh ảo, cùng chiều, lớn hơn vật.
- B. ảnh của vật là ảnh ảo, ngược chiều, lớn hơn vật.
- C. ảnh của vật là ảnh thật, cùng chiều, lớn hơn vật.
- D. ảnh của vật là ảnh ảo, cùng chiều, nhỏ hơn vật.

Câu 8. Bộ phận quan trọng nhất của mắt là

- A. con ngươi và thấu kính.
- B. thể thủy tinh và thấu kính.
- C. màng lưới và võng mạc.
- D. thể thủy tinh và màng lưới.

Câu 9. Điểm cực viễn của mắt lão thì:

- A. Bằng điểm cực viễn của mắt thường.
- B. Xa hơn điểm cực viễn của mắt thường.
- C. Gần hơn điểm cực viễn của mắt thường.
- D. Bằng điểm cực viễn của mắt cận.

Câu 10. Mắt cận có điểm cực viễn

- A. ở rất xa mắt.
- B. xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường.
- C. gần mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường.
- D. xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt lão.

Câu 11. Vật sáng AB đặt trước 1 thấu kính phân kì có tiêu cự 12cm một khoảng là 20cm. Khoảng cách từ ảnh đến thấu kính là:

- A. 11cm.
- B. 11,5cm.
- C. 8cm.
- D. 7,5cm.

Câu 12. Máy biến thế dùng để

- A. làm tăng hoặc giảm hiệu điện thế
- B. giữ cường độ dòng điện ổn định, không đổi
- C. làm tăng hoặc giảm cường độ dòng điện
- D. giữ hiệu điện thế ổn định, không đổi

Câu 13. Mắt của một người chỉ nhìn rõ được các vật cách mắt từ 10cm đến 100cm. Mắt này có tật gì và phải đeo kính nào?

- A. Mắt cận, đeo kính phân kì.
- B. Mắt lão, đeo kính hội tụ.
- C. Mắt lão, đeo kính phân kì.
- D. Mắt cận, đeo kính hội tụ.

Câu 14. Để khắc phục tật mắt lão, ta cần đeo loại kính có tính chất như

- A. kính mát
- B. kính phân kì
- C. kính râm
- D. kính hội tụ

Câu 15. Nếu tăng hiệu điện thế ở đầu đường dây tải điện lên gấp 10 lần thì công suất hao phí trên đường dây tải điện sẽ

- A. tăng gấp 10 lần
- B. tăng gấp 100 lần
- C. giảm 10 lần
- D. giảm 100 lần

Câu 16. Chọn câu trả lời sai.

Một người cận thị có điểm cực cận cách mắt 15 cm và phải đeo kính có tiêu cự 50 cm. Khi không đeo kính, người đó nhìn rõ vật:

- A. xa nhất cách mắt 50 cm.
- B. gần nhất cách mắt 15 cm.
- C. cách mắt trong khoảng từ 15 đến 50 cm.
- D. gần nhất cách mắt 50 cm.

Câu 17. Một vật sáng được đặt tại tiêu điểm của thấu kính phân kì. Khoảng cách giữa ảnh và thấu kính là

- A. $f/3$
- B. $f/2$
- C. $2f$
- D. f

Câu 18. Biểu thức tính công suất hao phí (công suất tỏa nhiệt)

- A. $P_{hp} = U.R$
- B. $P_{hp} = R.P^2 / U^2$
- C. $P_{hp} = I.R$
- D. $P_{hp} = P.U^2/R$

Câu 19. Kính cận thích hợp là kính phân kì có tiêu điểm F

- A. nằm giữa điểm cực cận và thể thủy tinh của mắt.
- B. nằm giữa điểm cực cận và điểm cực viễn của mắt.
- C. trùng với điểm cực viễn của mắt.
- D. trùng với điểm cực cận của mắt.

Câu 20. Tia tới song song song trục chính một thấu kính phân kì, cho tia ló có đường kéo dài cắt trục chính tại một điểm cách quang tâm O của thấu kính 15 cm. Độ lớn tiêu cự của thấu kính là

- A. 30 cm
- B. 15 cm
- C. 20 cm
- D. 25 cm

Câu 21. Lần lượt đặt vật AB trước thấu kính phân kì và thấu kính hội tụ. Thấu kính phân kì cho ảnh ảo A_1B_1 , thấu kính hội tụ cho ảnh ảo A_2B_2 thì

- A. $A_1B_1 > A_2B_2$ B. $A_1B_1 = A_2B_2$ C. $A_1B_1 < A_2B_2$ D. $A_1B_1 \geq A_2B_2$

Câu 22. Ảnh của một vật sáng đặt ngoài khoảng tiêu cự của thấu kính hội tụ có tiêu cự $f = 16\text{cm}$. Có thể thu được ảnh nhỏ hơn vật tạo bởi thấu kính này khi đặt vật cách thấu kính

- A. 8cm . B. 48cm . C. 16cm . D. 32cm .

Câu 23. Một người quan sát vật AB qua một thấu kính phân kì, đặt cách mắt 8 cm thì thấy ảnh của mọi vật ở xa, gần đều hiện lên cách mắt trong khoảng 64 cm trở lại. Xác định tiêu cự của thấu kính phân kì

- A. 72 cm B. 40 cm C. 64 cm D. 56 cm

Câu 24. Chiếu một tia sáng qua quang tâm của một thấu kính phân kì, theo phương không song song với trục chính. Tia sáng ló ra khỏi thấu kính sẽ có phương như thế nào?

- A. Cùng với phương của tia sáng tới
B. Phương lệch ra xa trục chính của thấu kính
C. Phương lệch lại gần trục chính của thấu kính
D. Phương bất kì

Câu 25. Máy phát điện xoay chiều là thiết bị dùng để

- A. biến đổi điện năng thành nhiệt năng B. biến đổi điện năng thành cơ năng
C. biến đổi cơ năng thành điện năng D. biến đổi nhiệt năng thành điện năng

Câu 26. Số bội giác và tiêu cự (đo bằng đơn vị xentimet) của một kính lúp có hệ thức:

- A. $G = 25f$ B. $G = f/25$ C. $G = 25 - f$ D. $G = 25/f$

Câu 27. Điều nào sau đây không đúng khi so sánh tác dụng của dòng điện một chiều và dòng điện xoay chiều?

- A. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều có khả năng trực tiếp nạp điện cho acquy.
B. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều tỏa ra nhiệt khi chạy qua một dây dẫn.
C. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều gây ra từ trường.
D. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều có khả năng làm phát quang bóng đèn.

Câu 28. Kính lúp là thấu kính hội tụ có

- A. tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật lớn.
B. tiêu cự dài dùng để quan sát các vật có hình dạng phức tạp.
C. tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật nhỏ.
D. tiêu cự dài dùng để quan sát các vật nhỏ.

Câu 29. Số ghi trên vành của một kính lúp là $5x$. Tiêu cự kính lúp có giá trị là

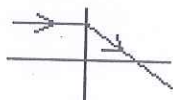
- A. $f = 5\text{dm}$ B. $f = 5\text{cm}$ C. $f = 5\text{m}$ D. $f = 5\text{mm}$

Câu 30. Trong hiện tượng khúc xạ ánh sáng, góc tới (i) là góc tạo bởi:

- A. tia khúc xạ và tia tới. B. tia tới và điểm tới
C. tia tới và pháp tuyến tại điểm tới. D. tia tới và mặt phân cách

Câu 31. Xét đường đi của tia sáng qua thấu kính, thấu kính ở hình nào là thấu kính phân kì?

- A. hình d
B. hình a
C. hình b
D. hình c



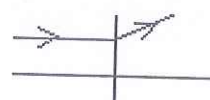
hình a



hình b



hình c



hình d

- Câu 32.** Một cốc thủy tinh trong, đáy phẳng, đựng nước trong suốt, được đặt trên một tờ giấy có chữ A. Một người đặt mắt nhìn theo phương thẳng đứng, nhìn chữ A đó qua nước trong cốc. Hỏi tia sáng truyền từ chữ A đến mắt chịu bao nhiêu lần khúc xạ?
- A. Hai lần B. Ba lần C. Một lần D. Bốn lần
- Câu 33.** Thấu kính hội tụ có đặc điểm và tác dụng nào dưới đây?
- A. Có phần giữa dày hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
 B. Có phần giữa dày hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
 C. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
 D. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
- Câu 34.** Tác dụng từ của dòng điện thay đổi như thế nào khi dòng điện đổi chiều?
- A. Không có tác dụng từ B. Tác dụng từ giảm đi
 C. Tác dụng từ mạnh lên gấp đôi D. Lực từ đổi chiều
- Câu 35.** Máy phát điện xoay chiều gồm mấy bộ phận
- A. 1 B. 4 C. 2 D. 3
- Câu 36.** Tác dụng của kính cận là để
- A. tạo ảnh ảo nằm trong khoảng cực viễn của mắt.
 B. tạo ảnh ảo nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.
 C. tạo ảnh thật nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.
 D. tạo ảnh thật nằm trong khoảng cực viễn của mắt.
- Câu 37.** Một tia sáng phát ra từ một bóng đèn trong bể cá cảnh, chiếu lên trên, xiên góc vào mặt nước và ló ra ngoài không khí thì
- A. góc khúc xạ sẽ nhỏ hơn góc tới B. không có hiện tượng xảy ra
 C. góc khúc xạ sẽ bằng góc tới D. góc khúc xạ sẽ lớn hơn góc tới
- Câu 38.** Khi nói về mắt, câu phát biểu nào sau đây là đúng?
- A. Khi quan sát vật ở điểm cực cận, mắt phải điều tiết mạnh nhất.
 B. Điểm cực viễn là điểm xa nhất mà khi đặt vật tại đó mắt điều tiết mạnh nhất mới nhìn rõ.
 C. Không thể quan sát được vật khi đặt vật ở điểm cực viễn của mắt.
 D. Điểm cực cận là điểm gần nhất mà khi đặt vật tại đó mắt không điều tiết vẫn nhìn rõ được.
- Câu 39.** Vật sáng AB được đặt vuông góc với trục chính tại tiêu điểm của một thấu kính phân kì có tiêu cự f. Nếu dịch chuyển vật lại gần thấu kính thì ảnh ảo của vật sẽ
- A. càng lớn và càng xa thấu kính. B. càng nhỏ và càng gần thấu kính.
 C. càng lớn và càng gần thấu kính. D. càng nhỏ và càng xa thấu kính.
- Câu 40.** Hằng quan sát một cây thẳng đứng cao 12m cách chỗ Hằng đứng 25m. Biết màng lưới mắt của Hằng cách thể thủy tinh 1,5 cm. Chiều cao ảnh của cây trên màng lưới mắt Hằng là bao nhiêu?
- A. 7,2 mm B. 7,2 cm C. 0,38m D. 0,38 cm
- Chúc các con làm bài tốt! -----

Học sinh ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng

gì và phải đeo kính nào?

- A. Mắt lão, đeo kính phân kì.
C. Mắt cận, đeo kính phân kì.
Câu 2. Kính lúp là thấu kính hội tụ.
B. Mắt cận, đeo kính hội tụ.
D. Mắt lão, đeo kính hội tụ.

Câu 2. Kính lúp là thấu kính hội tụ có

- A. tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật lớn.
B. tiêu cự dài dùng để quan sát các vật có hình dạng phức tạp.
C. tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật nhỏ.
D. tiêu cự dài dùng để quan sát các vật nhỏ.

Câu 3. Bộ phận quan trọng nhất của mắt là

- A. thể thủy tinh và thấu kính.
C. màng lưới và võng mạc.
B. thể thủy tinh và màng lưới.
D. con ngươi và thấu kính.

Câu 4. Khi nói về mắt, câu phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Điểm cực cận là điểm gần nhất mà khi đặt vật tại đó mắt không điều tiết vẫn nhìn rõ được.
B. Không thể quan sát được vật khi đặt vật ở điểm cực viễn của mắt.
C. Khi quan sát vật ở điểm cực cận, mắt phải điều tiết mạnh nhất.
D. Điểm cực viễn là điểm xa nhất mà khi đặt vật tại đó mắt điều tiết mạnh nhất mới nhìn rõ.

Câu 5. Đặc điểm của mắt cân

- A. điểm cực cận bị kéo ra xa hơn so với mắt bình thường.
B. chỉ nhìn rõ những vật ở xa.
C. điểm cực viễn bị kéo ra xa hơn so với mắt bình thường.
D. chỉ nhìn rõ những vật ở gần.

Câu 6. Ảnh của một vật sáng đặt ngoài khoảng tiêu cự của thấu kính hội tụ có tiêu cự $f = 16\text{cm}$. Có thể thu được ảnh nhỏ hơn vật tạo bởi thấu kính này khi đặt vật cách thấu kính

A. 48cm B. 16cm

- A. 48cm. B. 16cm. C. 8cm. D. 32cm.

Câu 7. Một người quan sát một vật nhỏ bằng kính lúp, người ấy phải điều chỉnh để

- A. ảnh của vật là ảnh ảo, cùng chiều, lớn hơn vật.
B. ảnh của vật là ảnh ảo, cùng chiều, nhỏ hơn vật.
C. ảnh của vật là ảnh ảo, ngược chiều, lớn hơn vật.
D. ảnh của vật là ảnh thật, cùng chiều, lớn hơn vật.

Câu 8. Mắt cận có điểm cực viễn

- A. ở rất xa mắt.
B. xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường.
C. gần mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường.
D. xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt lão.

Câu 9. Ảnh của một ngọn nến qua một thấu kính phân kì

- A. có thể là ảnh thật, có thể là ảnh ảo.
B. chỉ có thể là ảnh ảo, nhỏ hơn ngọn nến.
C. chỉ có thể là ảnh ảo, có thể lớn hoặc nhỏ hơn ngọn nến.

D. chỉ có thể là ảnh ảo, lớn hơn ngọn nến.

Câu 10. Tác dụng từ của dòng điện thay đổi như thế nào khi dòng điện đổi chiều?

A. Lực từ đổi chiều

B. Tác dụng từ mạnh lên gấp đôi

C. Tác dụng từ giảm đi

D. Không có tác dụng từ

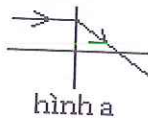
Câu 11. Xét đường đi của tia sáng qua thấu kính, thấu kính ở hình nào là thấu kính phân kì?

A. hình d

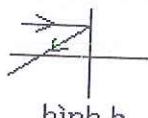
B. hình c

C. hình a

D. hình b



hình a



hình b



hình c



hình d

Câu 12. Máy phát điện xoay chiều gồm mấy bộ phận

A. 3

B. 1

C. 4

D. 2

Câu 13. Tác dụng của kính cận là để

A. tạo ảnh thật nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.

B. tạo ảnh thật nằm trong khoảng cực viễn của mắt.

C. tạo ảnh ảo nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.

D. tạo ảnh ảo nằm trong khoảng cực viễn của mắt.

Câu 14. Một người quan sát vật AB qua một thấu kính phân kì, đặt cách mắt 8 cm thì thấy ảnh của vật ở xa, gần đều hiện lên cách mắt trong khoảng 64 cm trở lại. Xác định tiêu cự của thấu kính phân kì

A. 40 cm

B. 56 cm

C. 72 cm

D. 64 cm

Câu 15. Trong hiện tượng khúc xạ ánh sáng, góc tới (i) là góc tạo bởi:

A. tia tới và điểm tới

B. tia khúc xạ và tia tới.

C. tia tới và mặt phân cách

D. tia tới và pháp tuyến tại điểm tới.

Câu 16. Số ghi trên vành của một kính lúp là 5x. Tiêu cự kính lúp có giá trị là

A. $f = 5\text{cm}$

B. $f = 5\text{mm}$

C. $f = 5\text{m}$

D. $f = 5\text{dm}$

Câu 17. Thấu kính hội tụ có đặc điểm và tác dụng nào dưới đây?

A. Có phần giữa dày hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.

B. Có phần giữa dày hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.

C. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.

D. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.

Câu 18. Tia tới song song trục chính chiếu vào một thấu kính phân kì, cho tia ló có đường kéo dài cắt trục chính tại một điểm cách quang tâm O của thấu kính 15 cm. Độ lớn tiêu cự của thấu kính là

A. 15 cm

B. 25 cm

C. 20 cm

D. 30 cm

Câu 19. Một tia sáng phát ra từ một bóng đèn trong bể cá cảnh, chiếu lên trên, xiên góc vào mặt nước và ló ra ngoài không khí thì

A. góc khúc xạ sẽ bằng góc tới

B. góc khúc xạ sẽ nhỏ hơn góc tới

C. không có hiện tượng xảy ra

D. góc khúc xạ sẽ lớn hơn góc tới

Câu 20. Vật sáng AB được đặt vuông góc với trục chính tại tiêu điểm của một thấu kính phân kì có tiêu cự f. Nếu dịch chuyển vật lại gần thấu kính thì ảnh ảo của vật sẽ

A. càng nhỏ và càng xa thấu kính.

B. càng lớn và càng xa thấu kính.

C. càng lớn và càng gần thấu kính.

D. càng nhỏ và càng gần thấu kính.

Câu 21. Chọn câu trả lời sai

Một người cận thị có điểm cực cận cách mắt 15 cm và phải đeo kính có tiêu cự 50 cm. Khi không đeo kính, người đó nhìn rõ vật:

- A. xa nhất cách mắt 50 cm.
- B. gần nhất cách mắt 50 cm.
- C. gần nhất cách mắt 15 cm.
- D. cách mắt trong khoảng từ 15 đến 50 cm.

Câu 22. Với hai cuộn dây có số vòng dây khác nhau ở máy biến thế thì

- A. dòng điện được đưa vào cuộn nào thì cuộn đó là cuộn sơ cấp.
- B. cuộn dây ít vòng hơn là cuộn sơ cấp.
- C. cuộn dây ít vòng hơn là cuộn thứ cấp.
- D. cả hai cuộn đều là cuộn sơ cấp.

Câu 23. Để sử dụng thiết bị có hiệu điện thế định mức 24V ở nguồn điện có hiệu điện thế 220V phải sử dụng máy biến thế có hai cuộn dây với số vòng dây tương ứng là

- A. sơ cấp 360 vòng, thứ cấp 3300 vòng
- B. sơ cấp 380 vòng, thứ cấp 3458 vòng
- C. sơ cấp 3300 vòng, thứ cấp 360 vòng
- D. sơ cấp 3458 vòng, thứ cấp 380 vòng

Câu 24. Điều nào sau đây không đúng khi so sánh tác dụng của dòng điện một chiều và dòng điện xoay chiều?

- A. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều gây ra từ trường.
- B. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều có khả năng làm phát quang bóng đèn.
- C. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều có khả năng trực tiếp nạp điện cho acquy.
- D. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều tỏa ra nhiệt khi chạy qua một dây dẫn.

Câu 25. Hằng quan sát một cây thẳng đứng cao 12m cách chỗ Hằng đứng 25m. Biết màng lưới mắt của Hằng cách thể thủy tinh 1,5 cm. Chiều cao ảnh của cây trên màng lưới mắt Hằng là bao nhiêu?

- A. 0,38 cm
- B. 7,2 mm
- C. 0,38m
- D. 7,2 cm

Câu 26. Một cốc thủy tinh trong, đáy phẳng, đựng nước trong suốt, được đặt trên một tờ giấy có chữ A. Một người đặt mắt nhìn theo phương thẳng đứng, nhìn chữ A đó qua nước trong cốc. Hỏi tia sáng truyền từ chữ A đến mắt chịu bao nhiêu lần khúc xạ?

- A. Ba lần
- B. Bốn lần
- C. Hai lần
- D. Một lần

Câu 27. Khoảng cách giữa hai tiêu điểm của thấu kính phân kì bằng

- A. tiêu cự của thấu kính.
- B. hai lần tiêu cự của thấu kính.
- C. bốn lần tiêu cự của thấu kính.
- D. một nửa tiêu cự của thấu kính.

Câu 28. Số bội giác và tiêu cự (đo bằng đơn vị xentimet) của một kính lúp có hệ thức:

- A. $G = 25f$
- B. $G = 25 - f$
- C. $G = f/25$
- D. $G = 25/f$

Câu 29. Nếu tăng hiệu điện thế ở đầu đường dây tải điện lên gấp 10 lần thì công suất hao phí trên đường dây tải điện sẽ

- A. tăng gấp 100 lần
- B. giảm 100 lần
- C. tăng gấp 10 lần
- D. giảm 10 lần

Câu 30. Máy phát điện xoay chiều là thiết bị dùng để

- A. biến đổi nhiệt năng thành điện năng
- B. biến đổi điện năng thành nhiệt năng
- C. biến đổi điện năng thành cơ năng
- D. biến đổi cơ năng thành điện năng

Câu 31. Chiều một tia sáng qua quang tâm của một thấu kính phân kì, theo phương không song song với trục chính. Tia sáng ló ra khỏi thấu kính sẽ có phương như thế nào?

- A. Phương bất kì
- B. Phương lệch lại gần trục chính của thấu kính
- C. Phương lệch ra xa trục chính của thấu kính
- D. Cùng với phương của tia sáng tới

Câu 32. Khi nhìn rõ một vật thì ảnh của vật đó nằm ở:

- A. thể thủy tinh của mắt. B. võng mạc của mắt.
C. con ngươi của mắt D. lòng đen của mắt.

Câu 33. Để khắc phục tật mắt lão, ta cần đeo loại kính có tính chất như

- A. kính phân kì B. kính hội tụ C. kính mát D. kính râm

Câu 34. Kính cận thích hợp là kính phân kì có tiêu điểm F

- A. trùng với điểm cực cận của mắt.
B. nằm giữa điểm cực cận và điểm cực viễn của mắt.
C. trùng với điểm cực viễn của mắt.
D. nằm giữa điểm cực cận và thể thủy tinh của mắt.

Câu 35. Điểm cực viễn của mắt lão thì:

- A. Xa hơn điểm cực viễn của mắt thường.
B. Bằng điểm cực viễn của mắt cận.
C. Gần hơn điểm cực viễn của mắt thường.
D. Bằng điểm cực viễn của mắt thường.

Câu 36. Máy biến thế dùng để

- A. giữ cường độ dòng điện ổn định, không đổi
B. làm tăng hoặc giảm hiệu điện thế
C. giữ hiệu điện thế ổn định, không đổi
D. làm tăng hoặc giảm cường độ dòng điện

Câu 37. Lần lượt đặt vật AB trước thấu kính phân kì và thấu kính hội tụ. Thấu kính phân kì cho ảnh ảo A_1B_1 , thấu kính hội tụ cho ảnh ảo A_2B_2 thì

- A. $A_1B_1 \geq A_2B_2$ B. $A_1B_1 = A_2B_2$ C. $A_1B_1 > A_2B_2$ D. $A_1B_1 < A_2B_2$

Câu 38. Một vật sáng được đặt tại tiêu điểm của thấu kính phân kì. Khoảng cách giữa ảnh và thấu kính là

- A. $f/3$ B. $2f$ C. $f/2$ D. f

Câu 39. Vật sáng AB đặt trước 1 thấu kính phân kì có tiêu cự 12cm một khoảng là 20cm. Khoảng cách từ ảnh đến thấu kính là:

- A. 11cm. B. 11,5cm. C. 7,5cm. D. 8cm.

Câu 40. Biểu thức tính công suất hao phí (công suất tỏa nhiệt)

- A. $P_{hp} = R.P^2/U^2$ B. $P_{hp} = I.R$ C. $P_{hp} = U.R$ D. $P_{hp} = P.U^2/R$

----- Chúc các con làm bài tốt! -----

Học sinh ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1. Ảnh của một ngọn nến qua một thấu kính phân kì

- A. chỉ có thể là ảnh ảo, nhỏ hơn ngọn nến.
- B. có thể là ảnh thật, có thể là ảnh ảo.
- C. chỉ có thể là ảnh ảo, lớn hơn ngọn nến.
- D. chỉ có thể là ảnh ảo, có thể lớn hoặc nhỏ hơn ngọn nến.

Câu 2. Mắt của một người chỉ nhìn rõ được các vật cách mắt từ 10cm đến 100cm. Mắt này có tật gì và phải đeo kính nào?

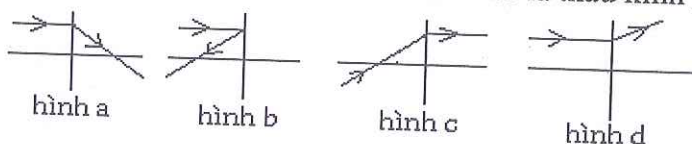
- A. Mắt lão, đeo kính hội tụ.
- B. Mắt lão, đeo kính phân kì.
- C. Mắt cận, đeo kính phân kì.
- D. Mắt cận, đeo kính hội tụ.

Câu 3. Một vật sáng được đặt tại tiêu điểm của thấu kính phân kì. Khoảng cách giữa ảnh và thấu kính là

- A. $f/3$
- B. $f/2$
- C. f
- D. $2f$

Câu 4. Xét đường đi của tia sáng qua thấu kính, thấu kính ở hình nào là thấu kính phân kì?

- A. hình a
- B. hình b
- C. hình d
- D. hình c



Câu 5. Thấu kính hội tụ có đặc điểm và tác dụng nào dưới đây?

- A. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
- B. Có phần giữa dày hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
- C. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
- D. Có phần giữa dày hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.

Câu 6. Trong hiện tượng khúc xạ ánh sáng, góc tới (i) là góc tạo bởi:

- A. tia tới và mặt phân cách
- B. tia tới và pháp tuyến tại điểm tới.
- C. tia tới và điểm tới
- D. tia khúc xạ và tia tới.

Câu 7. Máy biến thế dùng để

- A. làm tăng hoặc giảm hiệu điện thế
- B. làm tăng hoặc giảm cường độ dòng điện
- C. giữ hiệu điện thế ổn định, không đổi
- D. giữ cường độ dòng điện ổn định, không đổi

Câu 8. Lần lượt đặt vật AB trước thấu kính phân kì và thấu kính hội tụ. Thấu kính phân kì cho ảnh ảo A_1B_1 , thấu kính hội tụ cho ảnh ảo A_2B_2 thì

- A. $A_1B_1 < A_2B_2$
- B. $A_1B_1 = A_2B_2$
- C. $A_1B_1 \geq A_2B_2$
- D. $A_1B_1 > A_2B_2$

Câu 9. Để khắc phục tật mắt lão, ta cần đeo loại kính có tính chất như

- A. kính mát
- B. kính hội tụ
- C. kính râm
- D. kính phân kì

Câu 10. Máy phát điện xoay chiều gồm mấy bộ phận

- A. 3
- B. 1
- C. 4
- D. 2

Câu 11. Một tia sáng phát ra từ một bóng đèn trong bể cá cảnh, chiếu lên trên, xiên góc vào mặt nước và ló ra ngoài không khí thì

- A. góc khúc xạ sẽ nhỏ hơn góc tới
- B. góc khúc xạ sẽ lớn hơn góc tới

C. không có hiện tượng xảy ra

D. góc khúc xạ sẽ bằng góc tới

Câu 12. Một người quan sát vật AB qua một thấu kính phân kì, đặt cách mắt 8 cm thì thấy ảnh của mọi vật ở xa, gần đều hiện lên cách mắt trong khoảng 64 cm trở lại. Xác định tiêu cự của thấu kính phân kì

A. 56 cm

B. 64 cm

C. 72 cm

D. 40 cm

Câu 13. Khi nhìn rõ một vật thì ảnh của vật đó nằm ở:

A. lòng đen của mắt.

B. con ngươi của mắt

C. thể thủy tinh của mắt.

D. võng mạc của mắt.

Câu 14. Để sử dụng thiết bị có hiệu điện thế định mức 24V ở nguồn điện có hiệu điện thế 220V phải sử dụng máy biến thế có hai cuộn dây với số vòng dây tương ứng là

A. sơ cấp 380 vòng, thứ cấp 3458 vòng

B. sơ cấp 3458 vòng, thứ cấp 380 vòng

C. sơ cấp 360 vòng, thứ cấp 3300 vòng

D. sơ cấp 3300 vòng, thứ cấp 360 vòng

Câu 15. Bộ phận quan trọng nhất của mắt là

A. thể thủy tinh và thấu kính.

B. màng lưới và võng mạc.

C. thể thủy tinh và màng lưới.

D. con ngươi và thấu kính.

Câu 16. Tác dụng của kính cận là để

A. tạo ảnh ảo nằm trong khoảng cực viễn của mắt.

B. tạo ảnh thật nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.

C. tạo ảnh thật nằm trong khoảng cực viễn của mắt.

D. tạo ảnh ảo nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.

Câu 17. Ảnh của một vật sáng đặt ngoài khoảng tiêu cự của thấu kính hội tụ có tiêu cự $f = 16\text{cm}$. Có thể thu được ảnh nhỏ hơn vật tạo bởi thấu kính này khi đặt vật cách thấu kính

A. 32cm.

B. 8cm.

C. 48cm.

D. 16cm.

Câu 18. Vật sáng AB đặt trước 1 thấu kính phân kì có tiêu cự 12cm một khoảng là 20cm. Khoảng cách từ ảnh đến thấu kính là:

A. 11cm.

B. 11,5cm.

C. 8cm.

D. 7,5cm.

Câu 19. Với hai cuộn dây có số vòng dây khác nhau ở máy biến thế thì

A. cả hai cuộn đều là cuộn sơ cấp.

B. cuộn dây ít vòng hơn là cuộn sơ cấp.

C. dòng điện được đưa vào cuộn nào thì cuộn đó là cuộn sơ cấp.

D. cuộn dây ít vòng hơn là cuộn thứ cấp.

Câu 20. Kính lúp là thấu kính hội tụ có

A. tiêu cự dài dùng để quan sát các vật có hình dạng phức tạp.

B. tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật nhỏ.

C. tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật lớn.

D. tiêu cự dài dùng để quan sát các vật nhỏ.

Câu 21. Hằng quan sát một cây thẳng đứng cao 12m cách chỗ Hằng đứng 25m. Biết màng lưới mắt của Hằng cách thể thủy tinh 1,5 cm. Chiều cao ảnh của cây trên màng lưới mắt Hằng là bao nhiêu?

A. 0,38m

B. 7,2 cm

C. 0,38 cm

D. 7,2 mm

Câu 22. Nếu tăng hiệu điện thế ở đầu đường dây tải điện lên gấp 10 lần thì công suất hao phí trên đường dây tải điện sẽ

A. tăng gấp 100 lần

B. giảm 100 lần

C. tăng gấp 10 lần

D. giảm 10 lần

Câu 23. Chiếu một tia sáng qua quang tâm của một thấu kính phân kì, theo phương không song song với trục chính. Tia sáng ló ra khỏi thấu kính sẽ có phương như thế nào?

- A. Phương bất kì
- B. Cùng với phương của tia sáng tới
- C. Phương lệch lại gần trục chính của thấu kính
- D. Phương lệch ra xa trục chính của thấu kính

Câu 24. Một người quan sát một vật nhỏ bằng kính lúp, người ấy phải điều chỉnh để

- A. ảnh của vật là ảnh ảo, cùng chiều, nhỏ hơn vật.
- B. ảnh của vật là ảnh thật, cùng chiều, lớn hơn vật.
- C. ảnh của vật là ảnh ảo, cùng chiều, lớn hơn vật.
- D. ảnh của vật là ảnh ảo, ngược chiều, lớn hơn vật.

Câu 25. Số ghi trên vành của một kính lúp là 5x. Tiêu cự kính lúp có giá trị là

- A. $f = 5\text{mm}$
- B. $f = 5\text{dm}$
- C. $f = 5\text{m}$
- D. $f = 5\text{cm}$

Câu 26. Điều nào sau đây không đúng khi so sánh tác dụng của dòng điện một chiều và dòng điện xoay chiều?

- A. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều có khả năng trực tiếp nạp điện cho acquy.
- B. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều có khả năng làm phát quang bóng đèn.
- C. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều gây ra từ trường.
- D. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều tỏa ra nhiệt khi chạy qua một dây dẫn.

Câu 27. Số bội giác và tiêu cự (đo bằng đơn vị xentimet) của một kính lúp có hệ thức:

- A. $G = f/25$
- B. $G = 25/f$
- C. $G = 25 - f$
- D. $G = 25f$

Câu 28. Đặc điểm của mắt cận

- A. chỉ nhìn rõ những vật ở gần
- B. điểm cực cận bị kéo ra xa hơn so với mắt bình thường.
- C. chỉ nhìn rõ những vật ở xa.
- D. điểm cực viễn bị kéo ra xa hơn so với mắt bình thường.

Câu 29. Tia tới song song song trục chính một thấu kính phân kì, cho tia ló có đường kéo dài cắt trục chính tại một điểm cách quang tâm O của thấu kính 15 cm. Độ lớn tiêu cự của thấu kính là

- A. 15 cm
- B. 20 cm
- C. 30 cm
- D. 25 cm

Câu 30. Máy phát điện xoay chiều là thiết bị dùng để

- A. biến đổi điện năng thành nhiệt năng
- B. biến đổi cơ năng thành điện năng
- C. biến đổi điện năng thành cơ năng
- D. biến đổi nhiệt năng thành điện năng

Câu 31. Biểu thức tính công suất hao phí (công suất tỏa nhiệt)

- A. $P_{hp} = U.R$
- B. $P_{hp} = I.R$
- C. $P_{hp} = P.U^2/R$
- D. $P_{hp} = R.P^2/U^2$

Câu 32. Tác dụng từ của dòng điện thay đổi như thế nào khi dòng điện đổi chiều?

- A. Tác dụng từ giảm đi
- B. Tác dụng từ mạnh lên gấp đôi
- C. Lực từ đổi chiều
- D. Không có tác dụng từ

Câu 33. Mắt cận có điểm cực viễn

- A. gần mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường.
- B. xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt lão.
- C. xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường.
- D. ở rất xa mắt.

Câu 34. Một cốc thủy tinh trong, đáy phẳng, đựng nước trong suốt, được đặt trên một tờ giấy có chữ A. Một người đặt mắt nhìn theo phương thẳng đứng, nhìn chữ A đó qua nước trong cốc. Hỏi tia sáng truyền từ chữ A đến mắt chịu bao nhiêu lần khúc xạ?

- A. Một lần
- B. Bốn lần
- C. Ba lần
- D. Hai lần

Câu 35. Khoảng cách giữa hai tiêu điểm của thấu kính phân kì bằng

- A. một nửa tiêu cự của thấu kính.
- C. hai lần tiêu cự của thấu kính.

- B. bốn lần tiêu cự của thấu kính.
- D. tiêu cự của thấu kính.

Câu 36. Chọn câu trả lời sai

Một người cận thị có điểm cực cận cách mắt 15 cm và phải đeo kính có tiêu cự 50 cm. Khi không đeo kính, người đó nhìn rõ vật:

- A. xa nhất cách mắt 50 cm.
- B. gần nhất cách mắt 15 cm.
- C. gần nhất cách mắt 50 cm.
- D. cách mắt trong khoảng từ 15 đến 50 cm.

Câu 37. Vật sáng AB được đặt vuông góc với trục chính tại tiêu điểm của một thấu kính phân kì có tiêu cự f . Nếu dịch chuyển vật lại gần thấu kính thì ảnh ảo của vật sẽ

- A. càng nhỏ và càng xa thấu kính.
- B. càng nhỏ và càng gần thấu kính.
- C. càng lớn và càng xa thấu kính.
- D. càng lớn và càng gần thấu kính.

Câu 38. Khi nói về mắt, câu phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Khi quan sát vật ở điểm cực cận, mắt phải điều tiết mạnh nhất.
- B. Điểm cực cận là điểm gần nhất mà khi đặt vật tại đó mắt không điều tiết vẫn nhìn rõ được.
- C. Không thể quan sát được vật khi đặt vật ở điểm cực viễn của mắt.
- D. Điểm cực viễn là điểm xa nhất mà khi đặt vật tại đó mắt điều tiết mạnh nhất mới nhìn rõ.

Câu 39. Điểm cực viễn của mắt lão thì:

- A. Gần hơn điểm cực viễn của mắt thường.
- B. Bằng điểm cực viễn của mắt cận.
- C. Xa hơn điểm cực viễn của mắt thường.
- D. Bằng điểm cực viễn của mắt thường.

Câu 40. Kính cận thích hợp là kính phân kì có tiêu điểm F

- A. trùng với điểm cực cận của mắt.
- B. trùng với điểm cực viễn của mắt.
- C. nằm giữa điểm cực cận và thể thủy tinh của mắt.
- D. nằm giữa điểm cực cận và điểm cực viễn của mắt.

----- Chúc các con làm bài tốt! -----

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN
Mã đề: 901

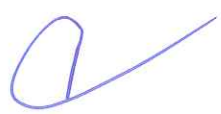
ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
Môn Vật lý – Khối 9
Thời gian làm bài: 45 phút

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm

1. B	2. B	3. C	4. D	5. C	6. A	7. D	8. C	9. C	10. A
11. A	12. C	13. A	14. B	15. A	16. A	17. C	18. C	19. B	20. D
21. C	22. B	23. D	24. A	25. B	26. A	27. D	28. A	29. D	30. D
31. C	32. D	33. B	34. D	35. C	36. B	37. B	38. D	39. A	40. B

Ban giám hiệu phụ trách

Khúc Thị Mỹ Hạnh

Tổ trưởng chuyên môn

Đỗ Minh Phượng

Nhóm trưởng chuyên môn

Nguyễn Thu An

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN
Mã đề: 902

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
Môn Vật lý – Khối 9
Thời gian làm bài: 45 phút

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm

1. C	2. D	3. B	4. A	5. B	6. D	7. A	8. D	9. B	10. C
11. D	12. A	13. A	14. D	15. D	16. C	17. B	18. B	19. C	20. B
21. C	22. B	23. D	24. A	25. C	26. D	27. A	28. C	29. B	30. C
31. A	32. B	33. B	34. D	35. C	36. A	37. D	38. A	39. C	40. A



Ban giám hiệu phụ trách

Khúc Thị Mỹ Hạnh

Tổ trưởng chuyên môn

Đỗ Minh Phượng

Nhóm trưởng chuyên môn

Nguyễn Thu An

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN
Mã đề: 903

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
Môn Vật lý – Khối 9
Thời gian làm bài: 45 phút

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm

1. C	2. C	3. B	4. C	5. D	6. A	7. A	8. C	9. B	10. A
11. A	12. D	13. D	14. B	15. D	16. A	17. B	18. A	19. D	20. C
21. D	22. A	23. C	24. C	25. B	26. A	27. B	28. D	29. B	30. D
31. D	32. B	33. B	34. C	35. A	36. B	37. D	38. C	39. C	40. A

Ban giám hiệu phụ trách

Tổ trưởng chuyên môn

Nhóm trưởng chuyên môn



Khúc Thị Mỹ Hạnh

A blue ink signature.

Đỗ Minh Phương

A blue ink signature.

Nguyễn Thu An

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN
Mã đề: 904

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
Môn Vật lý – Khối 9
Thời gian làm bài: 45 phút

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm

1. A	2. C	3. B	4. C	5. D	6. B	7. A	8. A	9. B	10. D
11. B	12. A	13. D	14. D	15. C	16. A	17. C	18. D	19. C	20. B
21. D	22. B	23. B	24. C	25. D	26. A	27. B	28. A	29. A	30. B
31. D	32. C	33. A	34. C	35. C	36. D	37. D	38. A	39. C	40. B

Ban giám hiệu phụ trách

Tổ trưởng chuyên môn

Nhóm trưởng chuyên môn



Khúc Thị Mỹ Hạnh

Đỗ Minh Phượng

Nguyễn Thu An

Học sinh ghi ra giấy kiểm tra chữ cái đứng trước đáp án đúng

- Câu 1.** Để sử dụng thiết bị có hiệu điện thế định mức 24V ở nguồn điện có hiệu điện thế 220V phải sử dụng máy biến thế có hai cuộn dây với số vòng dây tương ứng là
A. sơ cấp 3300 vòng, thứ cấp 360 vòng
B. sơ cấp 360 vòng, thứ cấp 3300 vòng
C. sơ cấp 380 vòng, thứ cấp 3458 vòng
D. sơ cấp 3458 vòng, thứ cấp 380 vòng
- Câu 2.** Ảnh của một vật sáng đặt ngoài khoảng tiêu cự của thấu kính hội tụ có tiêu cự $f = 16\text{cm}$. Có thể thu được ảnh nhỏ hơn vật tạo bởi thấu kính này khi đặt vật cách thấu kính
A. 48cm.
B. 32cm.
C. 16cm.
D. 8cm.
- Câu 3.** Vật sáng AB đặt trước 1 thấu kính phân kì có tiêu cự 12cm một khoảng là 20cm. Khoảng cách từ ảnh đến thấu kính là:
A. 11,5cm.
B. 11cm.
C. 7,5cm.
D. 8cm.
- Câu 4.** Chiếu một tia sáng qua quang tâm của một thấu kính phân kì, theo phương không song song với trục chính. Tia sáng ló ra khỏi thấu kính sẽ có phương như thế nào?
A. Phương bất kì
B. Cùng với phương của tia sáng tới
C. Phương lệch lại gần trục chính của thấu kính
D. Phương lệch ra xa trục chính của thấu kính
- Câu 5.** Vật sáng AB được đặt vuông góc với trục chính tại tiêu điểm của một thấu kính phân kì có tiêu cự f . Nếu dịch chuyển vật lại gần thấu kính thì ảnh ảo của vật sẽ
A. càng lớn và càng gần thấu kính.
B. càng nhỏ và càng gần thấu kính.
C. càng lớn và càng xa thấu kính.
D. càng nhỏ và càng xa thấu kính.
- Câu 6.** Kính lúp là thấu kính hội tụ có
A. tiêu cự dài dùng để quan sát các vật nhỏ.
B. tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật nhỏ.
C. tiêu cự dài dùng để quan sát các vật có hình dạng phức tạp.
D. tiêu cự ngắn dùng để quan sát các vật lớn.
- Câu 7.** Nếu tăng hiệu điện thế ở đầu đường dây tải điện lên gấp 10 lần thì công suất hao phí trên đường dây tải điện sẽ
A. giảm 100 lần
B. giảm 10 lần
C. tăng gấp 100 lần
D. tăng gấp 10 lần
- Câu 8.** Khi nhìn rõ một vật thì ảnh của vật đó nằm ở:
A. con ngươi của mắt
B. thể thủy tinh của mắt.
C. lòng đen của mắt.
D. võng mạc của mắt.
- Câu 9.** Một vật sáng được đặt tại tiêu điểm của thấu kính phân kì. Khoảng cách giữa ảnh và thấu kính là
A. f
B. $f/3$
C. $2f$
D. $f/2$
- Câu 10.** Để khắc phục tật mắt lão, ta cần đeo loại kính có tính chất như
A. kính râm
B. kính mát
C. kính hội tụ
D. kính phân kì
- Câu 11.** Số ghi trên vành của một kính lúp là 5x. Tiêu cự kính lúp có giá trị là
A. $f = 5\text{cm}$
B. $f = 5\text{mm}$
C. $f = 5\text{dm}$
D. $f = 5\text{m}$
- Câu 12.** Khoảng cách giữa hai tiêu điểm của thấu kính phân kì bằng

A. bốn lần tiêu cự của thấu kính.

C. hai lần tiêu cự của thấu kính.

B. một nửa tiêu cự của thấu kính.

D. tiêu cự của thấu kính.

Câu 13. Trong hiện tượng khúc xạ ánh sáng, góc tới (i) là góc tạo bởi:

A. tia tới và pháp tuyến tại điểm tới.

B. tia khúc xạ và tia tới.

C. tia tới và mặt phân cách

D. tia tới và điểm tới

Câu 14. Số bội giác và tiêu cự (đo bằng đơn vị xentimet) của một kính lúp có hệ thức:

A. $G = f/25$

B. $G = 25f$

C. $G = 25 - f$

D. $G = 25/f$

Câu 15. Máy biến thế dùng để

A. giữ cường độ dòng điện ổn định, không đổi

B. làm tăng hoặc giảm hiệu điện thế

C. giữ hiệu điện thế ổn định, không đổi

D. làm tăng hoặc giảm cường độ dòng điện

Câu 16. Tác dụng của kính cận là để

A. tạo ảnh thật nằm trong khoảng cực viễn của mắt.

B. tạo ảnh ảo nằm trong khoảng cực viễn của mắt.

C. tạo ảnh thật nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.

D. tạo ảnh ảo nằm ngoài khoảng cực viễn của mắt.

Câu 17. Chọn câu trả lời sai

Một người cận thị có điểm cực cận cách mắt 15 cm và phải đeo kính có tiêu cự 50 cm. Khi không đeo kính, người đó nhìn rõ vật:

A. gần nhất cách mắt 15 cm.

B. xa nhất cách mắt 50 cm.

C. cách mắt trong khoảng từ 15 đến 50 cm.

D. gần nhất cách mắt 50 cm.

Câu 18. Một cốc thủy tinh trong, đáy phẳng, đựng nước trong suốt, được đặt trên một tờ giấy có chữ A. Một người đặt mắt nhìn theo phương thẳng đứng, nhìn chữ A đó qua nước trong cốc. Hỏi tia sáng truyền từ chữ A đến mắt chịu bao nhiêu lần khúc xạ?

A. Bốn lần

B. Ba lần

C. Một lần

D. Hai lần

Câu 19. Điều nào sau đây không đúng khi so sánh tác dụng của dòng điện một chiều và dòng điện xoay chiều?

A. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều gây ra từ trường.

B. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều có khả năng làm phát quang bóng đèn.

C. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều tỏa ra nhiệt khi chạy qua một dây dẫn.

D. Dòng điện xoay chiều và dòng điện một chiều đều có khả năng trực tiếp nạp điện cho acquy.

Câu 20. Mắt của một người chỉ nhìn rõ được các vật cách mắt từ 10cm đến 100cm. Mắt này có tật gì và phải đeo kính nào?

A. Mắt cận, đeo kính phân kì.

B. Mắt lão, đeo kính phân kì.

C. Mắt cận, đeo kính hội tụ.

D. Mắt lão, đeo kính hội tụ.

Câu 21. Đặc điểm của mắt cận

A. điểm cực cận bị kéo ra xa hơn so với mắt bình thường.

B. chỉ nhìn rõ những vật ở xa.

C. điểm cực viễn bị kéo ra xa hơn so với mắt bình thường.

D. chỉ nhìn rõ những vật ở gần.

Câu 22. Với hai cuộn dây có số vòng dây khác nhau ở máy biến thế thì

- A. cuộn dây ít vòng hơn là cuộn thứ cấp.
- B. cả hai cuộn đều là cuộn sơ cấp.
- C. dòng điện được đưa vào cuộn nào thì cuộn đó là cuộn sơ cấp.
- D. cuộn dây ít vòng hơn là cuộn sơ cấp.

Câu 23. Điểm cực viễn của mắt lão thì:

- A. Xa hơn điểm cực viễn của mắt thường.
- B. Bằng điểm cực viễn của mắt thường.
- C. Bằng điểm cực viễn của mắt cận.
- D. Gần hơn điểm cực viễn của mắt thường.

Câu 24. Một người quan sát một vật nhỏ bằng kính lúp, người ấy phải điều chỉnh để

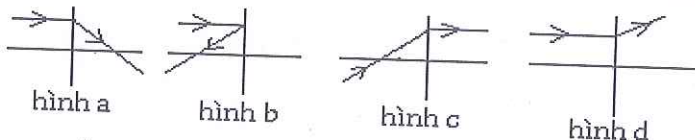
- A. ảnh của vật là ảnh ảo, cùng chiều, lớn hơn vật.
- B. ảnh của vật là ảnh ảo, ngược chiều, lớn hơn vật.
- C. ảnh của vật là ảnh ảo, cùng chiều, nhỏ hơn vật.
- D. ảnh của vật là ảnh thật, cùng chiều, lớn hơn vật.

Câu 25. Máy phát điện xoay chiều gồm mấy bộ phận

- A. 3
- B. 2
- C. 4
- D. 1

Câu 26. Xét đường đi của tia sáng qua thấu kính, thấu kính ở hình nào là thấu kính phân kì?

- A. hình c
- B. hình a
- C. hình d
- D. hình b



Câu 27. Thấu kính hội tụ có đặc điểm và tác dụng nào dưới đây?

- A. Có phần giữa dày hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
- B. Có phần giữa dày hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
- C. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.
- D. Có phần giữa mỏng hơn phần rìa và không cho phép thu được ảnh của Mặt Trời.

Câu 28. Mắt cận có điểm cực viễn

- A. ở rất xa mắt.
- B. xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường.
- C. gần mắt hơn điểm cực viễn của mắt bình thường.
- D. xa mắt hơn điểm cực viễn của mắt lão.

Câu 29. Kính cận thích hợp là kính phân kì có tiêu điểm F

- A. nằm giữa điểm cực cận và điểm cực viễn của mắt.
- B. nằm giữa điểm cực cận và thể thủy tinh của mắt.
- C. trùng với điểm cực cận của mắt.
- D. trùng với điểm cực viễn của mắt.

Câu 30. Tia tới song song song song trục chính một thấu kính phân kì, cho tia ló có đường kéo dài cắt trục chính tại một điểm cách quang tâm O của thấu kính 15 cm. Độ lớn tiêu cự của thấu kính là

- A. 30 cm
- B. 15 cm
- C. 20 cm
- D. 25 cm

Câu 31. Khi nói về mắt, câu phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Không thể quan sát được vật khi đặt vật ở điểm cực viễn của mắt.
- B. Điểm cực cận là điểm gần nhất mà khi đặt vật tại đó mắt không điều tiết vẫn nhìn rõ được.
- C. Khi quan sát vật ở điểm cực cận, mắt phải điều tiết mạnh nhất.
- D. Điểm cực viễn là điểm xa nhất mà khi đặt vật tại đó mắt điều tiết mạnh nhất mới nhìn rõ.

- Câu 32.** Một tia sáng phát ra từ một bóng đèn trong bể cá cảnh, chiếu lên trên, xiên góc vào mặt nước và ló ra ngoài không khí thì
- A. góc khúc xạ sẽ bằng góc tới
B. góc khúc xạ sẽ lớn hơn góc tới
C. góc khúc xạ sẽ nhỏ hơn góc tới
D. không có hiện tượng xảy ra
- Câu 33.** Lần lượt đặt vật AB trước thấu kính phân kì và thấu kính hội tụ. Thấu kính phân kì cho ảnh ảo A_1B_1 , thấu kính hội tụ cho ảnh ảo A_2B_2 thì
- A. $A_1B_1 \geq A_2B_2$
B. $A_1B_1 > A_2B_2$
C. $A_1B_1 = A_2B_2$
D. $A_1B_1 < A_2B_2$
- Câu 34.** Hằng quan sát một cây thẳng đứng cao 12m cách chỗ Hằng đứng 25m. Biết màng lưới mắt của Hằng cách thể thủy tinh 1,5 cm. Chiều cao ảnh của cây trên màng lưới mắt Hằng là bao nhiêu?
- A. 0,38m
B. 0,38 cm
C. 7,2 cm
D. 7,2 mm
- Câu 35.** Bộ phận quan trọng nhất của mắt là
- A. con ngươi và thấu kính.
B. màng lưới và võng mạc.
C. thể thủy tinh và màng lưới.
D. thể thủy tinh và thấu kính.
- Câu 36.** Tác dụng từ của dòng điện thay đổi như thế nào khi dòng điện đổi chiều?
- A. Không có tác dụng từ
B. Tác dụng từ mạnh lên gấp đôi
C. Tác dụng từ giảm đi
D. Lực từ đổi chiều
- Câu 37.** Một người quan sát vật AB qua một thấu kính phân kì, đặt cách mắt 8 cm thì thấy ảnh của vật ở xa, gần đều hiện lên cách mắt trong khoảng 64 cm trở lại. Xác định tiêu cự của thấu kính phân kì
- A. 64 cm
B. 56 cm
C. 72 cm
D. 40 cm
- Câu 38.** Ảnh của một ngọn nến qua một thấu kính phân kì
- A. chỉ có thể là ảnh ảo, có thể lớn hoặc nhỏ hơn ngọn nến.
B. có thể là ảnh thật, có thể là ảnh ảo.
C. chỉ có thể là ảnh ảo, lớn hơn ngọn nến.
D. chỉ có thể là ảnh ảo, nhỏ hơn ngọn nến.
- Câu 39.** Biểu thức tính công suất hao phí (công suất tỏa nhiệt)
- A. $P_{hp} = U.R$
B. $P_{hp} = R.P^2 / U^2$
C. $P_{hp} = I.R$
D. $P_{hp} = P.U^2/R$
- Câu 40.** Máy phát điện xoay chiều là thiết bị dùng để
- A. biến đổi điện năng thành cơ năng
B. biến đổi nhiệt năng thành điện năng
C. biến đổi cơ năng thành điện năng
D. biến đổi điện năng thành nhiệt năng

----- Chúc các con làm bài tốt! -----

TRƯỜNG THCS NGỌC LÂM
TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN
Mã đề: 905

ĐÁP ÁN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II
Môn Vật lý – Khối 9
Thời gian làm bài: 45 phút

Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm

1. A	2. A	3. C	4. B	5. A	6. B	7. A	8. D	9. D	10. C
11. A	12. C	13. A	14. D	15. B	16. B	17. C	18. B	19. D	20. A
21. D	22. C	23. A	24. A	25. B	26. C	27. A	28. C	29. D	30. B
31. C	32. B	33. D	34. D	35. C	36. D	37. B	38. D	39. B	40. C

Ban giám hiệu phụ trách

Tổ trưởng chuyên môn

Nhóm trưởng chuyên môn



Khúc Thị Mỹ Hạnh

Đỗ Minh Phương

Nguyễn Thu An